VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

NGỌC DŨNG

SỐ 58 THÁNG 12-1990

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

● **Thư Tòa Soạn:** trang 1 ● **Đoàn Khoách:** *thắp nén hương lòng nhân năm mươi năm ngày giỗ cụ phan* trang 3 ● **Lưu Huy Lạc:** *ở đêm* thơ trang 17 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phan bội châu, một chiến sĩ văn hóa* trang 18 ● **Ngu Yên:** *biết làm sao bây giờ* thơ trang 25 ● **Antoine de Saint Exupéry - Võ Đình Mai dịch:** *thư cho một con tin* trang 28 ● **Hoàng Xuân Sơn:** *ngụ ngôn* thơ trang 34 ● **Hồ Đình Nghiêm:** *xin níu lại giùm* truyện ngắn trang 35 ● **Mịch La Phong:** *lạc phụng* thơ trang 55 ● **Vũ Thùy Hạnh:** *đêm im lặng* thơ trang 56 ● **Chân Phương:** *giáng sinh* thơ trang 57 ● **Nguyễn Mạnh Trinh:** *bài thơ cho gió tháng chạp* thơ trang 58 ● **Lê Duy Linh:** *isaac bashevis singer với văn chương yiddish* trang 60 ● **Isaac Bashevic Singer - Lê Duy Linh dịch:** *gimple khờ* truyện ngắn trang 63● **Lê Bi:** *địa chỉ lòng tôi* thơ trang 77 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu...* chuyện dài trang 79 ● **Thời sự Văn Học** trang 100 ● **Thụy Khuê trả lời ông Nguyễn Ái Anh** trang 104 ● **giới thiệu sách báo, thư văn học**

Ban Chủ Biên:
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn văn Sâm, Trịnh Y Thư, Khánh Trường, Trương Vũ
Chủ Bút: Trịnh Y Thư
Tổng Thư Ký: Cao Xuân Huy
Trị Sự: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow
New South Wale 2211 Australia. Phone: (02)771.1770
Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 898.9074**

thư tòa soạn

Văn Học số này dành ra một số trang để tưởng niệm năm mươi năm ngày giỗ cụ Sào Nam Phan Bội Châu, một chí sĩ cách mạng, một nhà ái quốc nhiệt thành đã để lại tấm gương sáng cho muôn đời sau và một số lớn thơ văn yêu nước. Từ năm mười bảy tuổi, nửa đêm viết hịch *Bình Tây thu Bắc* cho đến những ngày cuối của cuộc đời bị quản thúc ở Huế, không lúc nào cụ ngơi nghỉ tìm cách đưa quốc gia dân tộc đến chỗ thực sự độc lập, ấm no.

Là người có tài năng lỗi lạc về văn chương nhưng cụ Phan không dùng văn chương để vinh thân phì gia mà đã sử dụng nó như một thứ vũ khí sắc bén chống kẻ thù và tìm ra lối thoát cho dân tộc. Có thể nói cụ đã đưa ra một kiểu mẫu trong văn học sử dân tộc bằng thể loại văn chương chiến đấu. Ở cụ, con người chiến sĩ và con người văn nghệ sĩ là một. Nói cách khác, cụ làm chính trị bằng văn chương.

Dù tâm nguyện trước khi mất không thành, cụ đã để lại một số lớn tác phẩm quan trọng kết tinh được những tư tưởng, tình tự cùng ý chí của dân tộc vào thời đó. Cụ là nhân vật tiêu biểu cho phong trào yêu nước vào tiền bán thế kỉ hai mươi và, ở bình diện văn học, là nhà văn, nhà thơ tiêu biểu cho dòng văn học yêu nước của thời kì này.

Qua bài viết của nhà biên khảo Đoàn Khoách, chúng ta được biết thêm một số giai thoại về cuộc đời đấu tranh cách mạng của cụ Phan. Và dưới ngòi bút đầy tính cảm phục của nhà văn Nguyễn Đức Lập, cụ

Phan Bội Châu không những chỉ vì đại ở chỗ cụ đã suốt đời vì dân, vì nước quên mình mà vào cuối đời cụ còn tự nhận lỗi thất bại về phần mình khiến cuộc đời cụ mãi mãi là một bài học cho những thế hệ về sau để "trông bánh xe đã đổ trước, thấy con đường thất bại, tìm kiếm con đường thành công".

Phần sáng tác số này qui tụ thơ truyện những người viết: Lê Bi, Vũ Thùy Hạnh, Lưu Hy Lạc, Hồ Đình Nghiêm, Mịch La Phong, Chân Phương, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Mạnh Trinh, Ngu Yên.

Trong phần văn học thế giới, nhà văn kiêm họa sĩ Võ Đình Mai trích dịch hai chương trong "Thư Cho Một Con Tin" (Lettre à Un Otage) của văn hào Pháp Antoine de Saint-Exupéry viết trong thời gian Saint-Exupéry tị nạn khi quê hương ông bị Đức Quốc Xã chiếm đóng; nhà văn Lê Duy Linh giới thiệu văn chương Isaac Bashevis Singer và bản dịch truyện ngắn "Gimpel Khờ" (Gimpel The Fool), một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của nhà văn Mỹ gốc Do thái này.

Sau số báo này, tòa soạn sẽ bắt tay vào việc thực hiện Giai phẩm Xuân Tân Mùi (gồm hai số 59 và 60 nhập một) để kịp ra mắt độc giả vào trung tuần tháng giêng dương lịch. Bài vở đóng góp cho giai phẩm Xuân xin gửi về trước ngày 31 tháng 12.

Văn Học

ĐOÀN KHOÁCH

thắp nén hương lòng nhân năm mươi năm ngày giỗ cụ phan

Cụ Phan Bội Châu (1867 – 1940) là một người nhiệt thành yêu nước. Cụ là một chiến sĩ cách mạng sẵn sàng hiến cả đời mình cho tổ quốc. Gặp thời nước mất, dân bị người Pháp cưỡi cổ đè đầu, Cụ đã nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của đất nước, nên đã cùng những người đồng chí đồng tâm đứng lên, cố đem độc lập cho tổ quốc, đem tự do cho giống nòi.

Từ năm mười bảy tuổi, Cụ đã có chí *"Bình Tây"*. Từ đó Cụ lần lần *"nạp bạn chiêu vong... âm kết hào kiệt"*. Đến năm ba mươi bốn tuổi đậu Giải Nguyên, thì Cụ đã như chim hồng thay lông đổi cánh, bắt tay vào những kế hoạch thực hành cứu dân cứu nước. Ra Bắc vào Nam, Cụ vừa tìm hiểu thêm tình hình vừa kết hợp thêm đồng chí. Rồi với tác phẩm *Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư*, Cụ kêu gọi hàng quan lại Nam triều, hàng sĩ phu khoa bảng, hàng giáo đồ đạo Thiên Chúa, ý thức cái nhục mất nước mất quyền, mà tiếp tay với chương trình hành động cùng hội Duy Tân của Cụ.

Hai mươi năm hoạt động ở nước ngoài, khi ở Trung hoa, khi ở Nhật bản, lúc đến Thái lan, lúc về Hương cảng, có lúc bị tù đày, có lúc suýt mất mạng, gian nan khổ sở đã nhiều, nhưng chí kiên cường lòng trong sáng vì nước vì dân của Cụ không hề thay đổi. Cụ là linh hồn của các phong trào yêu nước lúc đó. Cho nên Cụ không những được đồng

bào trong nước ngưỡng mộ, mà tên tuổi Cụ cũng được nhiều danh nhân nước ngoài sùng kính.

Đến khi bị sa lưới Pháp ở Thượng hải, rồi bị giam lỏng mười lăm năm ở Huế, Cụ không còn điều kiện để hoạt động tích cực được như xưa. Tuy nhiên sự hiện diện của Cụ lúc bấy giờ đã thức tỉnh được phần đông thế hệ thanh niên Việt nam lúc đó, hăng hái đi vào cuộc đấu tranh cho dân tộc với một sinh khí dồi dào.

Cụ Phan Bội Châu viết rất nhiều, cả Hán văn lẫn Quốc văn với gần đủ thể loại (1). Văn chương của Cụ gắn liền với mục đích cứu nước. Cho nên văn chương của Cụ khi thì kêu gọi đồng bào trong nước, khi thì kích thích anh em hoạt động ở ngoài, khi thì thức tỉnh tầng lớp thanh thiếu niên tu thân lập chí, khi thì muốn phơi bày tâm sự, thành thật kể lể những cái mất cái được của mình để đồng bào dễ dàng phán đoán mà rút ra những bài học kinh nghiệm về sau. Do đó mà tùy từng hoàn cảnh, tùy mỗi giai đoạn trong cuộc đời nổi chìm của Cụ, những tác phẩm của Cụ tuy có những sắc thái khác nhau nhưng tựu trung vẫn sáng lên một lòng yêu nước chân thành và một niềm tin vững chắc vào ý chí của dân tộc, vào tiền đồ của đất nước. Bài thơ Cụ ứng khẩu lưu biệt anh em đồng chí trước khi bí mật xuống tàu trốn sang Trung quốc, phải chăng như một lời thề sắt son của Cụ, mà đồng thời cũng nêu lên được một lý tưởng sống cho phần đông thế hệ thanh niên Việt nam lúc bấy giờ:

Sinh vi nam tử yếu hy kỳ,
Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di.
Ư bách niên trung tu hữu ngã,
Khởi thiên tải hậu cánh vô thùy.
Giang sơn tử hỹ sinh đồ nhuế,
Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si.
Nguyện trục trường phong Đông hải khứ,
Thiên trùng bách lãng nhất tề phi. (2)

Có nghĩa là:

Đã sinh làm trai thì nên khác thiên hạ,
Lẽ nào để trời đất xoay vần đến đâu thì đến!

Trong khoảng trăm năm trót đã có ta,
Còn chuyện nghìn năm sau thì sẽ có người sắp tới.
Non sông mất rồi, sống chi thêm nhơ,
Sách vở thánh hiền tẻ nhạt, đọc chi mụ người.
Muốn đuổi theo gió lớn đi qua bể Đông,
Để cùng bay nhảy với nghìn trùng sóng bạc.

Nhiều người đã dịch ra thơ. Sau đây là bản dịch của Đào Trinh Nhất:

Khác thường bay nhảy mới là trai,
Chẳng chịu vần xoay mặc ý trời.
Trong cuộc trăm năm đành có tớ,
Rồi sau muôn thuở há không ai.
Non sông đã mất, mình khôn sống,
Hiền thánh đâu còn, học cũng hoài.
Đông hải xông pha nương cánh gió,
Nghìn lần sóng bạc múa ngoài khơi.

Cuộc đời và sự nghiệp của Cụ Phan Bội Châu từ trước đến nay đã có nhiều sử sách nói đến khá tường tận (3). Để ghi lại lòng kính ngưỡng bậc hào kiệt Phan Bội Châu nhân kỷ niệm năm mươi năm ngày mất của Cụ, chúng tôi xin kể một vài giai thoại có liên quan đến cuộc đời cùng tác phẩm của Cụ.

1. Lối hát phường vải với ông đầu xứ San:

Nghệ tĩnh là quê hương của hát ví, hát dặm, hát phường vải. Lúc còn trẻ, Cụ Phan rất thích đi hát. Trong những lúc nhàn rỗi, hễ gặp đám thì bao giờ Cụ cũng tới tham gia. Cụ sớm nổi tiếng thông minh, học hành quảng bác, nên các cô gái trong vùng thường thích hát đối đáp với đầu xứ San hơn. Có lần một thiếu nữ vừa thấy bóng ông đầu xứ liền "chào":

Vấn quân hà tính, hà danh,
Hà châu hà quận, niên canh kỷ hà?
(Hỏi anh tên họ là gì?
Quận chầu nào tới, tuổi thì bao nhiêu?)

Một câu "chào" vừa hỏi đủ quê quán họ tên tuổi người mình

muốn "chào" vừa lại hoàn toàn bằng chữ Hán, trong đó có tiếng "hà" lập đi lập lại đến năm lần mà ngoài nghĩa chữ Hán "hà là gì, là thế nào" còn có nghĩa Nôm "hà là sùng, có mùi thối không ăn được, như khoai hà". Kể cũng khó trả lời cho xác đáng!

Chẳng lẽ một ông đầu xứ nổi danh mà chỉ trả lời được một cách thật thà lép vế như:

Nam đàn, Xuân liệu quê nhà,
Xuân thu hai tám tên là xứ San!

Hoặc vì quá để ý đến nghĩa Nôm của tiếng "hà là sùng" có vẻ không đẹp lắm mà sinh ra nổi nóng, vì "sùng" cũng còn có nghĩa là "nổi nóng", rồi trả lời một cách liều lĩnh:

Anh đây sùng quận sùng châu,
Sùng danh sùng tính xuân thâu cũng sùng!

Chắc hẳn đầu xứ San cũng thừa biết đây là một câu "chào" rất khó đáp. Tuy nhiên anh vẫn bình tĩnh, sáng suốt, nửa hàm ý tự cao, nửa hàm vẻ tài hoa tình tứ:

Trước Hồng lĩnh, sau Lam giang,
Nhà nào đọc sách gảy đàn, nhà anh.

Anh là đầu xứ San, ba lần đầu xứ, ở đất này ai mà không biết, còn bày đặt hỏi quê quán họ tên! Điều em muốn biết chăng là, anh đây vừa phong lưu nho nhã, lại vừa là đấng hào kiệt do khí thiêng sông núi Hồng, Lam un đúc nên!

Ồm ờ cao cách thật! Nhưng ông đầu xứ chạy đâu cho thoát với cô gái xứ Nghệ. Lần này một câu hỏi hóc búa được đưa ra. Câu hỏi không những chỉ vận dụng điển cố trong sách xưa, nhưng còn tìm cách dồn người đối đáp với mình đến ngõ bí, không cho phép họ hy vọng vào những kiến thức có được để trả lời, vì không có kiến thức nào đáp ứng được cả:

Chữ rằng: Nghiêu hữu cửu nam,
Biết Đan Chu là một, hỏi tám chàng tên chi?

"Nghiêu hữu cửu nam" là vua Nghiêu có chín người con trai, nhưng sách xưa chỉ chép tên một người là Đan Chu, còn tám người kia thì sách không nói đến. Câu hỏi trên quả thật là một câu hỏi hiểm hóc, không

thể trả lời được. Nhưng với con người thông minh mẫn tiệp như đầu xứ San, chả lẽ đầu hàng!

Nghe được câu hát chèo trên có tiếng "*hỏi*", mà ở Nghệ tĩnh "*hỏi*" có nhiều nghĩa, trong đó "*hỏi*" còn có nghĩa là "*lấy vợ, lấy chồng*" (*hỏi* vợ *hỏi* chồng, mới *hỏi* chứ chưa cưới), thế là ông đầu xứ đã có ngay một câu đáp tuyệt diệu:

Phận em là gái nữ nhi,
Một Đan Chu cũng đủ,
hỏi mần chi (làm gì) đến tám người!

Cô gái nghe ra, không những phải chịu, mà lại còn phải đỏ mặt!

Trong những trường hợp như vậy, chúng ta mới thấy ông đầu xứ San quả là một người biến báo, biết xoay chuyển tình thế, không nề sử dụng tính hài hước nghịch ngợm để áp đảo đối phương. Có điều, thua thì thua nhưng cô nàng quyết hỏi cho ra điều muốn hỏi, tuy có nghe nhưng chưa thật biết. Đó là ý chí của con người viết "*Bình Tây thu Bắc*" và "*Song Tuất Lục*". Do đó mà một chiếc bẫy khác của cô nàng được giương lên! Một câu hát rất bình thường, vừa dịu dàng vừa lơ lửng như để dò xem chí hướng của anh đầu xứ:

Nhất vui thơ túi rượu bầu,
Biết ai khanh tướng công hầu là ai?

Trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lăng, dân tộc bị mất hết chủ quyền, nếu chỉ nghĩ đến chuyện công danh để vinh thân phì gia, thì quả là con người thiếu tâm huyết. Anh đầu xứ San rất mẫn cảm về điều đó. Huống chi chí hướng bình sinh của anh là giúp dân cứu nước, nên anh thẳng thắn đáp lại:

Mặc ai khanh tướng công hầu,
Dưới thành luống những muốn câu cá kình.

Chí kình ngạc muốn vẫy vùng ở bể khơi. Rõ ràng là cốt cách của đấng trượng phu hào kiệt! Lập chí của ông đầu xứ đã rõ. Nhưng đối với cô nàng, đã tìm thì quyết phải tìm cho được, đã hỏi thì phải hỏi đi hỏi lại cho thật đến cùng. Vì vậy mà nàng trở lại một điển cố trong sách Hán để tìm hiểu thêm lòng người hào kiệt:

Tần cung mỹ nữ tam thiên,
Bái Công năng bất thùy diên giả hồ?
(Trong cung nhà Tần có ba nghìn con gái đẹp.
Bái Công sao không thèm đến chảy nước dãi đi được?)

Lần này ông đầu xứ cũng lại dùng điển cố trong sách Hán, nhưng thay vì trả lời thẳng ý người muốn hỏi, thì ông lại cho biết rõ hơn về ý chí của mình:

Quan trung tứ tái sơn hà,
Phì nhiêu thử địa, anh mà khả đô
(Đất Quan trung bốn bề đều là sông núi hiểm trở.
Đó là đất phì nhiêu anh có thể đóng đô được).

Ấy thế, từ chuyện xa xưa trong sách sử, bây giờ cô nàng đi thẳng vào tình hình cụ thể của đất nước để, nửa như có ý nhắc nhở về nhiệm vụ của kẻ làm trai, mà nửa như cũng thầm trách ông đầu xứ:

Mấy lâu nay anh mắc việc (bận việc) chi nhà?
Núi Hoành sơn lở, hỏi anh đà biết chưa?

Núi Hoành sơn lở! Cô nàng muốn nói một cách bóng bẩy nhưng nghiêm túc cô đọng: "Nước mất, nhà tan, vua bị đày, nhưng phong trào Cần Vương cũng đang sôi nổi".

Cô nàng đã gõ đúng cửa, nên ông đầu xứ chỉ còn một cách là "mở lòng" tiếp đón. Ông đã kín đáo biểu đồng tình với cô nàng một cách tình tứ:

Tai nghe miệng em nói, dạ anh những trù trừ,
Ô hô! Núi Hoành sơn lở răng chừ (bao giờ) rứa em?

Một khi đã rõ được ý chí và ý hướng hành động của ông đầu xứ rồi, bạn quần thoa không còn nghi ng dè dặt nữa. Cô nàng đã ân cần chào hỏi khi nghe phong thanh ông đầu xứ đang đi lập căn cứ đánh Tây đâu ở tận Ngàn sâu ấy:

Ầm ầm nghe tiếng ông San,
Rủ nhau cất gánh lên Ngàn tìm hoa.

Đã chịu nhau rồi thì "ông San" cũng niềm nở mời chị em tham gia việc cứu nước:

Chị em cất gánh San hà,
Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam.

Có điều "đàn bà nước Nam" không chỉ là một thứ "anh thư gỗ đá" mà "đàn bà nước Nam" đây tình nhà nợ nước luôn quyện lẫn nhau như bà Trưng thuở trước. Thành ra cho dẫu ông đầu xứ có nặng bên nước nhẹ bên nhà, thì thân gái vẫn mạnh dạn tỏ tình một cách thật thà không e lệ:

Chung vui chung cả đò đầy,
Cho em chung mẹ chung thầy với anh.

Thì ai có hẹp hòi chi! Mối tình quá chân thành thắm thiết! Nhưng là người chiến sĩ thì phải biết cân nặng nhẹ giữa hạnh phúc lứa đôi và nghĩa tình sông núi. Cho nên anh đầu xứ San đã cố hướng người bạn gái của mình nghĩ đến những gì cao cả hơn trong tình đồng tâm đồng chí:

Chung binh chung tướng chung vương,
Cùng anh chung cả tứ phương sơn hà.

Thật ra, đây là những hoa bướm của cuộc đời để tô điểm thêm hành trang cho người chiến sĩ suốt đời bận rộn vì quốc sự, chứ còn bà Giải San sau này thì đã được các cụ thân sinh hai bên "*đính thân gia với nhau từ khi con còn lên một*"!

2. Tiếng hò trên sông Hương với Ông Già Bến Ngự:

Sau ngày 23 tháng Năm năm Ất Dậu (1885), sông Hương không còn là ranh giới "nhất giang lưỡng quốc" nữa. Kinh thành Huế đã thất thủ. Cả một giai đoạn lịch sử đau thương của đất nước đè nặng lên dòng sông lặng lẽ, khiến cho "nước còn cau mặt" huống nữa lòng người! Vua Hàm Nghi xuất bôn, phong trào Cần Vương, Văn Thân tiếp nhau dấy nghĩa. Rồi vua Thành Thái với phong trào Duy Tân, rồi vua Duy Tân với phong trào Đông Du. Bao nhiêu anh hùng chí sĩ hữu danh vô danh trong các phong trào đó nối nhau cao cả hy sinh, khiến cho những tiếng lòng đồng điệu nức nở luyến tiếc vẫn còn vang vọng trong tiếng hò mái đẩy trên sông:

Ai về xuôi mái sông Hương,
Có nghe tâm sự đôi đường đắng cay?

Hai ngang một phẩy lại thêm hai phết,
Em viết không hết em lại hỏi anh.
Đồng nai, Hà nội cho chí trong Thành,
Quan sầu dân thảm, hỏi anh chữ gì?

Giọng hò ngân vang thắm thía, lặp đi lặp lại ngày này tháng khác với những sinh hoạt lặng lẽ trên sông nước. Có những lúc như nhớ tưởng xa xôi hình ảnh những vua quan một thời đang phiêu bạc, hình ảnh những chiến sĩ cần vương lần lần tan rã:

Chợ Đông ba đem ra ngoài giại,
Đò Trường tiền Tây lại bắc cầu.
Hỏi người ước hẹn nông sâu,
Nghĩa nhân xiêu lạc, biết nơi đâu mà kiếm tìm!

Nhưng cũng có lúc lại như giục giã kêu gọi thực hành bao ước hẹn:

Chợ Đông ba đem ra ngoài giại,
Cầu Trường tiền đúc lại xi moon,
Ơi người lỡ hội chồng con,
Về đây gá nghĩa vuông tròn được chăng?

Rồi càng về khuya, tiếng lòng càng như trào dâng cao vút, càng như nóng lòng kiếm tìm người đồng chí đồng tâm:

Đò từ Kim long đò về Đập đá,
Đò xuôi Vĩ dạ thẳng ngã ba Sình,
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh,
Tiếng hò xa vọng thắm tình nước non.

Sông Hương đã đành có lúc không khỏi sống cái cảnh "dợn sóng khuynh thành, đêm khuya một chiếc thuyền mành ngửa nghiêng", nhưng thiên nhiên của Tổ quốc đã phú cho sông Hương những gì là tốt đẹp quý báu, cho nên sông Hương vẫn sẵn dành cho những tâm hồn Việt nam trong sáng lành mạnh. Sông Hương do đó lại là nơi để cho *Ông Già Bến Ngự* trốn bớt khách tục trần, di dưỡng tinh thần để tiếp nối sự nghiệp cứu nước dang dở trong thời gian ở Huế.

Những ngày Cụ Phan Bội Châu bị giam lỏng ở đất Thần kinh thì "*ba gian trăng gió*" trên dốc Bến Ngự chỉ mới là nơi trú ngụ phức tạp ồn ào. Trong nhà có nhiều người, vừa con cháu, vừa học trò, vừa một

số đồng chí già không nơi nương tựa. Xóm giềng thì đông đúc, khách thanh tục thường lên xuống viếng thăm. Cho nên Cụ thường thả con đò dọc ngược dòng sông Hương qua chùa Thiên Mụ, đậu lại, chiều mát mới thả xuôi về. Có khi đò đi đến tối. Nhiều lúc đò thả suốt đêm, thẳng Đông ba, xuôi Vĩ dạ đến sáng mới trở về nhà. Cụ sống nhiều với sông Hương nên không thiếu dịp lắng nghe tiếng hò chứa chan tâm tình vơi đầy của đất nước. Mỗi lần tiếng hò vẳng đến là mỗi lần Cụ như lật lại ít nhiều trang sử của đời mình. Có khi nghe hò Cụ tấm tức đọc lại câu Cụ điếu cụ Trần Quý Cáp; có khi Cụ ngậm ngùi đọc một đoạn trong bài văn Cụ điếu cụ Phan Tây Hồ. Có lần ba bốn thầy trò đang miệt mài đọc đọc chép chép trong khoang, thì xa xa vẳng lại tiếng hò trầm lắng:

Chiều chiều trước bến Văn lâu,
Ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm,
Ai thương ai cảm, ai nhớ ai trông,
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Đưa câu mái đẩy, chạnh lòng nước non.

Tiếng hò nghe sao mà thê lương áo não, như gieo vào lòng người một nỗi cay đắng ray rứt triền miên, nhưng cũng lại vừa lắng đọng bi thương như tiếng lòng nức nở của một kẻ cô thần tử biệt.

Nghe hò, không thấy Cụ đọc thơ văn tưởng niệm, nhưng lại mỉm cười quay lại hỏi mấy chú học trò:

– Có biết câu hò vừa rồi là câu hò chi đó không?

– Dạ không.

– Là câu hò về Trần Cao Vân đó.

Nói xong, Cụ như nuốt nuốt một cái gì uất nghẹn, vừa vỗ vỗ vào đầu chú Phụng (5) vừa ngâm:

Thà không trời đất không chi cả,
Còn có non sông có lẽ nào!

Nhưng tiếng hò vẫn tiếp tục ngân vang trong đêm vắng. Và lần này thì tiếng hò sao mà rõ ràng gần gũi quá, như muốn bay vào tận trong khoang đò, như muốn xoáy đến thớ thịt đường gân của mấy thầy trò, như muốn được trả lời một cách thiết thực:

Thái bình dương gió thổi,
Chiếc thuyền em trôi nổi tợ cánh bèo.
Rằng không ra giúp chống đỡ chèo?
Anh hùng chí khí nằm queo trong thuyền?

Nghe rồi Cụ không còn tiếp tục ngâm thơ của mình nữa. Cụ nín lặng hồi lâu rồi giục đò ngược dòng Hương giang quay về Bến Ngự. Cụ tặc tặc lưỡi rồi bảo chú Phụng ghi lại mấy câu Cụ tập Kiều:

Dầu chăng xét tấm tình si,
Thiệt đây mà có ích gì đến ai?
Vội chi liễu ép hoa nài,
Còn thân ắt hẳn đền bồi có khi.
Sinh rằng: Từ thuở tương tri,
Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non.
Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.
Muôn đội ơn lòng...

Mấy tháng sau, một số bạn bè cố cựu ở Bắc đánh điện mời Cụ ra chơi. Xe ra khỏi Vinh, chưa đến thị xã Thanh hóa thì chính quyền thực dân Pháp đã buộc Cụ phải trở lại Huế. Chuyến đi đó không thành.

Hai năm sau, Việt Nam Quốc Dân Đảng tổ chức mời Cụ một chuyến đi Bắc khác, để nhân đó Cụ sẽ trốn ra nước ngoài tiếp tục hoạt động cứu nước. Nhưng mưu đó cũng lại không thành.

Từ đó Cụ thật sự sống cảnh người tù bị quản thúc. Cụ muốn thét, muốn gào, nhưng thét gào với ai? Có điều tấc hơi của Cụ đang còn, thì Cụ cứ thét cứ gào cho núi sông đồng vọng:

Núi Ngự sông Hương khéo hững hờ,
Trải bao dâu bể đến bây giờ.
Uy nghi sáu bộ sờn mây sấm,
Xe ngựa ba cầu dạn gió mưa.
Cỏ mọc cung tường thành giám cổ,
Đá trơ văn vũ cửa lăng xưa.
Thành rơi giọt lệ kìa ai đó
Ta sẽ lên thành hỏi cột cờ!

Đã gào thét lên lời bi phẫn, nhưng tâm sự vẫn thấy chát chua, nên đêm đêm Cụ đành phải vân vi tự tình với bóng:

... Lạ lùng cho mụ bà trời,
Thình lình đẻ rớt một người là ông.
Òa một tiếng non sông nứt nẻ,
Nòi Rồng Tiên thêm kẻ một người.
Sáng đôi mắt, tỏ đôi tai,
Khuôn thân bảy thước khá dài khá to.
Đầu óc cũng tròn vo sâu hoáy,
Râu mày, xem dáng thảy nam nhi.
Mỹ Âu đất há chật gì?
Tình cờ sinh ở Trung kỳ Việt nam.
Sao chẳng điếc chẳng câm cho rảnh,
Sao hay mang hay gánh hoài hoài.
Chân không sao muốn đá trời,
Tay không, sao muốn lấp đồi dời non.
Lưỡi khua mỏ chẳng mòn sao nhỉ?
Ruột quay tơ chẳng biết vì sao?
Gân đồng xương sắt thế nào?
Đành cho muôn đạn bắn vào bia thân!
Sao mãi mãi phong trần không dã,
Mà gan vàng dạ đá trơ trơ.
Nghĩ chi nghĩ vẩn nghĩ vơ?
Nghĩ mình mình luống ngẩn ngơ tháng ngày!
Chẳng ích gì sao hay làm mãi?
Làm mãi sao chẳng cái gì thành?
Tại ai? Hay tội tại mình?
Tại mình? Hay cũng sự tình tại ai?

Cụ Phan mất năm tôi mười tuổi. Tuy theo học lớp Tư trường Tiểu học Pháp Việt nhưng hằng ngày ở nhà tôi vẫn được cha tôi dạy thêm cho chữ Hán. Một hôm vào cuối năm 1940, tôi đi học về, cha tôi vừa đặt tờ *Tiếng Dân* lên bàn vừa bảo tôi: "Hôm ni con tập viết câu đối nghe". "Dạ!" Tôi vừa nhìn trang, "thiếp" hàng tư vừa lầm thầm "liễn

đối chi mà dài dữ rứa!" thì cha tôi đã cất tiếng nửa đọc nửa ngâm mà nửa như nghẹn ngào:

Ngã bần khanh vị chi dưỡng, ngã bệnh khanh vị chi y, hoàn hải công tri khanh thị phụ;

Khanh bệnh ngã bất năng y, khanh tử ngã bất năng táng, giang sơn hàm tiếu ngã phi phu.

Tôi thấy toàn là chữ dễ hiểu, nhiều chữ được lặp đi lặp lại, nhưng thật tình tôi chưa hiểu hết được hành trạng của toàn câu. Có điều nghe cha tôi ngâm đọc ba bốn lần, sao tôi lại như lây cái nghẹn ngào chua xót?

– Con biết câu đối ni của ai không?

– ?

– Của cụ Phan Bội Châu khóc vợ! Câu đó nghĩa như ri nì (thế này):

Ta nghèo mình lo nuôi nấng, ta bệnh mình cố thuốc thang, thiên hạ đều hay mình đúng là vợ;

Mình bệnh ta chẳng thuốc thang, mình chết ta không chôn cất, núi sông mỉm miệng ta chẳng đáng chồng.

Tôi chẳng biết nói gì. Tôi tập viết lui viết tới câu đối của Cụ nhiều lần. Tôi viết đến "cháo"!

Lớn lên, đọc tiểu sử của Cụ, đọc tác phẩm của Cụ, đọc một số sách vở nói về Cụ, tôi mới rõ thêm tâm can của Cụ đối với Cụ bà thật vô cùng áo não. Trong một đoạn của bức thư Cụ gởi cho các con khi nghe tin Cụ bà sắp mất. Cụ viết: "... *Vợ chồng "thật" gần năm mươi năm mà quan quả "giả" gần bốn mươi năm. Khi sống chẳng mấy hồi tương tụ, mà tới chết lại chỉ tin tức nghe hơi!...*" *(7).*

Phải chăng người làm quốc sự đều như thế cả? "*Công nhi vong tư*", Cụ đã từng ngậm ngùi thầm nói với Cụ bà như thế!

Có điều, trong hoàn cảnh "vì nước quên nhà" đối với Cụ có chỗ "lực bất tòng tâm" như câu hò mái đẩy của đồng bào quê hương tôi trước đây thường văng vẳng:

Nước giữa dòng có khi trong khi đục,
Trai anh hùng có khi nhục khi vinh;
Thuyền em lên thác xuống gềnh,
Nước non là nghĩa, là tình... ai ơi!

Cho nên, dẫu trọn đời còn ôm nghĩa tình với non nước, trước phút lâm chung, trong câu đối "tự vãn" Cụ cũng cảm thấy được giới hạn của cuộc đời cũng như thân phận con người hoàn cảnh trước sự vận chuyển vô cùng của trời đất:

Thiên hồ nhiên? Đế hồ nhiên? Tử dĩ đồ hư, cánh tích hưng trung mai Khổng Mạnh,

Quốc như thử! Dân như thử! Sinh phục hà luyến, hảo từng thế ngoại tác Hy Hoàng.

Ông Đặng Thái Mai đã dịch ra như sau:

Trời sao vầy? Chúa sao vầy? Chết âu cũng là không, chạnh tiếc trong lòng vùi Khổng Mạnh;

Nước như thế! dân như thế! Đời còn gì đáng tiếc? Thôi ra ngoài cuộc học Hy Hoàng.

Chú thích:

(1) Ngoài những thơ văn cử tử bằng chữ Hán và một số thơ văn Nôm đương thời được nhiều người biết và thuộc lòng nhưng chưa được in thành văn bản, những tác phẩm chính của cụ Phan Bội Châu đã được Cụ nhắc đến trong *Phan Bội Châu Niên Biểu*. Qua ba giai đoạn trước tác trong cuộc đời của Cụ, sau đây chúng tôi xin ghi lại một số tác phẩm tiêu biểu:

Giai đoạn thứ nhất (1883–1905):

– *Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư* (Sách Mới Ghi Chuyện Mất Nước của Nhân Dân Xứ Lưu Cầu).

– Một số thơ ca tiếng Việt như: *Vợ Khuyên Chồng, Chơi Xuân...*

Giai đoạn thứ hai (1905–1925):

– *Việt Nam Vong Quốc Sử* (Lịch Sử Mất Nước của Việt Nam).

– *Khuyến Quốc Dân Tư Trợ Du Học Văn* (Văn Khuyên Đồng Bào Giúp Tiền Cho Học Sinh Đi Du Học).

– *Hải Ngoại Huyết Thư* (Thư Viết Bằng Máu Từ Ngoài Nước Gửi Về).

– *Việt Vong Thảm Trạng* (Thảm Trạng Mất Nước của Việt Nam).

– *Trùng Quang Tâm Sử* (Lịch Sử Trần Quý Khoách Chống Minh).
– *Ngục Trung Thư* (Thư Viết Trong Nhà Ngục Quảng Châu).
– *Việt Nam Nghĩa Liệt Sĩ* (Chuyện Các Liệt Sĩ Việt Nam).
– *Thiên Hồ! Đế Hồ* (Trời ơi! Chúa ơi!).
– *Phạm Hồng Thái Truyện* (Tiểu Sử Liệt Sĩ Phạm Hồng Thái).
– Một số thơ ca tiếng Việt nam: *Ái Quốc, Ái Quần, Ái Chủng.*
– Tập truyện tiếng Việt: *Lê Thái Tổ, Trưng Nữ Vương.*

Giai đoạn thứ ba (1925–1940):

– *Phan Bội Châu Niên Biểu* (Tác phẩm chữ Hán).
– *Nam Quốc Dân Tu Trì.*
– *Nữ Quốc Dân Tu Trì.*
– *Phan Sào Nam Văn Tập* (gồm văn xuôi, văn vần, thi, phú, văn tế, câu đối).
– *Tường Trưng Vương.*
– *Khổng Học Đăng.*
– *Dịch Kinh Chú Giải.*
– *Phan Sào Nam Tiên Sinh Quốc Văn Thi Tập* (gồm trên hai trăm bài thơ).

(2) Trong "*Phan Bội Châu, Thơ, Phú, Câu Đối Chữ Hán*", nhà xuất bản Văn Học, Hà nội, 1975, các tác giả cho biết bài này gồm hai bài thất ngôn bát cú thấy đăng trên tờ "Binh sự tạp chí" ở Hàng châu năm 1917 với đầu đề "*Đông du ký chư đồng chí*". Riêng bài thứ nhất có câu đầu và câu cuối như sau:

Đỉnh thiên lập địa hảo nam nhi...

...

Côn ba kình lãng nhất tề phi.

(Đường đường một đấng nam nhi đứng trong trời đất...

Cá côn cá kình đều cùng cuộn sóng trào sôi).

Cả hai bài này cùng bài "*Mình với bóng*" trích ở dưới, ông Huỳnh Sanh Thông đã dịch ra tiếng Anh in trong *"Phan Bội Châu and the Đông Du Movement"* trang 184 và 190–192.

(3) Trong *"Phan Bội Châu and the Đông Du Movement"*, The Lạc Việt Series, No. 8, Yale Southeast Asia Studies, 1988, từ trang 193–213, ông Vĩnh Sính đã ghi một thư mục chọn lọc gồm 215 đầu sách báo bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Tàu và tiếng Việt viết về Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu.

(4) Đây là câu hò hỏi trong lối hò đối đáp ở Thừa thiên mà câu hò đáp như vầy:

Hai ngang một phẩy lại thêm hai phết,
Đố là chữ "thất", thất là mất,

Thái là thái thú Kinh đó,
Quan sầu dân thảm vì mưu đồ của thằng Tây.

(5)Là tên một người học trò chữ Hán của cụ Phan, thường gần gũi cụ và giúp cụ ghi chép những tác phẩm bằng chữ Quốc ngữ.

(6)"Mình" ở đây là tiếng vợ chồng gọi nhau một cách thân mật và thắm thiết.

(7)Cụ Bà mất năm 1936. Cụ bà tên là Thái Thị Huyên thường gọi là bà Giải San, con của một nhà nho nghèo nhưng rất chăm giữ đạo đức. Từ ngày lấy chồng, cụ bà vẫn sống cuộc đời lao động lam lũ, chịu thương chịu khó nuôi dạy con cái. Suốt hơn hai mươi năm chồng đi hoạt động cứu nước xa vắng, cụ bà vẫn tỏ ra một người phụ nữ rất mực đảm đang, trinh thảo. Cụ bà rất được nhân dân trong vùng quý mến và cụ Phan cũng rất mực thương yêu, thông cảm với cuộc sống cực khổ của cụ bà. Trước khi cụ bà mất, cụ Phan có viết một *bức thư* thống thiết gửi cho các con, kể lại công đức của cụ bà đối với cụ Phan cùng tiên nghiêm của cụ. Câu trích trên đây là trích từ *bức thư* đó. □

LƯU HY LẠC

ở đêm

*

Khép mở mắt nhìn sâu bóng đêm
hoang vu sau trước ngựa qua thềm
quay quắt trên đầu, đêm vô nghĩa
con đường tơi tả dấu hoa nghiêm

Cành thơ huyễn mộng tựa núi sông
mù khơi lồng lộng ở bên lòng
dáo dác từng đầu câu vô nghĩa
mặc chữ lộn sòng, tử nghênh ngông

Tận ngữ, kiếm tìm bấc hẹn rơi
về phơi hồn dưới bóng nguyệt mờ
nối đau ngày cũ chồng lên tuổi
thượng nguồn tuôn đổ máu tim sôi.

NGUYỄN ĐỨC LẬP

phan bội châu một chiến sĩ văn hóa

*

Trong câu đối khóc Điền Bát tiên sinh Tăng Bạt Hổ, ông Ngư Hải Đặng Thái Thân có viết:

"Hoặc chiến dĩ thiệt, hoặc chiến dĩ bút, hoặc chiến dĩ não, đoan đoan đích trực chiến dĩ thiết...".

(Hoặc đánh bằng lưỡi, hoặc đánh bằng bút, hoặc đánh bằng óc, khăng khăng ngươi chỉ độc đánh bằng sắt...").

Như vậy, trong một cuộc chiến, có nhiều phương tiện để sử dụng, có nhiều cách thức để đánh. Đánh bằng miệng lưỡi, bằng lời lẽ, diễn thuyết, cổ động, hô hào như cụ Tây Hồ Phan Châu Trinh, như ông Tuyết Huy Dương Bá Trạc cũng là đánh. Đánh bằng bút mực, báo chí, sách vở, thơ phú như cụ Nguyễn Đình Chiểu, như ông Phan Văn Trị, như cụ Ngô Đức Kế cũng là đánh. Đánh bằng kế sách, mưu mẹo, từ cân não, như Nguyễn Trung Trực đốt tàu Espérance trên sông Nhựt tảo, như Phan Đình Phùng tháo nước giết quân Pháp ở Ngàn trươi cũng là đánh. Và đánh bằng khí giới, súng ống, đạn dược như Trương Công Định ở Tân an, Gò công, như Nguyễn Hiệu ở Chín xã Sông Con, như Hoàng Hoa Thám ở Yên thế cũng là đánh.

Trong lịch sử cận đại của dân tộc, nếu cần nêu lên một tên tuổi, một nhân vật tiêu biểu đã sử dụng tất cả các phương tiện, các cách thức để chiến đấu cho một nền độc lập tự chủ cho nước nhà, chiến đấu để mở mang dân trí, thì tên tuổi đó, nhân vật đó, phải là Sào Nam Phan Bội Châu.

Nói về cụ Phan Bội Châu là nói về một cuộc đời cách mạng hiến dâng cho đất nước. Đời Xuân Thu, ông Mặc Tử đưa ra thuyết Kiêm Ái,

yêu thương hết thảy thiên hạ, *mòn gót sói trán* để lo việc thiên hạ. Đời Tam Quốc, ông Gia Cát Lượng, hai lần dâng xuất sư biểu, sáu lần đem binh ra Kỳ sơn, *cúc cung tận tụy* vì cơ nghiệp họ Lưu. Cũng đời Xuân Thu, Đại phu Thân Bao Tư *lao tâm sầu tứ* mưu đồ đánh đuổi quân Ngô để phục hưng cơ đồ nước Sở.

Thiết tưởng, phải gom hết cả mười hai chữ "mòn gót sói trán, lao tâm sầu tứ, cúc cung tận tụy" của ba vị danh nhân Trung quốc mới đủ để diễn tả cụ Phan Bội Châu trên đường cách mạng của cụ.

Nói về cụ Phan Bội Châu là nói đến một tâm huyết luôn luôn sôi sục, một tinh thần trách nhiệm tràn đầy và một tấm lòng bao dung vị tha.

Và nhất là nói về cụ Phan Bội Châu là nói đến một công trình văn hóa hiến dâng cho dân tộc.

Sự nghiệp cụ Phan Bội Châu thì thật là vô cùng, trong khuôn khổ của bài này, chúng tôi chỉ xin nêu ra một vài nét về công trình văn hóa mà cụ Phan Bội Châu đã để lại cho hậu thế.

Kể về số lượng những tác phẩm đã hoàn thành của cụ Phan Bội Châu, hậu thế không khỏi ngạc nhiên tự hỏi, làm sao mà một người bôn ba nay Bắc, mai Nam, bữa Đông, bữa Tây, lúc thì ở tù, lúc thì lẩn trốn, mà lại có đủ thì giờ để sáng tác hàng chục tác phẩm như vậy, mà tác phẩm nào cũng đầy ắp tư tưởng, cũng tràn ngập nhiệt huyết. Đặt ra ngoài ba bộ Châu Dịch, Khổng Học Đăng và Tự Phán mà cụ Phan đã thực hiện trong thời gian bị quản thúc tại Huế, hầu hết các tác phẩm khác của cụ, những Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư, Ngục Trung Thư, Cao Đẳng Quốc Dân, Việt Nam Vong Quốc Sử, Việt Nam Nghĩa Liệt Sử, Ai Cáo Nam Kỳ Phụ Lão Thư, Hải Ngoại Huyết Thư, Ái Quốc Ca, Ái Chủng Ca, Việt Nam Sử Khảo, Tân Việt Nam, v.v... đều được làm ra trong thời kỳ bôn tẩu.

Một điều khác có thể thắc mắc là thuở thiếu niên, cụ Phan thường nhắc đi nhắc lại hai câu thơ khí phách của Viên Mai, tự là Tử Tài đời Mãn Thanh:

Túc dạ bất vong duy trúc bạch
Lập thân tối hạ thị văn chương.
(Khuya sớm những mong ghi sổ sách
Lập thân hèn nhất ấy văn chương).

Vậy mà, suốt trong cuộc đời cụ, cụ sử dụng văn chương không lúc nào ngơi nghỉ, kể cả lúc nằm trên giường bệnh, tử thần đã thập thò trước cửa.

Hai thắc mắc trên có thể được giải thích một cách thỏa đáng là cụ Phan đã coi văn chương như một phương tiện chiến đấu, như một vũ khí sắc bén để tấn công vào quân thù. Cụ không coi văn chương như là một bàn đạp để lập thân, giương danh với đời. Cụ sáng tác tùy theo nhu cầu của cuộc đấu tranh và tùy theo hoàn cảnh của từng giai đoạn đấu tranh. Như khi cần cho người ngoại quốc biết được sự tàn ác của thực dân Pháp, cụ viết Việt Nam Vong Quốc Sử, khi cần kêu gọi thanh niên xuất dương cầu học, cụ viết Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư để các thanh niên nô nức vì "lời huyết lệ gởi về trong nước". Khi cần sự yểm trợ của đồng bào miền Nam cho phong trào Đông Du, cụ viết "Ai Cáo Nam Kỳ Phụ Lão Thư". Khi cần kích thích un đúc tinh thần cách mạng cho nhà nho khoa bảng Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền, cụ viết "Bái Thạch Vi Huynh". Ngòi viết được sử dụng trong tay cụ Phan là một ngòi viết có chủ đích, chớ không phải thừa giấy thừa mực, dư ngày dư giờ mà than mây khóc gió.

Chủ đích của cụ Phan đã được cụ nêu ra khi bắt đầu bước chân vào con đường cách mạng. Chủ đích đó là:

Khai dân trí tức là mở mang trí khôn cho dân.

Chấn dân khí tức là chấn hưng dân khí.

và *Thực nhân tài* tức là vun trồng nhân tài.

Quan niệm của cụ Phan là khi toàn dân đã thoát được cái cảnh ngu muội, tăm tối, đã hấp thụ được nền văn minh tiến bộ của nhân loại, khi toàn dân đã khôi phục được cái chí khí của tiền nhân, cái chí khí đã đem lại những chiến thắng vẻ vang trên sông Như nguyệt, trên sông Bạch đằng, trong trận Tụy động, trong trận Chi lăng, khi toàn dân được

đào luyện để trở thành những người tài giỏi, có khả năng, có trách nhiệm với đất nước thì công cuộc đấu tranh giành độc lập cho nước nhà, giành tự do cho dân tộc sẽ đạt được kết quả như ý.

Từ ba chủ đích đó mà cụ sáng tác và ba chủ đích đã luôn luôn đi sát với công cuộc sáng tác của cụ đến trọn đời.

Trong mục tiêu "Khai dân trí", cụ đã hết sức kêu gọi dân chúng nên từ bỏ nếp sống cầu an, cúi đầu một cách ngu muội trước cường quyền, hay nhàn nhã mà hưởng lạc. Hãy nghe lời cảnh tỉnh và kêu gọi của cụ:

Người nước ta lạ là rất lạ
Nông nỗi này nghĩ đã biết chưa
Hay còn mê mẩn mơ hồ
Hay còn hớn hở như đồ trò chơi
Nay những kẻ hạnh tai lạc thú
Rặt những người tuấn tú thông minh
Ai ơi xin chớ cậy mình Ngu mà ngu thế thật mình là ngu
Nay những kẻ vong thù nhẩn sĩ
Rặt là người phú quý vinh hoa
Ai ơi xin chớ khoe ra
Nhục mà nhục thế thật là nhục thay.

Cụ đã nhắc đến những chiến công hiển hách của tiền nhân, những chiến thắng oai hùng của dân tộc để khơi động chí khí của toàn dân:

Sông Đằng lớp sóng Trần Vương
Núi Lam rẽ sóng mở đường nhà Lê
Quang Trung Đế từ khi độc lập
Khí anh hùng đắp lấp giang sơn.

Và quan niệm về nhân tài của cụ Phan là gì? Nhân tài là những người đã rèn luyện được những khả năng chuyên môn, hết lòng với đất nước, có tinh thần cách mạng và đeo đuổi theo con đường dân tộc.

Cụ luôn nhắc nhở cho mọi người truyền thống của dân tộc, "Ơn ông bà, nợ đất nước". Truyền thống dân tộc, chỉ đơn giản có bấy nhiêu thôi nhưng nhờ đó, tiền nhân đã gìn giữ được, đã mở mang được, đã phát triển được đất nước.

Tuy chỉ là quảng diễn Kinh Dịch qua bộ Châu Dịch hay giải thích

Tứ Thư, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học, Trung Dung qua Khổng Học Đăng, nhưng cụ Phan đã ký thác toàn bộ tư tưởng của mình về một cuộc cách mạng dân tộc, về những mẫu người theo truyền thống dân tộc.

Cụ đã suy nghiệm tất cả những đắc thất của cuộc đời cách mạng của chính cụ, cụ đã nghiền ngẫm tất cả những thành bại của tiền nhân để đưa ra những nguyên lý, những quy luật cách mạng dân tộc trong quyển Châu Dịch. Hãy đừng coi bộ Châu Dịch của cụ là một tập sách nghiên cứu về bói toán, hãy đừng coi đây chỉ là một bộ sách dịch. Châu Dịch, nếu chịu khó đào sâu, là một tập tư tưởng lớn hướng dẫn cho cuộc cách mạng của dân tộc, cuộc cách mạng sẽ đem lại một dân tộc Việt tự do no ấm, có một chỗ đứng xứng đáng dưới ánh mặt trời, chớ không phải chỉ là một cuộc cướp chính quyền rồi mệnh danh là cách mạng.

Cũng vậy, cũng hãy xin đừng coi bộ Khổng Học Đăng là một bản dịch của Tứ Thư, hay là một bản đúc kết đơn thuần của Nho giáo mà hãy tìm ở quyển sách này một mẫu người có trách nhiệm, có truyền thống "Ơn ông bà, nợ đất nước" lâu đời của dân tộc.

Nếu cần một tập sách có thể làm chỉ nam cho những hoạt động cách mạng thì chính quyển "Tự Phán", chính những kinh nghiệm được ghi chép lại của một đời hoạt động là một kim chỉ nam chính xác nhất.

Đấu tranh không ngơi nghỉ, dùng văn chương như một phương tiện không mệt mỏi, luôn luôn nêu cao tinh thần dân tộc, cụ Phan Bội Châu đã để lại cho đời, cho hậu thế một công trình hết sức to lớn về phương diện văn hóa.

*

Ngậm Ngùi Thay là bài thơ tuyệt mệnh của nhà chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu. Bài thơ đã được đọc ra khi cụ nằm trên giường bệnh và nghe ông Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng đọc bài Sinh Văn tế sống cụ.

Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ
Thiên hạ hà nhân bất thức quân

Bẩy mươi tư tuổi trót phong trần
Nay gặp bạn mối tinh thần hoạt kiện
Những ước anh em đầy bốn biển
Nào ngờ trăng gió nhốt ba gian
Sống xác thừa, mà chết cũng xương tàn
Câu tâm sự gửi chim ngàn cá biển
Mừng được đọc bài văn sinh vãn
Chữ đá vàng in mấy đoạn tâm can
Tiếc mình nay sức mỏng, trí thêm khan
Lấy gì đáp khúc đàn tri kỷ
Nga nga hồ, chí tại cao sơn
Dương dương hồ, chí tại lưu thủy
Đàn Bá Nha mấy kẻ thưởng âm
Bổng nghe qua khóc trộm lại thương thầm
Chung Kỳ chết, e quăng cầm không gảy nữa
Nay đương lúc tử thần chờ trước cửa
Có vài lời ghi nhớ về sau
Chúc phường hậu tử tiến mau.

Cho tới những phút cuối cùng của đời mình, cụ Phan Bội Châu vẫn không quên cái công tác mà cụ đã đeo đuổi. Với công tác cuối cùng, cụ muốn vận động, muốn nhắn gởi, muốn ký thác cho "phường hậu tử", cho các thế hệ hậu sanh công cuộc giành lại độc lập, phục hưng và canh tân xứ sở.

Nếu nói cụ Phan Bội Châu là một nhà cách mạng dân tộc vĩ đại thì phải nói rằng cụ không những vĩ đại ở suốt cuộc đời hy sinh danh lợi, hy sinh hạnh phúc gia đình, xuôi Nam ngược Bắc, Đông bôn Tây tẩu để mưu cầu một nền độc lập tự chủ cho đất nước, cụ không những vĩ đại ở những công trình văn hóa để lại cho đời mà cụ còn vĩ đại ở chỗ, có lẽ đây là cái vĩ đại nhất của cụ, là cụ đã thú nhận tất cả sự thất bại trong cuộc đời hoạt động của cụ.

Không phải cụ được coi là Thái sơn Bắc đẩu của cuộc cách mạng chống Pháp ở tiền bán thế kỷ 20 sao?

Không phải cụ được đương thời tôn xưng là một phu tử, một bực

thầy vì công trình văn hóa, vì những tư tưởng dân tộc để lại cho đời sao?

Vậy mà, cụ không hề, trong Ngục Trung Thư, trong Tự Phán, giấu diếm bất cứ một thất bại nào hay đổ lỗi cho những thất bại vào tay người khác.

Cụ đã để lại những bài học quy luật cách mạng ở bộ Châu Dịch.

Cụ đã để lại những nguyên tắc của đạo làm người trong Khổng Học Đăng.

Chính cái vĩ đại dám nói ra, dám thú nhận tất cả những thất bại của đời mình, cụ Phan Bội Châu mới để lại cho "phường hậu tử" của cụ, cho chúng ta những bài học quý giá vô vàn.

Nếu ở cuối cuộc đời của cụ mà cụ tự hào cụ thành công, hay cụ cho rằng những thất bại chỉ là do những lỗi lầm của người khác thì chúng ta không học được ở cụ một cái gì hết.

Ôi, sống xác thừa mà chết cũng xương tàn
Câu tâm sự gởi chim ngàn cá biển.

...

Ôi, đàn Bá Nha mấy kẻ thưởng âm
Bổng nghe qua khóc trộm lại thương thầm.

Chúng ta, phường hậu tử của cụ Phan, rồi liệu có phải khóc trộm thương thầm như cụ Phan hay không?

Và, cái tâm sự của cụ có vĩnh viễn phải gởi cho "chim ngàn cá biển" hay không?

Thế hệ của chúng ta phải trả lời những câu hỏi đó.

Để kết thúc bài này, tôi xin dẫn đôi câu đối của Hồng Tiêu Tiên sinh khóc cụ Phan:

Lượng phu tử thế mà to, chứa mười vạn giáp binh, chất trăm xe kinh sử, chở ngàn năm sông núi, bọc ức triệu nhân dân, nếu không tạo hóa cợt người, chứa cháy vớt chìm công đã trọn;

Mặt địa cầu chừng cũng hẹp, giạt bèo cửa Thần hộ, lạc nhạn bến Châu giang, đón gió cõi Tây âu, dẫm trăng thành Bang cốc, đáo để anh hùng sẩy bước, buông tay nhắm mắt hận chưa tan.□

NGU YÊN

biết làm sao bây giờ

*

1.
Về ngồi lại
Chốn xưa thường ngồi
Sau nhiều năm thăng trầm nổi trôi
Qua hưng phế còn mỗi hồn lơ láo
Với hồ nghi và cảm giác rã rời.

Về ngồi lại
Chốn xưa thường ngồi
Nghe đìu hiu buồn lụy xa xôi
Cảnh vật cũ đã nhiều năm chết lạnh
Chợt hồi sinh trong sắc dáng ngậm ngùi.

Sờ lại ghế còn xôn xao kỷ niệm
Sờ lại bàn còn ấm áp tình xưa
Sờ thời gian sừng sờ bao mất mát
Sờ không gian tiếc nhớ kể sao vừa.

Cây sồi xưa vẫn đứng bên cửa sổ
Vói tháng năm cành nhánh mọc dài thêm
Tổ kiến cũ bỏ hoang treo vắng vẻ
Thoáng giật mình hỏi cảnh lạ hay quen?

Chiều tàn nắng
Soi bóng cành hiu hắt
Gió rung cây hình lay động trên tường
Hình ngẫu nhiên thành bóng già run rẩy
Thấy gì hơn mai đời sẽ thê lương.

Trong ngăn kéo tìm ra nhiều lỉnh kỉnh:
những dễ thương

những ngơ ngẩn
những bồi hồi
Đốt điếu thuốc, một, hai . . . năm, sáu
Khói mù quanh trí nhớ một chỗ ngồi.

Ngùi thân ái nhìn lại cây đàn
Khảy dây chùng khơi lòng mang mang
Tiếc một thuở hồn nhiên chưa thấm mệt
Dẫu biết buồn nhưng chưa biết bi quan.

Về ngồi lại
Chốn xưa thường ngồi
Cầm lại đàn ngày xưa thường chơi
Thấy ray rứt mơ hồ và khô khổ
Tình tang tình
Tình tang
Tình ơi!
Đàn lạc âm buồn điếng cả người
2.
Tình tang
Rời rạc
Tình tang
Quạnh hiu theo những tiếng đàn bâng quơ
Vọng từ tâm trí lơ mơ
Tiếng quen
Tiếng lạ
Hững hờ ngón buông
Tình tang buồn ơi là buồn
Dạo lên cảm xúc một luồng thiết tha
Ngây theo quay quắt chiều tà
Héo tia nắng mỏi la đà
Trầm ngâm:
Đã bao năm!
Còn bao năm?
Tha hương vật đổi tóc râm sao dời

Xác còn tự động làm người
Hồn thao láo tưởng qua đời trống không
Tình tang
Đàn chiều não lòng
Nhớ dường nhớ quá rõ không nhớ gì
Âm vang bàng bạc thầm thì
Hoàng hôn nỉ tiếng đàn đi xa dần
Đàn khêu tâm sự
Tần ngần
3.
Khi nghĩ về đời sống
Lòng không khỏi bần thần
Hỏi trí tưởng đã nhiều năm thủng lỗ
Có lỗ nào hiểu thấu chuyện bình thường?

Khi nghĩ về đời sống
Cảm tưởng đầy hồ nghi
Hỏi tâm tình đã nhiều lần mất mát
Có lần nào không kinh ngạc ngây thơ?

Ngồi tần mần xét tâm tư tỉ mỉ
Tưởng như lòng luôn thiếu thốn hồn nhiên
Mưu tính sống đã trở thành phản xạ
Thắng thua đời đã gấp nếp thói quen.

Ray rứt hỏi làm trả lời khó chịu
Càng nghĩ nhiều càng không rõ hiểu gì
Bao nhiêu năm tưởng rằng khôn là sướng
Rồi thình lình thấy dại đã làm khôn.

Ngồi nhỏ bé giữa mênh mông đêm rộng
Thấy thiếu thừa bộ óc não thông minh
Ngồi mất hút giữa trăm ngàn thế kỷ
Thấy uổng tim đã chứa một tâm tình.

ANTOINE de SAINT-EXUPÉRY
VÕ ĐÌNH MAI dịch

thư cho một con tin

*

Lời dịch giả: *Hôm nọ, dọn dẹp sách báo cũ, tôi bắt gặp một cuốn sách mỏng, giấy đã vàng ố. Một cuốn sách tôi đã được người quen cho trong một dịp lễ Giáng sinh cách đây bốn thập niên khi tôi còn học thi tú tài ở Pháp! Cuốn sách vừa mỏng vừa nhỏ, nằm lẫn trong các sách báo đồ sộ khác, thì ra nó vẫn còn chung thủy ở với tôi sau bao nhiêu năm lưu lạc. Ngồi sụp xuống sàn nhà, tôi coi lại vài trang của* Lettre à Un Otage. *Xúc động vô vàn. Tình hình nước Pháp những năm chiến tranh, bị Đức Quốc xã chiếm đóng, tâm trạng và trách nhiệm của một người Pháp trong thời gian ấy, có nhiều điểm khác biệt với hoàn cảnh của nước Việt và người Việt chúng ta. Tuy nhiên, lời văn giản dị và tâm tình tha thiết của tác giả trong đoản văn* Lettre *nói lên những sự thật muôn đời. Những sự thật cần được nói với con người, đẹp đẽ và ác liệt.*

Antoine de Saint-Exupéry, phi công, nhà văn, người từng viết một câu có lúc đã trở thành (?) ngôn ngữ thời thượng ở Việt nam, "Yêu không phải là nhìn nhau nhưng là cùng nhìn về một hướng" (tr.193, Văn Học Miền Nam Tổng Quan *của Võ Phiến). Lẽ dĩ nhiên, "yêu" của Saint-Exupéry không chỉ có nghĩa "yêu đương" như nhiều người tưởng mà là yêu trong nghĩa rộng rãi hơn, trong một nghĩa có tính cách vị tha, lý tưởng và chia sẻ. Saint-Ex (bạn bè và độc giả yêu mến gọi tắt tên ông như vậy, một thứ hốn danh) sinh năm 1900 ở Lyon, miền trung nam nước Pháp. Xem qua, số lượng tác phẩm của Saint-Ex có vẻ khiêm tốn. Nhưng địa vị của ông trong làng văn Pháp quốc thật vững vàng, và tư cách của ông đối với độc giả nói chung rất được kính nể. Và quan trọng hơn nữa, ông được mọi người yêu mến.*

Là một con người ưa hoạt động, một homme d'action, *Saint–Ex suốt đời nuôi dưỡng và rọi sáng những trầm tư của một trí thức nhân bản luôn luôn để tâm vào khía cạnh đạo đức và tâm linh của cuộc sống. Từ những* Courrier Sud *(1927),* Vol de Nuit *(1931), ông đã tìm thấy, bàng bạc cùng nỗi cô đơn hiểm nghèo của những chuyến bay, những ý nghĩa có tính cách hoàn vũ của kinh nghiệm bản thân. "Nếu sự sống (của con người) là vô giá, chúng ta vẫn cứ hành động như thể trong đời có một cái gì đó còn quý hơn cả sự sống... Cái đó là cái gì vậy nhỉ?" (*Vol de Nuit/Bay Đêm). *Ông cho rằng ở đời chỉ có một sự "xa xỉ" (một cái* luxe*) đáng được theo đuổi và vun quén, đó là những liên hệ giữa người và người (*Terre des Hommes, *1939). Từ đó cho đến* Pilote de Guerre *hay* Lettre à Un Otage *(1934),* Le Petit Prince *(1943 – Bùi Giáng dịch ra Việt văn,* Hoàng Tử Bé *An Tiêm, 1990),* Citadelle *(1948, xuất bản bốn năm sau khi ông mất), ông luôn luôn có thái độ chọn lựa tình thương yêu thay vì chọn lựa trí thông minh, và ông cho rằng cần phải đem sự can đảm, kiên trì cá nhân để phụng sự và hy sinh cho cộng đồng nhân loại. Saint–Ex ca tụng tình yêu tuyệt vời cho "quê hương" ("l'amour de la maison",* nhà *đây là cả trái đất, "la Terre"; ông đã đi trước phong trào cứu nguy "hành tinh xanh" hằng mấy chục năm).*

Thư Cho Một Con Tin *("Lettre à Un Otage") viết ở New York, 1942, xuất bản năm sau, 1943, sau khi Saint–Ex đã vận động Bộ Tư lệnh cho phép được phục vụ trong ngành bay thám thính mặc dù ông từng bị thương nặng và đã quá tuổi nghĩa vụ quân sự. Ngày 31–7–1944, ông một mình bay qua vùng Grenoble–Annecy và không bao giờ trở lại. Giới thẩm quyền đã dựa trên những dữ kiện khám phá về sau để kết luận rằng phi cơ thám thính của vị thiếu tá không quân, nhà văn đã từng đoạt giải Fémina (1931), và giải thưởng thượng hạng về bộ môn tiểu thuyết của Hàn lâm viện Pháp quốc trao tặng (1939) đã bị không quân Đức Quốc xã bắn tan thây trên bầu trời xanh ngắt quanh năm ngoài đảo Corse, chừng một trăm cây số phía bắc Bastia.*

Thư cho Một Con Tin *gồm có sáu chương ngắn. Bản dịch sau đây đã được chuyển ngữ từ hai chương cuối, V và VI.*

*

Một chính thể chuyên chế độc tài cũng có thể, biết đâu, đáp ứng những như cầu vật chất chúng ta. Nhưng chúng ta không phải là lợn bò nuôi ăn cho mập, cho nặng ký. Làm sao một cuộc sống sung túc, đầy tiện nghi mà đầy đủ cho được. Chúng ta được dưỡng dục, thấm nhuần từ lâu cái ý niệm làm người thì phải biết tôn trọng con người – đối với chúng ta, có những cuộc gặp gỡ tầm thường giản dị giữa người và người mà lại có thể trở thành những lễ hội tuyệt vời...

Tôn trọng con người! Tôn trọng con người... Đó là viên đá thử vàng! Khi anh đảng viên Quốc xã chỉ tuyệt nhiên tôn trọng kẻ nào suy nghĩ, hành động giống hệt như anh ta, anh ta chẳng trọng ai cả, anh ta chỉ tự tôn mà thôi. Anh ta chối bỏ mọi mâu thuẫn có tính sáng tạo. Anh ta phá hoại mọi hy vọng đi lên. Thay vì thân thể và khuôn mặt một con người thật, anh ta chỉ tạo nên một con người máy, một thứ rô bô của những bộng mối. Trật tự chỉ vì trật tự chiếm đoạt mất cái khả năng tự thân thiết yếu của con người: Khả năng chuyển hóa chính mình và thế giới quanh mình. Sự sống tạo nên trật tự, chứ trật tự có bao giờ tạo nên sự sống đâu.

Chúng ta nghĩ lại coi: Con đường đi, con đường "đi lên" của chúng ta, nào đâu đã tới đích; sự thật ngày mai thật ra được nuôi dưỡng bởi những sai lầm hôm qua, và những xung đột, những mâu thuẫn cần phải vượt bỏ thật ra là những đống đất phân, đất mùn cần thiết cho sự sinh trưởng của chúng ta, sự lớn lên của chúng ta. Chúng ta sẵn sàng nhận diện là anh em ruột rà cả những kẻ khác biệt với chúng ta. Nhưng đây là một thứ liên hệ bà con thật lạ! Một thứ liên hệ được xây đắp trên tương lai chứ không phải trên quá khứ. Ở mục tiêu chứ không phải ở gốc nguồn. Chúng ta coi nhau như những kẻ hành hương, tuy rằng vẫn đi trên những đường này ngã nọ khác nhau, nhưng cùng cực nhọc tiến dần về một điểm hẹn.

Thế mà rồi hiện nay cái niềm tôn trọng con người này, điều kiện thiết yếu cho sự đi lên của chúng ta, lại đang kẹt vào một tình trạng ngặt nghèo. Thế giới hiện đại rạn vỡ khắp nơi, bóng tối lan tràn, ngập lụt. Các vấn đề khó khăn, rời rạc, loạn xạ, những giải pháp đầy mâu thuẫn.

Sự thật hôm qua đã mất rồi trong khi sự thật ngày mai còn phải xây dựng. Chẳng thấy có một tổng hợp tư tưởng nào hữu hiệu cả. Còn chúng ta thì mỗi người chỉ nắm được trong tay một mảnh nhỏ của sự thật mà thôi. Để chứng minh cho lẽ phải, cho sự "tất yếu" của mình, các giáo điều chính trị kêu gào phải bạo động. Và rồi vì những dị biệt về phương pháp hành động, chúng ta có thể quên hẳn đi rằng thật ra chúng ta đều cùng vội vã đi về một chốn.

Người lữ hành hướng về một vì sao mà vượt núi, nếu cứ mãi vướng víu với chuyện leo trèo, có thể quên mất không nhớ ngôi sao nào đã hướng dẫn mình. Đi chỉ để mà đi thì rồi chẳng đi đến đâu cả. Như kiểu cái bà chuyên việc xếp dọn ghế ngồi trong một thánh đường: mải lo quá đáng ghế nào để ở nơi nào, bà ta có thể quên mất rằng công việc thật của bà là cúng dường, là thờ phượng. Và chính tôi đây, nếu tôi tự khép kín, thu mình lại trong một say mê đảng phái bè nhóm nào đó, tôi cũng có thể quên rằng một đường lối chính trị chỉ có nghĩa khi nó phụng sự một sự hiển nhiên tinh thần. Chúng ta đã từng được thấy, trong những phút giây kỳ diệu, một khía cạnh tuyệt vời của sự liên hệ giữa người và người: với chúng ta, đó chính là sự thật.

Dù công tác hành động có khẩn trọng mấy đi nữa, chúng ta cũng không được phép quên mất cái thiên chức chỉ đạo cho hành động. Chúng ta chỉ nhắm đến sự tôn trọng con người. Như vậy tại sao chúng ta lại đâm ra thù hận nhau trong khi cùng đứng về một phía? Không có một kẻ nào trong chúng ta có độc quyền về những ý định ngay thẳng, những chủ tâm chính đáng cả. Nhân danh con đường tôi đã chọn mà đi, tôi có thể chống đối con đường của người khác. Tôi có thể chỉ trích lối suy nghĩ của người khác. Nhưng trên bình diện tinh thần, tôi phải tôn trọng con người này, con người đang cắn răng cực nhọc nhắm về hướng một vì sao.

Tôn trọng con người! Tôn trọng con người!... Nếu người biết tôn trọng người thì một ngày nọ nhân loại sẽ tạo nên được một hệ thống xã hội, chính trị, hay kinh tế có đủ điều kiện và tư cách để thừa nhận và vinh danh sự tôn trọng này. Một nền văn minh, trước hết, phải được xây dựng từ thực thể con người. Văn minh con người, trước hết, là bản năng

thèm khát một hơi ấm nào đó, xa vời. Rồi cứ đi từ sai lầm này qua sai lầm khác, con người rốt cuộc tìm ra được đường đi dẫn đến ngọn lửa nọ.

*

Chắc là vì vậy đó mà, bạn ơi, tôi cần cái tình bằng hữu của bạn hết sức. Tôi khát khao có được một bạn đồng hành biết đứng lên trên những tranh chấp của lý trí, biết tôn trọng kẻ hành hương về ngọn lửa nọ. Đôi lúc, tôi cần phải hưởng trước một chút cái hơi ấm của ngọn lửa đó, và tôi cần được dừng chân, trút bỏ cái vỏ vị kỷ đi, để nghỉ ngơi chốc lát ở nơi chốn một ngày nọ sẽ là điểm hẹn của chúng ta.

Tôi chán, tôi mệt quá rồi, bạn biết chăng, vì những cuộc tranh luận, những thói độc đoán, quá khích. Chỉ có nhà bạn là tôi có thể bước vô mà không cần mặc một bộ đồng phục, không cần ngồi xuống đọc một hồi kinh, không cần chối bỏ bất cứ gì của thế giới nội tâm của tôi cả. Ở bên bạn, tôi chẳng phải biện giải, minh oan gì ráo, chẳng phải biện hộ, chứng minh gì ráo; tôi chỉ tìm thấy sự an tĩnh (...). Bất kể những lời lẽ vụng về của tôi, bất kể những lý luận có thể lừa dối tôi, bạn chỉ cần nhìn kỹ con Người ở nơi tôi là bạn biết. Bạn tôn kính con Người đó như một sứ thần của những tín ngưỡng, những phong tục nơi phương xa, của những niềm mến yêu riêng tư. Nếu giữa bạn với tôi có gì khác biệt, đó chỉ làm cho bạn cao quý thêm, chứ không hạ giá bạn chút nào cả. Bạn thăm hỏi tôi như người ta thăm hỏi kẻ lữ hành đến từ phương xa.

Như mọi người, tôi cần được nhận diện: tôi đến với bạn trọn vẹn, tự nhiên, không ngụy trang. Tôi cần đến những nơi mà tôi không phải che mày dấu mặt. Đâu phải nhờ đến những khẩu hiệu, những vận động này nọ bạn mới biết về tôi. Chính vì bạn chấp nhận tôi cho nên bạn trở nên bao dung đối với những câu kéo, những ngôn thức đó. Tôi cảm kích bạn đã đón nhận tôi như vậy. Bởi vì tôi chẳng biết ăn ở làm sao với một người bạn chỉ biết phán xét tôi. Nếu tôi tiếp một người bạn có cái chân thọt dùng cơm thì tôi kéo ghế mời anh ta ngồi, tôi không bảo anh ta bước ra khiêu vũ.

Bạn ơi, tôi cần có bạn như tôi cần một đỉnh non cao để lên đó mà đứng thở (...).

Nếu tôi còn chiến đấu, tôi chiến đấu một phần cho bạn. Tôi cần đến bạn để tin tưởng mạnh mẽ hơn, để tin rằng một ngày nụ cười đó sẽ nở hoa. Tôi cần trợ sức với bạn để đối phó với cuộc sống, bạn ạ. Tôi thấy bạn gầy yếu xác xơ, liên tục bị đe dọa đủ điều, tôi thấy bạn giờ này qua giờ khác, kéo lê số tuổi năm mươi còm cõi trên vỉa hè trước một tiệm thực phẩm nghèo nàn, tôi thấy bạn cóng lạnh run rẩy dưới lớp áo măng tô sờn vai. Ai còn "Pháp" hơn bạn nữa, vậy mà tôi lo cho bạn: tính mạng của bạn như chỉ treo đầu mành, bạn vừa là một công dân Pháp, vừa là một người gốc Do thái. Tôi thấm thía sâu sắc cái giá quá đắt mà một cộng đồng, khi không còn chấp nhận những dị biệt và tranh chấp thường tình, bắt chúng ta phải trả. Chúng ta đều là con dân của Pháp quốc, chẳng khác gì những cành lá vươn lên từ một gốc cây. Tôi phụng sự chân lý của bạn, chẳng khác gì bạn phụng sự chân lý của tôi. Với chúng tôi, người dân Pháp ngoài nước, việc phải làm trước mắt, trong cuộc chiến này, là giải tỏa số hạt giống màu mỡ dự trữ đã bị đông lạnh bởi những trận bão tuyết Đức Quốc xã. Phải cứu nguy các bạn. Phải tiếp tay các bạn chiếm lại được tự do nơi phần đất các bạn đương nhiên có cái quyền căn bản đâm rễ trổ cành. Bốn mươi triệu con tin, đó là các bạn. Những căn hầm tối tăm của sự áp bức là nơi những chân lý mới mẻ manh nha: trong chốn tù đày, bốn mươi triệu con tin trầm tư một sự thật tinh khôi. Ngay bây giờ, chúng tôi sẵn sàng đón nhận sự thật đó.

Bởi vì chăng chính các bạn là những người chỉ dạy cho chúng tôi. Chúng tôi là ai mà nói chuyện đem ngọn lửa tâm linh đến thắp sáng những kẻ đã từ lâu lấy chính bản thân mình để nuôi cho ngọn lửa cháy đều, chẳng khác gì cây đèn cần tiếp tục cháy với chính chất sáp của nó. Có lẽ các bạn cũng chẳng đọc gì nhiều những sách báo chúng tôi viết và in ra. Có lẽ các bạn cũng chẳng lắng nghe gì những bài diễn văn chúng tôi đọc lên. Và các ý tưởng của chúng tôi, nếu lỡ có nuốt vào rồi thì có lẽ các bạn cũng mửa cả ra thôi. Chúng tôi không xây dựng nên nước Pháp. Chúng tôi chỉ có thể phụng sự quê hương. Dẫu dù chúng tôi có làm được gì hay ho chăng nữa, chúng tôi cũng không có quyền đợi chờ bất cứ một sự biết ơn nào của bất cứ ai. Thật ra, các bạn biết

chăng, làm sao so được một cuộc chiến đấu tự do với những chà đạp tàn bạo, những đọa đày thảm khốc trong đêm tối bịt bùng. Làm sao có được một kích thước chung cho một người lính và một con tin. Qua khổ đau, các bạn đã thành thánh rồi.□

HOÀNG XUÂN SƠN

ngụ ngôn

*

Nhà Dột
Nhà dột từ nóc xuống
phạt đứt ngang đầu hồi
xới luôn cả nền bẩn
cho đất nằm thảnh thơi

Nàng Sinh
Nàng sinh ra Phù đổng
trông hoài chẳng lớn khôn
biết lấy ai nhờ cậy
giữa mịt mùng đêm hôm

Gà Quạ
Sao nỡ phóng uế ra
đất đai buồn biết mấy
ôi cái lũ quạ gà
đi đâu rồi cũng vậy

Bôi
Cái mặt mà bôi bẩn đi
đen dìu nồi nhọ con gì chẳng ra
con quốc mà hóa con gà
mày không yêu nước thì ta thịt mày

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

xin níu lại giùm

*

1.

Tôi bỏ học ngày thứ hai. Có thể luôn thứ ba tư năm. Tuần trước tôi là kẻ gây nhiều tiếng động nhất trong lớp vì những cơn ho khan. Một người bị ho, cơn bệnh ấy đôi khi kéo dài dây dưa cả đôi ba tuần lễ là lẽ thường. Và tôi nghĩ, dầu sao mình cũng có được ít nhất một lý do bệnh hoạn để trả lời khi trở lại lớp học. Nga luôn nói với tôi chẳng có sự gian dối nào đáng yêu cả và thường thì lòng hối hận, người ta sẽ phải đối mặt sau đó, có khi đeo mãi suốt đời niềm dằn vặt khôn nguôi. Có thể Nga nói đúng, nhưng tùy ở mỗi một mức độ nào đó. Tôi bỏ học một hai hôm, điều ấy đâu có nghĩa lý gì. Nga sẽ phải đi xa, giả như biểu tôi trốn nhà trường đi theo Nga cả năm tháng dài, thì tôi chẳng có lòng hối hận nào để đối mặt cả. Tôi không sợ ông hiệu trưởng, mấy vị giáo sư, cùng những kỷ luật buộc họ phải nghiêm khắc đối với kẻ tự tiện bỏ học cho bằng sợ nỗi trống vắng mà khi chia tay Nga sẽ vất lại cho tôi ôm. Huế đang co mình lại trong mưa. Mùa Đông, Nga ơi, bây giờ cái thời tiết ấy nó giá lạnh biết bao? Nó đang cau có đi tới và Nga sẽ bỏ nó lại sau lưng. Chuyến xe lửa đầu tuần hôm nay sẽ mang Nga đi sâu vào phía trong, xa cách. Ở đó là nắng đầy, là phố phường rộng rãi và những tiếng động luôn chan đầy ngõ ngách như chẳng bao giờ mệt mỏi ngưng đọng. Ở đây, chỉ có những con ếch ương cóc nhái kêu ca suốt trong đêm mưa và tôi sẽ buồn thối ruột sau đó. Đêm qua, bọn

chúng đã tụ tập ngoài vườn hát hò sướt mướt, cái tiết tấu giàu nhạc điệu của chúng phát ra như dùng để đệm cho một đoạn phim thật nghèo nàn chiếu tới lui trong đầu tôi duy nhất một hình ảnh: Nga sửa soạn hành lý. Nga ra sân. Nga đứng ló mặt bên một ô cửa kính đục màu thời gian và qua nhiều những sự di chuyển. Mặt gương đọng chảy nước mưa, lệ của trần mây xám cứ sụt sùi tuôn đổ xuống vây quanh tôi, chôn tôi đứng giữa sân xi măng có nhiều đống nước đang rỗ mặt lấm tấm những nỗi buồn im tiếng. Cái khăn quàng cổ màu xanh ve chai của Nga mờ dần, hình như có bàn tay vẫy của Nga hoa lên, tiếng còi tàu nghe nhỏ lại và Nga xa dần xa dần...

Buổi sáng, tôi thức giấc vì tiếng đập cánh của một con gà trống đi loanh quanh trốn mưa ở hàng hiên. Hình như mặt trời không có nên nó chẳng buồn gân cổ lên gáy. Cái đồng hồ báo thức cũng chẳng làm tròn nhiệm vụ, nó đã già nua và hơn một lần nó đã bị từ chối dưới tay một con mẹ đứng bán ở chợ trời. Đêm qua tôi đã cho nó quá nhiều mạch sống, sững người vặn hoài hủy cái chìa khóa nhỏ đằng sau lưng và có lẽ điều này khiến những giây thiều giây tóc đã tê cứng chết tiệt. May mà tôi đã thức. Nga sẽ đimxhuyến mười giờ. Tôi mở cửa sổ nhìn trời đất, con đường màu xanh dẫn tới trường Quốc gia Âm nhạc thưa thớt bóng người đi co ro. Hình như tiếng kẻng từ tay ông cai già vẫn chưa gióng lên báo hiệu giờ chào cờ buổi sớm? Tôi tin vậy và bần thần đứng thay áo quần. Mùi ẩm mốc, mùi thuốc lá lưu trữ nơi chiếc áo len khiến tôi buồn rầu vô cớ. Cặp bồ câu đứng trên chuồng cao ở ngoài sân đang âu yếm và nói thứ ngôn ngữ đầy ấm cúng cho nhau nghe. Chúng có vẻ luôn hạnh phúc, kể cả trường hợp vẫn thường xảy ra là cái thằng người nuôi chúng đãng trí quên mang lại thức ăn. Cũng dễ hiểu và chẳng có gì phàn nàn hết, phải không? Ai cho tôi sống với Nga, giam đối tôi một hai hôm thì tôi cũng vui vẻ đứng gật gù bên Nga chăm chỉ rỉa lông rỉa cánh.

Tôi lười biếng không đánh răng rửa mặt. Tôi dành thì giờ đó để bọc nylon món quà nhỏ và vội vàng nhảy thót lên yên xe đạp. Hàng cây sầu đông hôm nay đã bị gió mưa làm tình làm tội, nó như có vẻ thưa đi cành lá. Tôi lách ghi đông để tránh những nụ hoa màu tím rơi

trải từng đoạn trên con đường nhựa bóng loáng. Vấn đề vệ sinh? Tôi thầm nghĩ. Nó không nghĩa lý gì cả để buộc tôi phải giữ gìn bộ răng. Tôi là một trong số những cặp tình nhân buồn rầu nhất thế giới, rằng đó là kẻ yêu một người mà chẳng bao giờ biết môi hôn là gì cả. Là một nhắm mắt cụng đầu và đồng thời ở ngực đón nhận một bàn tay Nga lạnh nhạt đẩy xô ra. Sự từ khước không hề bận tâm làm người khác buồn lòng đó, đã đẩy tôi rơi xuống nỗi hụt hẫng. Tôi câm lặng và tôi tự an ủi giải thích, chắc tình yêu chưa chín mùi? Chưa có mùi nên tôi giận lẫy, lơ là cái việc tốn kém thì giờ mỗi buổi sáng. Nếu như công ty sản xuất bàn chải đánh răng hoặc kem Hynos, Pepsodent, Colgate hùm bà lằng chỉ đó một hôm phải đóng cửa giải nghệ thì phải hiểu rằng ngoài thị trường bấy giờ toàn là lúc nhúc một bọn thất tình cô đơn... Trời ơi, cái bọn đau khổ ấy đâu có rảnh mà súc miệng với rửa mặt chớ. Thiếu chi việc quan trọng hơn phải làm. Ngồi nhăn nhó ủ dột suốt ngày trong quán cà phê chẳng hạn. Đốt thuốc lá liên tục, khói xanh ẻo lả vương trên vầng trán có nhiều nếp nhăn như chân dung một nhà hiền triết... Tôi thấy thèm cà phê và dựng xe trước cửa căn nhà xám ngoét một bầu không khí của khói thuốc. Cho tôi tách cà phê đen với ba điếu thuốc lẻ. Tôi gọi với ông chủ đang đứng sau một đống lu hũ. Có ngọn lửa bập bùng ở đâu đó ấm cúng. Khuôn mặt ông ta nhờ đó mà rạng rỡ một đường viền màu đỏ cam. Có ngay. Ông nói. Những cái răng cáu bẩn lộ ra. Cái tuổi ông đã lỡ đánh mất tình yêu rồi. Vậy thì những kẻ ham buôn bán, mê muội với đồng tiền có lẽ nào làm đồng minh với bọn thất tình?

Tôi bọc tách cà phê trong đôi bàn tay. Tôi dùng khói bốc để hơ lên cặp mắt vừa thoát qua một đêm mộng mị. Nga có lần vui miệng quở mắt tôi buồn, hai hột nhãn màu nâu như hai hột cà phê. Có dạo hai đứa đi coi một phim tình rất lãng mạn của Pháp. Cái kết thúc kỳ quái của phim làm tôi khóc, Nga tinh mắt thấy và xem đó như một chuyện lạ, cười trên nỗi đau khổ của người khác: "Hứ, đàn ông con trai chi mà ủy mị!" Tôi không giận hờn Nga một mảy may, tôi chỉ buồn trong lòng, tại sao Nga có được sự dửng dưng không nên có như thế? Trời sinh ra ta, cho ta nước mắt để chỉ dùng trong những lúc đối

mặt với một chuyện thương tâm. Và khi ta hà tiện một cách khó hiểu như vậy thì lòng nhân ái của ta đã bị mù lòa chút chỉ?

Có một thằng bạn đã trông thấy tôi. Hắn làm tôi giật mình vì cái tên tôi khi không mà xuống lên thảng thốt giữa dòng suy tưởng êm ả tôi đang cưu mang, luôn vật vờ nghĩ suy...

– Không sợ trễ học hả mi?

– Không.

– Còn tiền không?

– Hết rồi.

– Tính cúp cua hả?

Hắn ngồi xuống bên tôi. Hơi lạnh từ người hắn làm tôi tỉnh táo.

– Mấy giờ rồi?

– Gần tám giờ. Sáng nay có cô người mẫu mới.

– Thì đã sao?

– Thì có nghĩa là kể từ nay tụi mình đã bắt đầu được vọc sơn dầu rồi. Mày đã có sẵn khung bố chưa?

– Chưa. Tao quên...

– Quên?

Hắn cười với cái dấu hỏi hắn vừa đặt ra. Hắn ôm vai tôi lắc lắc như một cảnh tỉnh muộn màng. Và tay kia với lấy một điếu thuốc đặt trên đĩa. Hắn uống chung ly cà phê của tôi, thắp lửa nhả khói thuốc làm khẩu phần "điểm tâm" của tôi vốn không giàu có gì đâm ra hao hụt một cách lãng phí. Tôi tránh nhìn xuống mặt bàn, đưa mắt nhìn ra phố xá như vẫn còn muốn ngủ nán. Bên kia lề đường, trước một cánh cửa sắt sơn lục đóng kín, có người bán bún gánh ngồi chăm chỉ quạt than và khói của nồi nước quyện bay dưới một mái hiên nhà rỏ nước từng hàng. Có chiếc xích lô đạp ngang và người đàn ông điều khiển xe đưa tay cầm cái thắng nằm giữa háng kéo ngược lên. Ai nghĩ ra chiếc xích lô để bắt một cái thắng ở nơi chỗ ngược ngạo như vậy? Thằng bạn tôi đang ngồi đây cũng đã có lần đùa trong lớp: "Hôm nay tao cầm lộn cây cọ đến hai lần". Nó cười sống sượng trong khi cô người mẫu ngồi

trên bục gỗ nhẹ nhàng khép lại đôi chân. Nga từng hỏi tôi, một câu hỏi rất... đàn bà. Đứng trước một người mẫu khỏa thân toàn phần cảm giác của tôi như thế nào? Tôi trả lời cũng rất đàn ông: Mê đắm và nóng mặt, nhưng chẳng được lâu dài cho lắm. Nếu đó là người mình thương thì vấn đề sẽ khác. Khi ấy tôi định hôn Nga và Nga đã đẩy tôi ra. Câu chuyện giữa chúng tôi thường bế tắc một cách bâng quơ như vậy. Nó không đi hết đường, ngã ngũ thỏa đáng cho bất kỳ một câu hỏi nào cả. Thật vu vơ và thật con nít. Nga có vẻ ghen tức với việc học của tôi là quen nhìn những vùng da thịt kín đáo của kẻ khác phái? Có hôm tìm không ra người mẫu, trong lớp phải đề ra ý kiến là mỗi người phải luân phiên cởi truồng để cho bạn bè vẽ. Nga nghe được và cô ta quan tâm đến Huệ, người nữ sinh viên duy nhất trong lớp tôi. Thật là mắc cỡ muốn độn thổ cho dù mặc thêm cả chục bộ quần áo lót khi đứng yên cho bọn phàm phu tục tử nheo mắt đo đạc lấy cơ thể mình...

– Mi đem cái bao nylon chi đó?

Tôi giật mình giằng lại món quà tặng Nga khỏi tay đứa bạn tò mò.

– Mấy giờ rồi?

– Đã trễ rồi nếu còn quan tâm tới chuyện học.

– Sao mi còn ngồi đây?

– Tao sẽ vào trường xin nghỉ để đi điều chỉnh lại giấy tờ.

– Chuyện chi?

– Thẻ hoãn dịch của tao họ ghi lộn. Thay vì hoãn dịch vì lý do gia cảnh họ lại đánh máy là lý do học vấn. Một mẹ già, một con côi mà mi!

– Ừ. Quan trọng như thế thì chạy u đi cho rồi.

– Công chức họ làm việc khác với giờ học sinh đến trường. Còn sớm nhăn.

– Mấy giờ rồi?

– Chín.

– Có vào trường đừng nói gặp tao ở đây.

– Im lặng là vàng?

– Ừ. Là vàng... Mà nếu nói chuyện ồn ào là kim cương thì hãy nói là gặp tao ở cổng bệnh viện.

– Ừ. Yên tâm đi. Mi có vẻ là người đang mang bệnh thật đó.

Tôi hít một hơi thuốc thật đầy. Tôi nghĩ là khi nhả khói cái cổ họng sẽ phát ra một vài cơn ho húng hắng. Thật lạ lùng như phương ngôn của mấy ngài thầy thuốc cổ điển: Dĩ độc trị độc. Tôi đã hết ho. Người bạn gọi xin một bình trà rồi hắn tự tiện múc đường khuấy trong ly. Những cái xác trà quay như vụ đằng sau màu thủy tinh chợt vẹt sứt mẻ. Nga đã từng là cái muỗng và tôi đã từng là những xác trà tội nghiệp nhẹ hẫng. Tôi nói, tình yêu của tôi không thể cầm chân Nga ở lại đến sang năm? Nga cúi đầu không tỏ thái độ. Trước đó, Nga chỉ cho tôi xem một đoạn thư mà chị Nga ở Sàigòn gửi ra: "...Tùy em quyết định, nhưng chị tin là vì việc học của em, em sẽ có một ý nghĩ sáng suốt. Ngoài Huế thật có nhiều biến động, vì lẽ đó mà ba mạ đã viết thư gửi gấm em cho chị...". Tôi muốn ôm lấy bờ vai của Nga. Căn nhà lúc ấy chìm trong quạnh quẽ. Mạ Nga đi chợ chưa về. Ba Nga đi gặp những người quen để lo giấy tờ thuyên chuyển việc học cho Nga. Cái đồng hồ quả lắc đi tuần hoàn bằng những bước chân lặng lẽ êm ả hơn tiếng đập tim của tôi. Tôi sẽ đi theo Nga cho có bạn đường. Nga dẫy nẩy lên với lời đề nghị đó. Đừng, việc học quan trọng hơn. Bỏ học thì sẽ bị đi lính. Và vào trong kia, có quen biết ai đâu mà mạo hiểm? Tôi yêu Nga ở cái chữ mạo hiểm đó. Tôi rụt rè nắm đôi bàn tay ấm áp của Nga. Tôi sẽ tới mấy rạp chiếu bóng xin làm nghề vẽ những tấm *paneaux* để họ treo trước cửa, hoặc không thì đi theo ai đó sống qua ngày bằng việc vẽ chân dung những người chết cho thân bằng quyến thuộc họ treo lên thờ. Tôi sẽ kham được những khó khăn nếu những khó khăn đó là chông gai muốn đo lường tấm lòng của tôi muốn lại gần Nga. Nga rụt tay về và nói một câu đáng ghét: "Đừng có điên". Tôi ủ rũ cúi mặt nhìn con ốc sên bò chậm chạp ở trên bậc tam cấp đọng nhiều rêu xanh. Phim ảnh, tiểu thuyết ngoại quốc. Lãng mạn, tình yêu. Tôi thật không hiểu và tôi đâm hoài nghi những gì mình đã xem đã đọc. Con ốc sên khi bò để lại đằng sau nó một con đường run rẩy. Việc Nga đi học phương xa, tôi linh cảm như đó là một hòn sỏi

ném xuống giếng sâu. Những gợn sóng đồng tâm lan ra trên mặt nước và rồi yên tĩnh chóng vánh sau đó. Khi ta ngẩn ngơ cúi nhìn, ta chỉ bắt gặp bóng mình chao đảo lung linh trên bề mặt gương soi đó. Và hết. Viên sỏi ngủ yên dưới bùn lầy giếng nước. Cái gầu hoen rỉ như vết tích thời gian. Những xác lá mục rữa như một chứng nghiệm của sự lãng quên, rằng sự hằng cửu của tình yêu chỉ là một cợt nhã không hề có ngoài cuộc sống... Nga biểu tôi về. Trời khi ấy chẳng có dấu hiệu một cơn mưa lớn sẽ thịnh nộ trút xuống mặt đất lạnh lùng. Để làm sáng tỏ câu nói trước, Nga thêm thắt: "Giờ này ba cũng sắp về rồi đó". Tôi đứng lên trong nhẹ hẫng của một vùng đất chẳng có trọng lực sức hút. Tóc tôi để dài và nhờ tấm thẻ sinh viên trường Cao đẳng Mỹ thuật cứu vớt nhiều lần mỗi khi đi qua những trạm kiểm soát đột ngột của cảnh sát, trong nhiều chiến dịch làm đẹp thành phố (?). Nhưng tôi biết nó sẽ vô giá trị dưới tia nhìn nghiêm khắc của ba Nga. Ở thời điểm tôi sinh sống, cái giá trị nhân phẩm của con người được nhìn nhận ở bề ngoài và những người "thầy bói" sắc sảo đó thì có rất nhiều. Họ luôn cổ vũ cái luận cứ bất hình dong để biết lòng dạ. Ba Nga có thể nghĩ tôi là một thằng con trai có lòng dạ bê bối luộm thuộm như cái bề ngoài bệnh hoạn của hắn? Tôi bước xuống thềm. Con ốc sên đã bỏ đi. Đôi giầy bata tôi mang để lại những bước đi không đều khoảng cách trên đất ẩm. Nga nói đuổi theo lưng tôi. Nếu ưa thì tụi mình sẽ gặp mặt lần cuối ở sân ga. Nga đi chuyến mười giờ. Sáng thứ hai.

2.

Tôi bỏ làm ngày thứ hai. Vào thứ sáu của tuần lễ trước, tôi man khai với Jacques: "Cho tôi nghỉ việc đầu tuần nghe. Tôi phải đi tuyên thệ nhập tịch làm thằng Điên. Ca-na-điên". Người cai đứng rửa tay nơi cái lavabô dơ bẩn vệt mực in cười cười không nói. Dòng nước từ cái vòi mở lớn, tuôn chảy xè xè. Tôi nhìn trong gương để thấy mặt mình như có đeo mặt nạ. Cuối cùng thì thằng cai cũng nói ô kê. "Không thành vấn đề. Chúc mừng mày". Tôi còng lưng xuống rửa tay, đôi bàn tay lấm lem một công việc gần như chẳng có khi nào ưng ý. Cũng là màu sơn, nhưng không nặn ra trên *palette* mà đổ đầy trong chậu cho

mấy cái *rouleau* của máy in Hamada, Multilith nó quay rần rần để in những tờ bích chương quảng cáo nham nhở ở đây bán vịt rẻ, chốn nọ bán gà *sale*, sì líp đàn bà *vente* một tá 6 đồng 99 xu... Chúc mừng mày. Tôi nghĩ là tên cai nói với cả lòng thành thật trước sự ngụy tạo tài tình của tôi. Một thằng người có tới hai quốc tịch, điều ấy có gì vui thú đâu nhỉ? Nó chỉ may mắn hơn một đứa bé được sinh ra trên đảo, người mẹ khổ đau chẳng có can đảm nhìn mặt trong khi cha nó vẫn rong ruổi ngoài biển khơi tiếp tục làm loài dã thú đi săn đuổi những chiếc lá trôi lạc dòng...

Jacques bỏ quên cái đồng hồ nơi ngăn chứa bột xà phòng nên lật đật trở lui. "Thứ ba mày trở lại với công việc mà tao đã giao cho mày mấy tờ hóa đơn đặt hàng. Cho máy chạy nhanh tối đa, còn phải vô thùng và thứ năm phải mang đi". Tôi biết, ông an tâm. Hắn vỗ vai tôi, chúc cuối tuần vui vẻ.

Cuối tuần, quả nhiên tôi có vui vẻ thiệt. Một đường dây viễn liên điện thoại từ chốn xa xôi lại gọi tới nhắc nhở và xin giữ được lời hứa cho tới giờ phút cuối. Hỏi đi mấy giờ để bên này biết mà đón tiếp. Tôi vui và tôi bàng hoàng như giờ phút mà tôi đang sống thở không nằm giữa thực thể hiện tiền. Nó có vẻ mơ hồ, và giả như là sự thật thì sự thật đó là không gian ở Việt nam. Thời gian của những năm cũ, của một người từ Sàigòn gọi về ù ù tai nghe một xúc cảm đằm thắm. Nga, cuối cùng là Nga. Cái giọng nói ấy vẫn chẳng hề suy suyển đổi thay. Khi tay run rẩy áp chặt ống nghe vào mang tai, tôi thử nhìn ra bầu trời mùa Thu ở ngoài xem có cơn mưa bất chợt nào rơi xuống? Không, Huế của tôi đã chết. Đã xa rồi những cơn mưa bay nghiêng. Đã lắng chìm một sự trầm mặc mà chân dung nó mang đã như người đóng tuồng mệt mỏi lui vào hậu trường cởi bỏ son phấn. Huế và hình ảnh Nga ra đi trong trời mưa có khi bất chợt trở về trong trí tưởng cũng chỉ thập thò như một ông bầu gánh hát băng hăng bó hó nơi cánh gà nhìn xuống khán thính giả đi xem có đông chật những hàng ghế?

Tôi có ác cảm với mưa từ dạo đó, nhưng giờ này ở xứ người tôi thầm mong một trận mưa. Tôi thích đội mưa, mang hình hài sũng nước để làm cơ thể con người cảm hàn đi đến một phương trời xa cách

khác đứng rụt rè nhận chuông gõ cửa. Nga, trời ơi! Người bạn gái đầu đời của tôi giờ này sẽ ra sao nhỉ? Những vết nhăn sau đuôi mắt có một chút lé mại duyên dáng. Những hạt nốt ruồi và tàn nhang đi xâm thực loanh quanh bên hai gò má tôi chưa bao giờ được đặt môi lên. Nó có nhạt đi vì tuổi tác? Hay nó tràn lan thêm vì những gió sương, khí hậu dãi dầu hoán chuyển hoài kiếp lưu lạc? Tôi hoàn toàn mù tịt với những dấu hỏi cứ muốn làm cho óc não nhỏ nhoi của đầu tôi chương phình lên.

Tôi không có lòng dạ để tự khuấy cho tôi một cốc cà phê. Tôi tin là ở bất kỳ bến xe nào cà phê cũng đều đậm đà ngon miệng trước mỗi một lên đường. Bến xe Đà lạt, bến xe Huế, bến xe Nha trang... Chẳng hạn. Tôi dùng thẻ nhà băng để rút tiền trước một *guichet* tự động bấy giờ sương lạnh còn làm mờ cánh cửa vô ra. Tôi mua một hộp *chocolat* ở cửa hàng bán đồ lưu niệm mà khi mở nắp người ta sẽ đón nghe một đoạn nhạc tình kêu lên kinh coong rộn rã. Người bán hàng cười tươi với tôi một nụ cười rộng lượng như thể người tình nhân bỏ hết tình cảm vào miệng cười để đón một hàn gắn sau mười lăm năm cách biệt. Hai ba hôm nữa thằng cai sẽ đi tới sở, hắn sẽ nói với những thằng thợ in khác về kẻ vắng mặt kia, là nó đang hồi hộp đặt tay lên thánh kinh để tuyên thệ một lòng thủy chung... Hắn thật khờ khạo. Tôi làm dân "điên" đã lâu rồi. Và tôi đang chìa tấm thẻ bọc nhựa đó ra để trình cho người quan thuế. – Đi đâu vậy?

– Đi Boston.

– Ở nhà ai vậy? Địa chỉ?

– Ở nhà vợ cũ.

Tôi nói đùa và đưa mẩu giấy ghi vội cái chốn Nga ngụ mà cô ta đã đánh vần chậm rãi trong điện thoại.

Mặt tôi trâng tráo. Và tôi nghĩ một thằng Ca na điên có quyền trâng tráo như thế. Tôi cười, thủ tục giấy má rắc rối hệt như Vi xi mà tôi cũng lọt qua khi dùng giấy tờ giả mạo để vượt biển thì nhằm nhò chi những vướng mắc khác.

– Ở bao lâu?

– Khoảng hai ba hôm.

– Đang làm việc chi?

– Thợ in *offset*.

Người mặc sắc phục màu xanh nước biển ấy vẫy tay cho tôi đi. Tôi không biết Nga đi diện đoàn tụ gia đình hay cũng vượt biển? Ba Nga đã thôi đời công chức mẫu mực và tôi đã hết một thời ngông nghênh tóc tai luộm thuộm cô hồn. Tất cả bị xua đuổi về một thiên đường hoang lạnh có thật nhiều trái cấm, và điều này khiến tôi tin chắc mọi người sẽ thân ái hơn lên. Sẽ độ lượng, sẽ cảm thông khi mặt đất mà mình đang đứng không còn nổi nghiệt ngã tranh giành máu thịt của anh em. Tôi có lạc quan tỉ lệ thuận theo nỗi mừng tủi tôi đang có? Hay là người ta vẫn còn trên đầu môi những câu hỏi trần trụi: Qua lâu mau rồi? Đi học hay đi cày? Xứ này gặt ra tiền, lương hướng chắc cũng khấm khá hả?...

Những cánh đồng trơ trụi lướt qua. Những ruộng bắp vàng hoe ngả mình theo một trận gió ngược hướng xe chạy. Những con chim bay không thứ lớp vẽ run rẩy lên nền xanh nhạt của da trời những vệt đen chấp chới. Một vùng trời hừng đông và lá vàng đuổi theo tôi suốt cả con đường đi gặp Nga. Mùa Thu. Sau nó là mùa Đông đó Nga. Ở đây, có những chiều đi chợ một mình tôi đã lững thững tình cờ đọc được nhiều mẩu nhắn tin dán phất phơ trước những siêu thị. Vui có buồn có, ngây ngô có, văn chương chữ nghĩa có. Có tất cả. Nhưng tôi biết rõ một điều, tất cả đều thành thật, mong gặt hái và đón nhận một tiếng vọng. Sự thành thật có nhiều nên đôi khi coi thường chất lỗ mãng mà chữ viết tạo ra. Để tôi đọc thầm cho Nga nghe, đơn cử một bản nhắn tin: "Mùa Đông đã gần kề các bạn ơi. Các bạn ở lứa tuổi 18 tới 22. Chúng ta sẽ lạnh lắm nếu ngủ một mình trên giường đất lạ. Bạn gái nào thích ấm lòng, tôi nguyện sẽ ôm trong giấc ngủ và hứa sưởi ấm suốt đời. Không có thư đầu xin gửi ảnh gì cả. Ai thích thì cứ tự nhiên quay số điện thoại cho tôi. Số này sẽ nhanh lẹ đáp ứng yêu cầu còn hơn khi bạn gọi số khẩn cấp 911. Một người rất sợ mùa Đông".

3.

Nga hỏi, giọng ân cần:

– Đi có mệt không? Tôi nói không. Nga quan sát tôi hồi lâu khiến chính tôi có cảm giác mình là đứa con gái đang được thằng bố chiều cố dịu dàng:

– Không có gì thay đổi nhiều. Thấy Nga ra sao?

– Nga hơi là lạ. Chắc là vì kiểu tóc và áo quần.

Nga níu tay áo tôi lôi tới bên một chiếc xe màu đỏ. Nga mở cửa cho tôi và khi nhìn Nga từ phía sau, trong động tác khom mình đó, tôi khám phá cái là lạ của Nga là do chính thân thể mình hạc gầy còm mà Nga đang có. Nga trông quen thuộc như dáng dấp người chị còn ở bên nhà của tôi. Khi chia ly, chị đã có hai cháu. Người chồng đi cải tạo chưa về, và hai đứa nhỏ quyến luyến gọi cậu cậu khiến tôi mềm lòng. Giờ này tôi cũng hoang mang. Nga đã có mấy đứa con? Tôi sẽ ngại ngùng nếu đặt chân vào nhà và đón nghe những tiếng cười đùa hồn nhiên: Mẹ, mẹ. Ai mà trông lạ hoắc thế mẹ?

Chiếc xe chạy ra con đường mang tên một nhạc sĩ nổi tiếng, nếu trí nhớ tôi hẳn còn sáng suốt. Những bài nhạc của ông ta được thai nghén và chào đời trong cái quá trình ông ấy bị tình phụ tưởng có thể chết đi được.

– Vẫn còn vẽ vời?

– Không. Đã lâu rồi... Có thể nói từ khi Nga bỏ đi.

Tôi thành thật trả lời. Tôi cũng từng bị thất tình, và tôi... thất học sau đó. Mà nếu như lòng đam mê với hội họa của tôi có nhiều, những đứa con nghệ thuật kia cũng sẽ chết cháy chết chìm trôi nổi theo sự phiêu bạc của tôi từ khuya rồi.

– Vượt biên hả?

Nga hỏi. Vẫn là sự trống không giữa ngôn từ, chẳng ngôi thứ từ đầu tới cuối. Tôi thích sự chung thủy đó và nó là một thứ ngôn ngữ chỉ dành riêng cho hai người. Không anh em, chẳng chàng nàng luộm thuộm. Sự diễn đạt càng cô đọng càng hay, miễn là người nhận tín hiệu hiểu ra ý nghĩa có đằng sau nó.

– Ừ, vượt biển. Nga thì sao?

Nga bẻ tay lái để cho xe rẽ ngoặt một hướng khác. Bất ngờ làm tôi phải nghiêng người và vô tình bấu tay nhằm bờ vai Nga.

– Xin lỗi.

Tôi nói mà không nhìn nửa mặt của Nga. Ở trước đường bóng tối thu hẹp tầm nhìn giống như Nga đang chạy xe vào một đường hầm. Đêm xuống thật mau. Bóng tối làm cho lòng tôi bớt dần những bồi hồi. Thật ra, một đôi khi người ta sống không nhất thiết phải cần vào mặt trời và ánh sáng quang minh của vầng dương. Nó dễ làm cho người ta gặp phải sự trơ trẽn dù họ chẳng hề mặc cảm phạm tội gì hết.

Con đường bỗng trở nên dằn xóc một hồi. Sự rung động kéo dài không lâu xe đã đứng yên dưới một lùm cây đen kịt bóng đêm. Nga mở cửa xe và tôi bắt chước làm theo. Một người dắt chó đi dạo êm ái lướt qua khiến tôi thoáng giật mình. Trong nhá nhem đằng trước, đôi mắt con chó quay đầu nhìn long lên như hai cục thủy tinh vừa lôi ra từ lò lửa. Tôi thấy lạnh, đồng thời nghe tiếng kẽo kẹt của cái xích đu ai đó đang ngồi đong đưa trong vườn tối. – Tới rồi. Vào đây.

Nga nói. Cái áo màu mỡ gà của Nga đang mặc lay động đằng trước dẫn lối, hiện tại nó như bị lấm lem bùn đất khi ánh sáng ở đâu đó chiếu lướt lên in loang loáng từng cụm đá đen nâu. Tiếng rên rỉ của chiếc xích đu đã không còn. Ngọn đèn vàng trước cửa nhà bật sáng, hắt ra sân cỏ cái dáng đứng khẳng khiu như sẵn sàng ngã quỵ của một bóng đen nào đứng đợi.

– Đi chi mà lâu... Đã gặp chưa?

Tôi nhìn lên. Ngọn đèn chẳng chói sáng nhưng làm hoa mắt. Một đầu tóc xác xơ có bới thành lọn đặt để trên cái nhân dạng ốm, thấp. Giọng Huế khàn yếu phát ra từ đó, có vẻ đợi chờ trách móc. Và bà ta run rẩy, án ngữ làm luồng sáng phía sau chấp chóa khiến bà như có tỏa hào quang quanh người.

– Dạ, rồi mạ.

Tôi bước theo Nga lên hai bậc gỗ và đứng tần ngần ở bậc thang thứ ba. Người đàn bà nghiêng người để nhìn cho rõ mặt kẻ vừa mới tới. Mặt

tôi hứng đầy ánh sáng. Tôi thấy hai ba con vật có cánh bay chập chờn quanh bóng điện vàng. Tôi ngửi được mùi dầu nóng và sau cùng là khuôn mặt xanh xao.

– Ừ, đúng rồi... Đừng khinh đôi mắt người già nghe. Bác cũng còn nhớ mà.

Mười mấy năm? Tôi luôn mỏi mệt với những con số và tôi sợ một sự hồi tưởng. Tôi chẳng tài nào nhận ra mạ Nga nếu giả sử người ta vất tôi vào một nhà dưỡng lão để đi nhận diện từng khuôn mặt có nhiều nét thất thường tựa nhau. Tại sao mạ Nga lại có được một ký ức kinh khiếp như vậy?

– Mạ còn ngồi ở ngoài sân làm chi cho lạnh?

Nga nói, đồng thời mở rộng cánh cửa. Bàn tay Nga có những ngón trắng muốt với gân xanh.

– Mạ ở trong bếp cứ bị xe của thiên hạ chạy ngang đánh lừa hoài nên trở ra đợi cho chắc ăn. Cứ sợ hai đứa không tìm thấy nhau hoặc đi lạc đâu mất tiêu.

Tôi thoáng nghe cảm động. Tôi dẫn nó xuống để đón chờ một cái ló đầu của ba Nga. Căn nhà yên ả ở phía trong, mùi thơm của một thức ăn nào đó vừa nấu chín quyện bay ra. Nga đứng ở cửa trong tư thế đón đợi khách vào. Da mặt Nga tái, làm như Nga vừa đặt chân lên đất liền sau khi nôn mửa xuống biển tất cả những gì có trong bao tử. Lòng tôi bồi hồi, cánh cửa vừa đóng ập sau lưng để tôi bị vây bọc trước một không khí ấm áp lạ thường. Tôi để cái xách tay xuống đất nhìn dáo dác, tôi chẳng trông rõ đường nét của mọi vật. Nếu có một đứa học sinh trọ học phương xa, mỗi năm chỉ cho phép về thăm nhà trong dịp Tết thì nỗi niềm mà nó mang theo chắc cũng ngập đầy như tôi giờ này. Nga hỏi tôi có cần rửa mặt rửa tay chi không. Rồi Nga giơng tay chỉ cho tôi biết đâu là phòng vệ sinh. Mạ Nga đệm theo: "Cứ tự nhiên đi, xem như con cháu trong nhà. Rửa mặt cho tỉnh táo rồi bác dọn cơm cho mà ăn".

Tôi không đi rửa mặt rửa tay. Đôi chân tôi tự nhiên nghe mỏi. Sự xúc cảm có thể làm chùng yếu bất kỳ một bộ phận nào trong cơ thể. Và tôi tới ngồi xuống một chiếc ghế kê bên cái bàn tròn đặt gần lò điện.

Hơi ấm từ đó lan man truyền đến. Tôi nhìn hai cái ghế trống còn lại, màu sơn trắng của nó khiến tôi mơ hồ hình dung rằng, ở mặt bàn này đã từng có những bữa ăn tẻ nhạt buồn rầu diễn ra. Mạ Nga già đi trông thấy và Nga ốm xanh hơn Nga của những ngày cũ. Điều này có nhằm chứng minh thêm cho sự suy diễn vừa rồi của tôi không? Tôi tính nói một đôi lời cho trong nhà ồn ào lên đôi chút nhưng chưa biết sẽ nói điều gì trước tiên. Sự khó khăn nào vẫn vây khổn lấy người tôi từ khi gặp lại Nga? Lý ra mình phải là kẻ có hạnh phúc, và điều này khiến mình sẽ cười nói huyên thuyên...

– Mạ có cần con phụ một tay không?

– Không. Ngồi nói chuyện đi. Mạ làm hết rồi, chỉ việc hâm lại cho nóng thôi.

Nga cũng vậy nữa. Chẳng hỏi han gì tới tôi cả. Đi lăng xăng một cách vụng về, chẳng thể che dấu. Sau cùng thì Nga đến lấy cái xách của tôi và nhẹ nhàng biến mất sau một bức vách sơn hồng.

– Thiệt tội nghiệp...

– Dạ thưa chuyện chi?

– Bác rót nước cho uống hí. Có khát không?

– Dạ không.

– Nó coi báo chi đó, biết con có viết truyện nên vội vàng chạy đi xin người ta địa chỉ liền. Con cũng oai hí, dạo ni viết lách như rứa chắc thu được khá nhiều huê lợi?

Tôi cúi đầu, cảm thấy hổ thẹn. Cuộc sống luôn đẻ sinh những ngộ nhận. Có ngộ nhận làm mình bứt rứt đớn đau, có ngộ nhận làm mình chỉ biết cười trong im lặng. Và suốt đời, tôi là kẻ bất lực không biết giãi bày ra sao trước những ngộ nhận kia.

– Răng mà làm thinh làm tịnh như rứa?

– Dạ... Cũng nhờ trời.

– Chuyện chi mà nhờ trời?

– Dạ thì nhờ vậy mới có ngày gặp được bác và Nga.

– Nói cũng phải.

Mạ của Nga rót cho tôi một tách nước trà. Thơm, đậm đà. Đắng và ngọt. Cái tách men có vẽ những cánh hoa xanh tím nhỏ nhắn chạy liên kết quanh vòng tròn. Tôi xoay xoay cái tách trông quen thuộc rồi chợt nhớ sực lại ngày xưa mạ tôi cũng có đủ một bộ giống hệt thế để đãi khách.

– Chớ bây giờ ở với ai?

– Dạ một mình.

– Hai bác còn bên nhà hay răng?

– Dạ mất lâu rồi. Tôi đón nghe một tiếng thở dài trong khi tôi lẩn thẩn tự hỏi, chẳng biết những cái tách của mạ tôi đã vỡ tan hay đang lưu lạc trong tay của kẻ khác? Những kẻ lạ mặt đi chiếm đoạt nhà người ta với cả một sự ngông nghênh quyền thế. Hệt như họ đã chiến thắng và những của cải từng đánh đổi bằng mồ hôi nước mắt của chúng sinh kia, tựa như phần thưởng từ trời cao rơi xuống dành trả công cho họ. Cuộc xâm lược thần thánh kia cho tôi ý niệm sâu sắc thế nào là lòng thù hận. Đó là thứ kinh nghiệm buồn rầu vô tả. Nó đến muộn màng, và nó tước đoạt tất cả một đời hồn nhiên của thằng học sinh vô sản. Tôi chẳng có gì để phàn nàn, người có đủ điều kiện để ta thán hơn là ba mạ tôi và giờ này, họ đã ngủ yên dưới một vùng đất khô cằn, kề cận một công trường làm thủy lợi chẳng bao giờ khơi mở một mạch nước. Những con quạ đen về đậu trên cây trụi lá kêu vu vơ và ngày cuối cùng tôi lên thăm mộ có cơn gió Lào thổi về xoắn bụi đỏ lên cao làm tôi chảy nước mắt.

– Tứ cố vô thân như vậy mà con không biết buồn răng?

– Dạ thì nhờ trời từ từ cũng quen.

Mạ của Nga cười. Một hai cái răng sún trong miệng làm tiếng cười phát ra nghe vui tai. Bà đến kéo ghế, ngồi xuống từ tốn và đưa tay lên bới lại đầu tóc.

– Nói nghe hay quá, chuyện chi cũng nhờ trời! Răng chưa nhờ ông trời kiếm cho xong một con vợ?

Tôi có ý đợi Nga trở ra. Có lẽ Nga bận sửa soạn chỗ nằm cho tôi, hoặc Nga tắm rửa thay đổi áo quần trước khi ăn cơm tối? Tôi hỏi:

– Con hút thuốc được không?

– Được chớ. Khách sáo làm chi, cứ tự nhiên đi mà.

Khi thắp lửa điếu thuốc, tôi thầm trách Nga đã hà tiện lời nói không loan tin cho tôi hay rằng Nga đang sống cùng với mẹ. Có lẽ ngày mai nhờ Nga chở đi phố rồi tiện thể làm quân sư cho tôi mua một món quà tặng đến bà.

– Ừ, sẵn có hộp quẹt đó cho bác thắp nhờ một cây hương. Con Nga đã kể lể nhiều chuyện chưa?

Sau bức vách sơn hồng có đặt cái trang thờ. Tôi cầm cái bật lửa đi theo mạ Nga. Một dĩa trái cây, một tách nước trà, ba cái chung nhỏ đựng nước lạnh, hai cây nến giả sáng lu mờ bằng bóng đèn yếu watt và đằng sau, khung ảnh trắng đen có chân dung nghiêm nghị của ba Nga nhìn xuống.

Mạ Nga nói thì thầm điều gì đó với người khuất mặt. Tôi cứ để ngọn lửa ga cháy sáng trên tay run. Mùi khói hương xông lên sực nức, nó lạ lùng và nó quen thuộc đến độ không hiểu nổi. Nó được thắp lên và nó chẳng hề nhắc nhở điều gì cả nhưng buộc ta phải cúi mặt, nghe lòng rưng rưng buồn. Hãy khấn nguyện thầm.

– Hai bác mất ở bên nhà là có phước đó. Ba con Nga thì thê thảm hơn, bị chôn thây ngoài biển khơi. Ông bà ơi! Cái bọn chi mà thiệt ác ôn rùng rợn... Làm cha thì ai mà không ra sức bảo vệ con cái chớ?

Tôi thấy một đôi mắt long lanh. Hai bàn tay da nhăn đang khó nhọc cắm đứng cây hương cho ngay ngắn trên trang thờ.

– Từ khi Nga bắt được liên lạc với con nó có vẻ vui tươi trở lại. Cố ở đây trò chuyện với nó cho dài ngày một chút nghe. Trời Phật ạ, răng mà nhà bác gặp toàn chuyện đau khổ chi mô. Bởi vì lòng đoái thương tới bác côi cút chứ không con Nga e cũng quyên sinh theo ba nó mất rồi.

Mạ Nga lấy tay áo để chấm nước mắt. Tôi đứng chết sững hết nhìn

bà xong đến nhìn cái ảnh trắng đen. Ngày xưa tôi từng khóc vì những cuốn phim có kết cuộc sầu thảm. Sao bây giờ mắt tôi ráo hoảnh và miệng tôi bị khóa cứng, hết xuýt xoa? Thật là hoang phí những giọt lệ tuổi xuân thì. Nó đã khô cạn rồi chăng, đầu tóc tôi bây giờ còn lâu mới tới tuổi bạc đầu.

Miệng tôi đắng, tôi nghe tiếng chân đi của Nga lần ra và tôi cố chuẩn bị một nụ cười.

4.

Buổi tối, tôi không ngủ được. Tôi đi nhẹ nhàng ra mở cửa và ngồi ở bậc cấp đốt thuốc hút. Đêm vẫn có sự dịu dàng đi lặng lẽ ngang qua những vườn cây rung nhẹ lá. Một vài con đom đóm làm tín hiệu hẹn hò cho nhau sáng lập lòe dưới bãi cỏ đầy sương. Tôi nhớ tới ba tôi, thời sinh tiền ông từng giáo dục con cái bằng những chuyện kể gần như hoang đường, đại để như con ông gì đó được lối xóm nể phục vì ban đêm ở nhà quê ông ấy phải đi bắt đom đóm bỏ vào đầy chai thủy tinh mà thế đèn đầu cho con gạo bài. Ba tôi kết luận, thằng con sau đó đỗ đạt vinh hiển mua nhà trên phố rước cha về ở tối ngày đèn đuốc sáng trưng. Ba Nga thì sao? Tôi ôm đầu nghe mỏi mệt. Tôi đã choáng váng dài lâu rồi. Tôi đã cố không vận dụng sự tưởng tượng về hình ảnh một chiếc ghe bị bạo hành dã man trên sóng biển, mà chỉ nói riêng tới sóng thôi, nó đã là một hiểm họa luôn muốn vồ chụp những kẻ thất thế...

Tôi ném mạnh điếu thuốc vào bãi cỏ. Rùng mình thấy lạnh và nghĩ dại dột chắc mình đang bị đổ bệnh. Tự nhiên nhớ loáng thoáng tới câu thơ đăng trên một tờ tạp chí ở Huế: "*...Mả cha cuộc đời quá vô hậu. Ngó lui ngó tới không biết thù ai. Những thằng có thịt ăn thì chẳng bao giờ ỉa vãi...*" Tôi đi vào nhà. Chẳng biết làm gì. Ngó lui ngó tới thấy khuôn mặt buồn rầu của ba Nga dựng đó. Tôi mới bọc áo lấy bật quẹt để đốt cho ông ấy một nén hương. Tôi nói nhỏ với ba của Nga: "Hồi nãy đi theo Nga vào phòng lấy xách để soạn áo quần đi tắm, tôi điếng hồn khi thấy trên vách có treo bức tranh màu nước tôi vẽ ngày xưa làm quà tiễn chân Nga vào Sàigòn. Tại sao kỳ cục vậy bác? Bức tranh xấu

xí vụng về chẳng có đáng giá gì hết. Nó đã vàng phai, nó đã xỉn màu và nó mang một bố cục khập khiễng chông chênh. Nga giữ nó mà làm chi? Tại sao lại nhọc lòng mang nó dập đìu theo, vướng bận thêm ở mỗi bước chân lưu lạc? Trong khi... trong khi cả một đời con gái, Nga chẳng tài nào giữ được. Và bác cũng vậy, bác chẳng chịu lượng sức mình. Bác đừng có nóng nảy biện hộ, rằng một con gà nó còn biết xù lông xòe cánh bảo vệ đàn con dưới bụng huống chi làm người... Tại sao? Bức tranh non yếu của một đầu đời đã mười mấy năm chảy vội. Nó nguyên vẹn còn được lồng trong gương, ưu ái treo trên đầu chỗ nằm, trong khi dưới nó Nga co quắp với một hư hao muôn đời không thể bù đắp. Tại sao? Tại sao???"

5.

Tôi sẽ bỏ làm ngày thứ hai, ba tư năm sáu. Và có thể tôi bỏ việc suốt tháng năm dài. Tôi đã lơ là cây cọ từ lâu nhưng tôi cố sẽ vẽ cho Nga một bức tranh mới đẹp để treo thế chỗ vào cái bức lem luốc kia. Ngày dài tháng rộng? Tạm thời, chỉ có vậy thôi. Tôi biết làm gì hơn? Tôi biết nói những gì khác nữa? Đêm đã khuya, đã tàn lạnh. Có ai đốt lửa thắp giùm cho tôi một cây hương không?□

Tìm đọc:

ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI
SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT

Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh

Văn Nghệ xuất bản

khánh trường

MỊCH LA PHONG

lạc phụng

*

Vài sợi nắng hư vô
Vướng chân người lữ thứ
Mẹ già ngồi bên mồ
Vố về con xa xứ

Phụng hoàng không nướm máu
Ngọn núi già cô đơn
Sông sâu buồn nướm máu
Muôn sau trăng chợp chờn

Nước với thuyền dang dở
Đợt sóng xô thiên thu
Rơi vòng chuông triêu mộ
Người đi đã tuyệt mù

Dưới gốc cây đào lý
Có vết mòn thời gian
Đào lý không nói được
Kinh kệ vãng hư ngôn

Vài sợi nắng hư vô
Đắp trên mồ thiên kỷ
Bước chân trẻ lạc loài
Bầy kiến tha mất dấu.

VŨ THÙY HẠNH

đêm im lặng

Đêm qua tôi trở về
Có cơn gió khuya thầm thì han hỏi
Vì sao quen trắc ẩn mắt nhìn
Xin cảm ơn đất trời lạnh lẽo
Đã vì tôi
còn hé mở trái tim

Tôi thấy mình bước khẽ
Ngập ngừng những bước lo âu
Ôi đời sống vô tri vật lầm lì thô bạo
Đang núp rình tôi
giữa quãng đường nào

Đêm chảy quanh tôi dòng định mệnh
Thầm thầm tiếng sóng oan khiên
Đáy thẳm thiên thu
Ngọn mù tiền kiếp
Hỏi lòng sâu u hiểm
bến bờ đâu

Có phải trong tôi dội niềm thổn thức
Từ lòng nhân thế lao lung
Những kiếp gian nan vật vờ khốn khó
Cưu mang nhau một nỗi sống vô cùng

Tôi về nơi trú ẩn
Một mình giữa cõi lòng riêng
Nghe gió vi vu một miền hiu quạnh
Có vì sao lấp lánh mắt nhìn
Xin cảm ơn đất trời vô lượng
Đã cho tôi
còn
Cõi lặng im.

CHÂN PHƯƠNG

giáng sinh

*

tôi sẽ không nghĩ đến lịch sử
đêm nay

ôm mùa đông
trọn vào lòng
đón nhận
thoáng rung động chết cứng
từ những độ âm
ve vuốt thật dịu dàng
triền vai im lặng buốt căm
đắm đuối hôn môi
nỗi lạnh

tôi -
khối tình băng thạch
giạt trôi giữa vô biên

cất tiếng cầu hôn

với sự trần truồng
của biển trăng
hiu quạnh

NGUYỄN MẠNH TRINH

bài thơ cho gió tháng chạp

*

Đêm bão dậy từ cơn lốc muộn
lá ngoài vườn xao xác nỗi niềm
nghe thiên cổ bước chân đưa đón
đáy tâm tư nỗi nhớ cất riêng

Tay tỉnh giấc lả khuôn tóc rối
vành môi em son đỏ vô cùng
trăng nhiệt đới cú hoang bay vội
ngói rêu loang cười nụ mông lung

Thắp ngọn nến dở trang giấy trắng
ý chập chờn mấy ngọn heo may
vó ngựa phi bạt ngàn lũng vắng
hồn có theo triều nước dâng đầy

Giữa lằn vạch có không không có
giả và chân thực mộng loay hoay
xem chân dung soi gương cho rõ
con sói tru mây động hiên ngoài

Ở bên kia tiền thân cơn mộng
mấy nối niềm để gối cánh tay
giấy trắng tinh như lòng hoang trống
cuộc mộng du hờ hững bước lay

Gió lồng lộng ào ào gió hú
tháng chạp về mà trí chưa hay
gió rỉ theo lạnh lạnh vần vũ
thịt da nào bằn bặt đắng cay

Thê thiết gió thâm tâm phẫn nộ
đất ngả nghiêng trời cũng thảm thương
bước tới lui dặm trường cổ độ
mù mịt khuya đèn thắp trong sương

Đêm bão dậy những điều ẩn mật
trong trái tim thầm thì mênh mông
bài hát thủy thủ đêm tháng chạp
ngàn trang sách dở vẫn hư không.

LÊ DUY LINH

isaac bashevis singer với văn chương yiddish

*

Năm 1978 độc giả đã không ngạc nhiên khi nghe tin giải Nobel văn chương được trao cho Isaac Bashevis Singer. Cho đến thời điểm đó số lượng các tác phẩm của Singer, các bài phê bình và các sách viết về ông khiến cho những con mọt sách tham lam nhất cũng phải ngần ngại. Các nhà phê bình văn học đã đào xới mọi chiều tác phẩm của Singer, nhà văn lưu vong của một ngôn ngữ vốn dĩ đã èo uột ngay trên quê hương của nó.

Có hai chủ đề thường thấy trong truyện của Singer: (1) Triết lý NHƯ LÀ và (2) Lòng tin và Sự thực.

Trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo Commentary (tháng 10–1963), Singer trả lời câu hỏi phải chăng những truyện ông kể phần nào có vẻ nhân tạo hoặc ảo thị: "Phải... Cái phần NHƯ LÀ chiếm một chỗ lớn trong đời sống chúng ta đến nỗi nó mất hết vẻ nhân tạo. Hãy coi, còn gì nhân tạo hơn là việc cưới gả? Khi một thanh niên cưới một cô gái, anh ta giả thiết là cô ấy sẽ hy sinh hết tất cả cho mình và anh ta cư xử như là vợ mình sẽ đối với mình như vậy. Và những việc khác nữa... Mỗi người đều giả thiết mình sẽ sống mãi. Hắn cư xử NHƯ LÀ hắn sẽ không bao giờ chết. Cho nên tôi không cho cung cách của tôi là nhân tạo. Nó rất tự nhiên và lành mạnh. Chúng ta phải sống mãi và viết". Albert Camus nhăn mặt nói về những kẻ sống mà như đã chết rồi, còn Isaac Bashevis Singer bằng con mắt hài hước nhìn những nhân vật sống như là sẽ sống đời đời. Trong một tiểu thuyết ngắn, ông Giết Vợ lần lượt cưới rồi giết hết bốn bà vợ mà vẫn ung dung sinh sống để dân trong tỉnh nói bóng gió với nhau là ông sẽ sống mãi, và truyện kết luận: "Ông Giết Vợ sống dai hơn mọi thứ: các bà vợ, kẻ thù, tiền bạc, tài sản, thế hệ của ông. Tất cả còn lại sau ông – xin Thượng đế tha cho con tội lộng ngôn – là một lớp bụi đầy". Lên tới cường độ quá căng

của chủ đề này là một nhân vật đã chết, nhưng do một vô tình của bà vợ, hồn anh ta nhập lại xác và anh ta sống lại để làm những cái mà trước khi chết anh không làm, hay chưa kịp làm. Độc giả nhận ra được dễ dàng thái độ của Singer dành cho loại người bất tử này qua lối ông kể chuyện: giễu cợt, mỉa mai, đôi khi chỉ trích, nhưng trong Gimpel Khờ là thương hại: "Và thế là hết với Elka... đã chết rồi mà vợ tôi còn đang nói 'Mình đã lừa dối Gimpel, đó là ý nghĩa cuộc đời ngắn ngủi của mình'".

Chủ đề về niềm tin luân lưu trong các tác phẩm xương sống của Singer. Jacob trong Kẻ Nô Lệ vừa hồ hởi vừa cương mình tạo cho anh một đức-tin-Do-thái trong một thế giới phi-Do-thái, và như vậy, nó là một thế giới đối kháng ở bên kia lằn ranh đức tin do anh vạch ra. Truyện về Gia Đình Moskat đã đến chữ cuối cùng mà Asa Bannet còn khắc khoải: làm thế nào để sống với niềm tin về một thượng đế duy nhất và bất khả giải trong cộng đồng Do thái ở Ba lan mà mỗi người có thể là tín đồ của nhiều tôn giáo và khuynh hướng xã hội khác biệt. Cho đến Gimpel Khờ thì niềm tin không còn được coi như yếu tố cần thiết chỉ trong tôn giáo và văn hóa. Nó là một cần thiết cho nhân sinh. Gimpel bị coi là khờ vì anh không ngần ngại tin tất cả những dối trá, lường gạt. Và anh ham tin đến làm theo lời "ma quỷ" trong một thử thách nhưng phản ứng lại ngay sau đó: Gimpel Khờ nhận ra rằng dù xa đọa đến đâu, xã hội cũng cần có luân lý cơ bản. Gimpel Khờ là hành trình khó nhọc đi tìm và tìm thấy, cái thực bằng niềm tin trong thế giới ảo.

Quỷ là nhân vật trong nhiều truyện của Singer. Những hành động của nhân vật này – một phần do ông tưởng tượng, phần lớn từ cổ tích Ba lan – được tác giả đưa vào tác phẩm để thế chỗ cho nội tâm, cho "tiếng nói của tự nhiên" như điển hình trong Gimpel Khờ. Singer cũng hay kêu tên Thượng đế nhưng ông không là tín đồ của tôn giáo. Ông tin Thượng đế và hiệu năng của sự cầu nguyện nhưng không tin những người cho rằng mình được Thượng đế khải thị. Ông không tin bất kỳ hệ thống giáo điều nào vì ông tin rằng giáo điều do con người tạo ra. Và Thượng đế của ông là ai? Là "toàn thể sức năng quản trị thế gian này".

(Marshall Berger & Bob Barmhant: A convernation with Isaac Bashevis Singer. Tạp chí The Handle. Fall, 1964. University of Pennsylvania).

*

Một nhân vật của Hemingway (hay chính Hemingway?) trong The Sun Also Rises nói rằng một nhà văn không viết được gì cả khi sống ngoài quê hương. Điều này không đúng với Singer. Sinh năm 1904 tại Ba lan trong gia đình có cha và ông nội là thầy cả Do thái giáo (Rabbi). Năm 1925 ông xuất bản truyện ngắn đầu tiên. Một năm sau khi xuất bản tiểu thuyết đầu tay "Quỷ Vương ở Goray" (1935) ông di cư cùng với anh ruột là Israel Joshua Singer, cũng là một nhà văn Yiddish sang Hoa kỳ chỉ để chán nản nhận ra rằng "Yiddish không có tương lai ở xứ này", và cùng lúc viết cho báo Jewish Daily Forwards xuất bản bằng tiếng Yiddish. Trong vài năm đầu tiên ở Hoa kỳ, Singer phải đối đầu với những khó khăn trong cuộc sống khác lạ, ngạc nhiên khi nhận thấy cái thìa ở Hoa kỳ tròn hơn thìa Ba lan, hoảng sợ khi thấy người ta ăn uống tận tình trong những tiệm dược phẩm. Nhưng ông tiếp tục viết lại ngay cùng với những khó khăn và xao động đầu tiên đó mặc dù trong thời gian này ông không tin mình sẽ viết được gì và chủ nhiệm tờ báo ông cộng tác tiên đoán tờ báo sẽ chết trong năm hay mười năm vì Yiddish rồi sẽ chết hẳn cùng với thế hệ Do thái đầu tiên ở Hoa kỳ. Số độc giả Anh ngữ của ông tăng lên sau khi Gimpel Khờ được Saul Bellow dịch ra Anh ngữ năm 1949. Có người cho rằng Singer viết bằng tiếng Yiddish như viết về một thế giới đã qua đi. Không hẳn vậy. Ông viết bằng Yiddish vì đó là tiếng mẹ đẻ của ông, là ngôn ngữ của nhân vật, và do vậy, là bối cảnh văn hóa cùng với những phong tục, tập quán, suy nghĩ của nhân vật. "Một nhà văn nếu không viết bằng tiếng mẹ đẻ thì không viết được gì cả", ông nói. Và hình như Singer cho rằng chỉ sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ thì chưa đủ để vun trồng một nền văn hóa cổ cựu, ông còn dịch ra tiếng Yiddish nữa. Ông dịch Stefan Zweig, Remarque, Thomas Mann, và hiệu đính một bản dịch tất cả tác phẩm của Gogol.

Văn chương Yiddish với Isaac Bashevis Singer, "Nó là nó, không nhiêu khê, không báng nhạo, không lừa đảo". Và không lưu vong.

ISAAC BASHEVIS SINGER
LÊ DUY LINH dịch

gimpel khờ

*

I

Tôi là Gimpel. Nhưng tôi không cho là mình khờ, mà trái lại. Nhưng người ta gọi tôi như thế. Tôi lãnh cái tên này khi còn cắp sách đến trường. Tôi có cả thảy bảy tên: ngu, con bò, cán thuổng, lú, câm, ngây thơ và khờ. Tên cuối cùng dính lại. Tôi khờ ra sao à? Tôi dễ bị lừa. Chúng bảo, "Gimpel này, mày có biết vợ thầy cả sắp sinh không?" Thế là tôi bỏ học. Hóa ra chúng nói dối. Nhưng làm sao tôi biết được? Bụng bà ấy không to thật. Nhưng tôi chẳng bao giờ nhìn bụng bà ấy. Vậy thì có thật là khờ không? Cả bọn rú lên cười, nhẩy cẫng lên và hát kinh nguyện tối. Và thay vì phát nho khô mỗi khi có người sinh nở thì chúng dúi vào tay tôi mấy cục phân dê. Tôi không yếu. Tôi mà tát ai thì người ấy văng ra đến tận kinh đô. Nhưng bản chất tôi không phải là người thích dùng đến bắp thịt. Tôi nghĩ: Thôi, bỏ qua. Thế là người ta lợi dụng tôi.

Tôi đang đi học về thì nghe có tiếng chó sủa. Tôi chả sợ gì chó, nhưng tôi không muốn gây sự với chúng. Một con có thể là chó dại và nếu bị nó cắn thì có mà thánh chữa. Tôi liền ù chạy và nhìn xung quanh thì thấy cả chợ ồ lên cười. Ra không phải chó mà là thằng ăn cướp Wolf-Leile. Làm sao tôi biết được là nó. Nghe hệt như tiếng chó tru.

Bọn chơi khăm và bọn hay giễu thấy tôi dễ bị lừa thì đem tôi ra thử thời vận. "Gimpel, hoàng đế đang đến Frampol; Gimpel, mặt trời

ở Turbeen; Gimpel, nhỏ Hodel Furpiece thấy một kho tàng sau nhà tắm". Và tôi giống như trẻ thơ tin hết mọi người. Một là, mọi sự đều có thể xảy đến như có lời chép trong sách Khôn Ngoan Của Tổ Phụ mà tôi không nhớ nguyên văn. Thứ nữa, khi cả thành phố vào hùa với nhau thì tôi phải tin! Giả như tôi dám nói, "Thôi, đừng đùa!" là có chuyện. Mọi người sẽ nổi giận. "Chú nói sao? Chú muốn nói cả tỉnh chúng tôi là đồ nói dối hả?" Làm thế nào? Tôi tin họ vậy, và tôi mong ít ra họ cũng hả dạ phần nào.

Thuở nhỏ tôi là một đứa bé mồ côi. Người nuôi tôi lớn lên là ông nội tôi đã còng lưng xuống mà đi vào mồ. Nên người ta chuyển tôi qua tay một người thợ làm bánh. Chà! Cái thời gian ấy. Bà và cô nào đến tiệm nướng một mẻ bánh cũng dối cợt tôi ít nhất một lần, "Gimpel, trên trời có hội chợ đấy; Gimpel, thầy cả có mang bảy tháng rồi sanh ra con bê; Gimpel, có con bò bay qua nóc nhà rồi đẻ ra quả trứng mạ kền". Một cậu tu sinh có lần đến tiệm mua bánh bảo, "Này, Gimpel, trong lúc chú đang đứng đây chùi lò thì đức Mê Sa đã hiện đến. Kẻ chết đang sống lại". "Cậu nói sao?" Tôi hỏi "Tôi chả nghe thấy tiếng tù và nào". Cậu ấy nói, "Chú điếc hả?" Và mọi người hò lên, "Có, chúng tôi có nghe thấy". Rồi thằng bưng nến Rietze đi vào ngoạc miệng ra, "Gimpel, bố mẹ chú vừa từ trong mồ chỗi dậy. Ông bà đang tìm chú".

Nói thật, tôi đã biết chắc là không có những chuyện ấy, nhưng họ vẫn thế, cứ nghe họ nói là tôi vắt áo lên vai bỏ đi. Tôi có đứng lại nghe thì đã mất gì? Thì lại càng phải nghe nói lảm nhảm. Và tôi thề không tin những gì người ta nói nữa. Nhưng thế cũng không ổn. Họ làm tôi rối lên không biết đâu là đâu.

Tôi đến thầy cả để thỉnh ý, ông bảo, "Có lời chép rằng thà khờ dại cả đời còn hơn quỷ quái một giờ. Con không khờ, chúng nó mới khờ. Vì kẻ nào làm cho người khác xấu hổ thì chính nó sẽ mất nước Thiên đàng". Nhưng con gái thầy cả đưa tôi vào tròng. Lúc tôi ra về cô hỏi, "Anh đã hôn tường chưa?" Tôi nói, "Chưa, để làm gì?" Cô trả lời, "Đấy là luật, mỗi lần đến thầy cả xong anh phải hôn tường". Được, thế cũng chả hại gì. Và cô phá ra cười. Cô đùa chơi mà làm ra như thật.

Tôi muốn bỏ đến một thành phố khác, nhưng ai cũng đang bận chuyện mai mối, và xoắn lấy tôi đến muốn rách cả gấu áo. Họ cứ nói vào tai tôi cho đến khi hai lỗ tai đặc lại. Cô gái chẳng đạo đức gì mà họ nói là còn đồng trinh. Cô ấy có tật ở chân nhưng họ bảo cô ấy đi đứng từ tốn và cả thẹn. Cô ấy có một đứa con hoang, họ nói đấy là đứa em trai. Tôi kêu lên, "Đừng mất thời giờ. Tôi không cưới con đĩ ấy đâu". Thế là họ bực mình, "Ăn nói hay chưa"! Không biết xấu hổ! Chú muốn chúng tôi đưa chú đến thầy cả để phạt chú về tội nói xấu cô ấy hả?" Rồi tôi thấy không dễ mà thoát khỏi bọn này. Tôi nghĩ: chúng muốn mang mình ra làm trò cười. Nhưng khi lấy chồng thì chồng là chủ, và nếu cô ấy chịu như vậy thì mình cũng đồng ý. Với lại, chẳng ai sống hết đời mà không bị trầy trụa, cũng chẳng ai mong như vậy.

Tôi đến căn nhà cô gái đắp bằng đất trên bãi cát, cả đám đi sau tôi hát hò như bọn đi săn gấu. Đến bên bờ giếng thì chúng dừng cả lại. Chúng không dám làm gì để gây sự với Eika. Miệng cô ấy sẽ toang ra như bị mất bản lề, lưỡi thì đáo để. Tôi vào nhà. Quần áo treo trên dây từ tường này qua tường kia. Cô để chân trần đứng giặt bên chiếc chậu lớn, manh áo dài hớp hồn người ta bằng vải gai đã te tua, tóc tết lại thành từng lọn đứng dựng ngược lên, đầu chi chít những kim băng. Mùi hôi hám từ mọi chỗ trong nhà suýt làm tôi ngộp thở.

Rõ ràng cô biết tôi là ai. Cô nhìn tôi nói, "Xem kìa! Quân không có máu mặt đã đến. Tìm chỗ mà ngồi".

Tôi nói với cô tất cả; không chối điều gì. "Cô nói thật đi", tôi bảo "Có thật cô còn con gái, thằng ranh Yechiel kia có đúng là em trai cô không? Đừng đánh lừa tôi, tôi mồ côi".

"Chính tôi mồ côi đây", cô trả lời "Đứa nào vặn chân cho anh đến đây thì vặn cổ nó đi. Nhưng đừng tưởng chúng nó lợi dụng được bà. Tôi muốn hồi môn là năm mươi tiền, thêm của chúng nó chung vào nữa. Không thì anh biết chúng nó ăn cái gì của bà". Cô ấy thẳng thừng lắm. Tôi bảo "Chàng rể lấy hồi môn chứ không phải cô dâu" thì cô ấy trả lời, "Đừng mặc cả với tôi. Hoặc "có" hoặc "không". Cút về đi".

Tôi nghĩ: Thứ này không thể nướng lên bánh được. Nhưng thành

phố chúng tôi không nghèo. Họ đồng ý mọi chuyện và sửa soạn đám cưới. Trong tỉnh lúc này có bệnh dịch tiêu chảy. Đám cưới được tổ chức ở cổng nghĩa địa, gần chòi canh xác. Ai cũng say. Lúc đang làm giấy hôn thú tôi nghe vị thầy cả đạo hạnh nhất hỏi, "Cô dâu góa chồng hay ly dị?" Vợ ông gác nghĩa địa trả lời thay cô dâu, "Vừa góa chồng vừa ly dị". Đấy là lúc đen tối nhất đời tôi. Nhưng biết phải làm thế nào? Chả lẽ bỏ mái lều hôn phối mà chuồn?

Đám cưới có nhạc và khiêu vũ. Một bà lão vừa vuốt ve ổ bánh Sabbath vừa khiêu vũ trước mặt tôi. Chủ tiệc đọc kinh "Thiên Chúa Nhân Từ" để tưởng nhớ cha mẹ cô dâu. Bọn nhỏ tung giấy vụn trang kim như trong ngày lễ khải hoàn. Sau bài giảng là quà cưới: một cái bàn làm bún, một máng nhồi bột, một cái thùng, chổi, rá xàng bột cùng nhiều thứ linh tinh khác. Rồi tôi nhìn quanh và thấy hai thằng thanh niên bị trói chặt lại với nhau đang đẩy đến trước mặt tôi một cái nôi, "Cái này để làm gì?" Tôi hỏi. Chúng trả lời, "Đừng mất công thắc mắc. Được việc lắm. Để khi đột xuất thì chú có ngay mà dùng". Tôi thấy ngay là mình sắp bị lừa. Nhưng nghĩ cho cùng thì tôi chả thiệt gì. Để coi. Chả lẽ cả thành phố đều điên?

II

Đêm đến tôi vào giường với vợ thì vợ không chịu. Tôi hỏi, "Kìa, thế người ta làm đám cưới cho chúng mình làm gì?" Vợ tôi trả lời, "Tôi đang có tháng". "Chả lẽ? Mới hôm qua họ đưa mình đi tắm nước thánh". "Hôm nay không phải là hôm qua", bà ấy nói, "Và hôm qua không phải là hôm nay. Không chịu được thế thì cứ việc gào lên". Tôi phải đợi.

Non bốn tháng sau vợ tôi sanh. Cả thành phố che miệng cười. Nhưng tôi làm thế nào được? Vợ tôi nhe răng vào tường mà chịu cơn đau. "Gimpel". Bà ấy rên, "Tôi chết mất. Mình tha thứ cho tôi". Trong nhà đầy đàn bà đun từng chảo nước sôi. Tiếng rên hét bay lên đến trời.

Việc phải làm lúc này là đến nhà nguyện đọc sách Thánh Vịnh.

Dân trong tỉnh muốn thế. Chả sao. Tôi đứng trong góc đọc Thánh

Vịnh và lời nguyện, mọi người nhìn tôi lắc đầu. "Cầu với nguyện", họ bảo tôi, "Cầu nguyện cũng chẳng làm cho đàn bà có bầu được". Một bổn đạo đút cọng rơm vào miệng tôi, nói "Rơm cho bò". Trời!

Vợ tôi sanh con trai. Thứ Sáu ở nhà thờ, ông từ lên đứng bên hòm Thập Giới, đập tay lên bàn sách thánh tuyên bố, "Phù hộ Gimpel, mời bổn đạo đến dự tiệc mừng con trai ra đời". Cả nhà thờ cười rầm lên, mặt tôi nóng bỏng. Nhưng tôi không làm thế nào được. Sau cùng, chính tôi là người chịu phần làm lễ tiệc mừng.

Một nửa thành phố chạy đến. Ma cũng không chen vào được. Các bà đem rau đậu làm sẵn lại, có nguyên một thùng bia bự từ quán rượu được tải đến. Tôi ăn uống no say cùng với mọi người đến chúc mừng. Rồi đến nghi lễ cắt bì, tôi đặt tên thằng bé theo tên cha tôi (Xin ông được yên nghỉ đời đời). Khi mọi người đã về hết chỉ còn lại mình tôi với vợ, bà ấy thò đầu ra khỏi màn gọi tôi lại.

"Gimpel", vợ tôi hỏi, "Sao mà á khẩu như mất của thế?"

"Chứ bà muốn tôi bảo sao? Đẹp mặt quá. Mẹ tôi mà biết thế này thì chắc bà cụ chết thêm lần nữa".

"Cái gì thế? Ông khùng hả?"

"Sao bà lại lừa dối người vừa là chúa vừa là chủ mình?"

"Chuyện gì vậy?" Vợ tôi hỏi, "Nói mê nói sảng cái gì thế?"

Tôi thấy phải nói thẳng, "Đẻ con hoang. Mình lợi dụng một người đàn ông cô cút như thế hả?"

Bà ấy trả lời, "Đừng khùng nữa. Nó là con ông".

"Con tôi sao được". Tôi cãi, "Bà sinh nó ra mười bảy tuần sau khi làm đám cưới".

Vợ tôi nói đứa bé sinh thiếu tháng. Tôi hỏi, "Thiếu bao nhiêu tháng?" thì bà ấy bảo đó là di truyền vì cụ nội của bà ấy ngày xưa cũng mang thai ngắn hạn như thế. Nói thật, tôi không tin; nhưng hôm sau tôi nói chuyện với ông giáo viên thì ông ấy bảo ngày xưa Adam và Eva cũng có con với nhau như vậy. Hai lên giường và bốn ra đời.

"Bà nào cũng là con cháu của Eva cả", ông giáo bảo.

Thế đấy, họ chê tôi ngu. Nhưng ai mà biết rõ được những chuyện như vậy. Tôi bắt đầu nguôi buồn. Tôi cưng thằng bé quá, nó cũng thương tôi. Cứ vừa thấy tôi là nó dang tay ra đòi bế, nó quấy thì chỉ có tôi dỗ được. Tôi mua cho nó cái vú cao su và cái mũ thêu, còn đeo vào cổ nó gói bùa ngừa tà. Tôi làm việc như trâu. Ai cũng biết nuôi trẻ con tốn phí thế nào. Tôi không muốn nói dối. Tôi cũng nói thật là tôi không ưa vợ tôi. Bị bà ấy chửi rủa mà tôi vẫn phải chịu. Đã vậy lại còn dữ tợn! Chỉ trừng mắt lên là người ta phải câm miệng. Còn miệng bà ấy! Chua như giấm; vậy nhưng cũng có duyên. Bà ấy nói ra tiếng nào tôi cũng thích, có điều nghe vào là muốn trào máu.

Buổi tối tôi đưa về cho vợ một ổ bánh mì trắng, một ổ bánh mì đen, thêm mấy khúc bánh nhân đậu chính tay tôi nướng. Tôi ăn cắp về cho vợ và có gì cuỗm được là tôi không từ: nho khô, hạt dẻ, bánh hạnh nhân, các loại bánh nướng. Tôi hy vọng mình không mang tội ăn cắp đồ ăn trong nồi các bà đưa đến nhờ hâm nóng trong lò nướng vào các ngày chủ nhật. Tôi lấy ra dăm miếng thịt, một khúc dồi, một cái đùi gà hay cái đầu, miếng dạ dày bò, bất kỳ cái gì tôi có thể chớp được. Vợ tôi ăn và thành ra béo tốt, đẹp mã.

Tôi phải ngủ ở tiệm bánh cả tuần. Đêm thứ Sáu tôi về nhà thì vợ lại có cớ này cớ kia. Tức ngực, đau hông, nấc, nhức đầu. Ai cũng biết lý lẽ của các bà. Tôi phải ngậm bồ hòn. Thật chán. Rồi lại thêm thằng nhóc em vợ, thằng con hoang, càng ngày càng to xác. Nó chất thây nó lên người tôi mà tôi có đẩy ra thì bà ấy rủa cho tối mắt. Một ngày bà ấy dọa ỉy dị mười lần. Người đàn ông khác ở địa vị tôi thì đã chuồn êm. Nhưng tôi là loại người chịu đựng và im lặng. Chứ sao? Thượng đế tạo nên hai vai và cả gánh nặng nữa.

Một đêm tiệm bánh gặp nạn; lò nướng bốc cháy khiến cả tiệm suýt bị cháy lây. Không về nhà thì chả biết làm gì, nên tôi về. Tôi nghĩ, thế là mình được thưởng thức hương vị ngủ nhà vào giữa tuần. Tôi không muốn đánh thức thằng bé cưng nên rón rén bước vào nhà. Hình như tôi nghe thấy không phải một tiếng ngáy mà, đúng rồi, hai tiếng cùng một lúc, một tiếng nhỏ còn tiếng kia như tiếng bò bị chọc tiết. Không được! Thế này thì không được! Tôi lần đến đầu giường, và mắt tối xầm

lại. Có dáng một người đàn ông nằm bên Elka. Người khác mà như tôi thì đã gầm lên cho cả tỉnh giật mình, nhưng tôi có thể làm cho thằng bé thức dậy. Chuyện nhỏ mọn như vậy thì việc gì phải làm cho cục cưng hoảng sợ, tôi nghĩ thế. Vậy là tôi trở lại tiệm bánh và nằm ườn người trên bao bột cho đến sáng. Tôi không chợp mắt được. Người run lên như bị sốt rét. "Ngu như thế này đủ rồi". Tôi tự bảo, "Gimpel này đâu có ngu cả đời. Có ai khờ bằng Gimpel này thì cũng chỉ khờ có chừng thôi".

Sáng ra tôi đến thầy cả để thỉnh ý, và cả tỉnh nhốn nháo lên. Một chức sắc được lệnh tìm Elka đến ngay. Bà ấy đến, mang theo thằng bé. Bà ấy làm gì à? Bà ấy chối. Chối hết, từ đầu đến cuối! "Ông ấy mơ ngủ chắc!" Bà ấy nói, "Tôi không biết giải mộng mà cũng không biết nói tiên tri". Mọi người la ó, đập bàn phản đối và cảnh cáo mà bà ấy cứ khăng khăng rằng mình bị cáo gian.

Bọn đồ tể và bọn buôn ngựa về phe với bà ấy! Một đứa làm ở lò sát sinh đến bảo tôi, "Liệu hồn, chúng tao biết mặt mày rồi". Trong giáo tòa có hòm Thập Giới nhưng chúng tôi không được phép dùng nên Elka được cho về.

Tôi hỏi thầy cả, "Bây giờ con phải làm gì?"

"Con phải ly dị nó ngay".

"Nếu nó không chịu thì sao?" "Con phải ly dị. Đó là tất cả con phải làm".

"Vâng. Để con suy nghĩ".

"Không phải suy nghĩ gì cả. Con không được phép sống với nó dưới cùng một mái nhà".

"Nếu nó không chịu thì sao?"

"Con phải bỏ người đàn bà tội lỗi đó. Bỏ cả đứa con nó sinh ra trong tội lỗi".

Phán quyết của thầy cả là không những thế, suốt đời tôi không được phép bước chân vào qua ngưỡng cửa nhà bà ấy nữa.

Cả ngày hôm ấy tôi không buồn lắm. Tôi nghĩ: Chuyện phải xảy ra như vậy, tức nước vỡ bờ. Nhưng đêm đến nằm trên những bao bột tôi

cảm thấy cay đắng. Tôi lại ray rứt nhớ vợ con. Tôi muốn nổi giận, nhưng đó là vận số thì giận sao được. Tôi suy luận thế này: Một là, con người cũng có lúc sơ xuất. Có ai sống mà không sai quấy bao giờ. Có lẽ chính thằng nằm chung với vợ tôi đã dẫn bà ấy lên giường cùng với quà cáp, và trách nào, đàn bà tóc dài trí khôn ngắn, hắn thành công. Thứ nữa, bà ấy đã chối kịch liệt như vậy thì không chừng lúc ấy tôi quáng mắt thật. Ảo giác có thật chứ. Có người thấy hình này, dáng kia, thế mà khi đến gần thì hóa ra không có gì cả. Như vậy là tôi đã xử oan vợ. Nghĩ đến đây tôi bắt đầu khóc, nước mắt làm ướt cả bao bột. Sáng ra tôi đến thầy cả cho ngài biết là tôi đã lầm. Thầy cả lấy bút lông ghi lời tôi lên giấy và bảo nếu thế thì ngài sẽ xét lại vụ này từ đầu đến cuối. Trong khi chờ ngài giải quyết xong thì tôi không được đến gần vợ, nhưng có thể nhờ người đưa bánh và tiền về nhà.

III

Phải mất chín tháng các thầy cả mới đồng ý với nhau được. Thư từ gửi đến gửi đi. Tôi không ngờ chuyện như vậy lại liên quan nhiều đến những vấn đề bác học như thế.

Trong khi đó thì Elka vẫn sinh con, lần này là con gái. Ngày lễ Sabbath tôi đến nhà nguyện chúc phúc cho nó. Tôi lên cầm lấy sách Giáo luật và đặt tên đứa bé theo tên mẹ vợ (Xin bà được yên nghỉ đời đời). Bọn du côn và bọn lắm miệng trong thành phố đến tiệm bánh nhìn tôi cười. Cả Frampol lên tinh thần vì tôi khốn đốn mắc nạn. Nhưng tôi quyết tin những điều đã được nghe nói. Không tin thì tốt gì? Hôm nay không tin vợ, ngày mai không tin Trời.

Tôi nhờ gã học việc mà cũng là hàng xóm đưa về cho vợ mỗi ngày một cái bánh ngô hay bánh lúa mạch, bánh có nhân và nhiều thứ bánh khác khi có dịp: bánh kem, bánh mật, bánh cưới – bất kỳ thứ gì tôi trông thấy.

Gã học việc cũng tốt bụng, nhiều khi gã thêm phần của mình vào phần tôi gửi cho vợ. Trước, hắn hay ngắt mũi véo sườn chọc ghẹo tôi, nhưng từ khi bắt đầu thành khách của gia đình tôi thì hắn thành ra tử

tế và thân thiết. "Này, Gimpel," có lần hắn bảo, "Ông có bà vợ đoan trang và hai đứa con khá khỉnh. Ông đâu đáng hưởng thế".

"Thế còn những điều nọ tiếng kia về bà ấy thì sao?" Tôi hỏi.

"Ôi, bọn lắm miệng". Hắn bảo "Chỉ nói nhảm! Phe lờ bọn nó đi".

Một hôm thầy cả cho tìm tôi đến và hỏi, "Gimpel, con có chắc là con sai lầm về vợ con không?"

"Con chắc".

"Coi! Chính con trông thấy mà".

"Có lẽ đó chỉ là cái bóng".

"Bóng của cái gì?"

"Con nghĩ đó chỉ là ánh sáng từ đâu đó hắt vào".

"Vậy thì con được trở về nhà. Con mang ơn thầy cả thành Yanover nhiều lắm. Ngài tìm thấy trong sách của Maimonides một văn kiện rất khó hiểu đã giúp con trong trường hợp này".

Tôi nắm lấy tay thầy cả đưa lên hôn.

Tôi muốn chạy ngay về nhà. Xa vợ con lâu ngày đâu phải chuyện nhỏ. Nhưng tôi nghĩ lại, "Để chiều tối hãy về, bây giờ đi làm đã. Tôi không nói gì với ai dù trong thâm tâm hôm ấy đối với tôi là ngày lễ. Các bà cợt nhạo tôi như mọi ngày nhưng tôi chả quan tâm. Được, cứ cợt nhạo cho mỏi miệng. Sự thật đã hai năm rõ mười. Sách vở đã nói là đúng thì phải đúng.

Đến đêm tôi đậy mẻ bột đã nhồi cho lên men, lấy phần bánh của mình và một bao bột nhỏ rồi nhắm hướng nhà cất bước. Mặt trăng tròn vạnh và các ngôi sao lấp lánh. Thế này thì ma không có chỗ dung thân. Tôi bước nhanh, bóng mình dài ngoằng lao về phía trước. Bây giờ là mùa đông, tuyết bắt đầu rơi. Tôi cao hứng muốn hát nhưng không muốn đánh thức ai vào giờ khuya khoắt này. Rồi tôi muốn huýt sáo nhưng chợt nhớ ra huýt sáo lúc đêm khuya tức là gọi ma quỷ đến. Nên tôi yên lặng và rán bước thật nhanh.

Chó trong sân nhà của bọn Thiên Chúa giáo sủa tôi, nhưng tôi

nghĩ: Có sủa đến rụng răng thì vẫn là chó, chứ chẳng thành đàn ông, có vợ ngoan với hai con giỏi được.

Khi đến gần nhà tim tôi đập mạnh như người sắp gây trọng tội. Tôi không thấy sợ mà tim thì cứ thì thùng! Không sợ, tôi im lặng mở then cửa đi vào. Elka đang ngủ ngon. Tôi nhìn vào nôi của con. Mành cửa đã buông xuống nhưng ánh trăng còn xuyên qua được những khe hở. Tôi nhìn đứa bé mới sinh và – ngay lập tức – thấy yêu nó từ những ngón chân nhỏ xíu. Tôi đi lại giường. Và thấy thằng học viên đang nằm bên Elka. Mặt trăng bỗng lặn mất. Trời đất đen kịt lại. Tôi run lên, răng đập vào nhau. Ổ bánh trong tay rơi xuống, vợ tôi thức dậy hỏi, "Ai thế, hả?"

Tôi lẩm bẩm, "Tôi đây".

"Gimpel?" Ba ấy hỏi, "Sao ông lại ở đây? Tôi tưởng mình bị cấm".

"Thầy cả nói...". Tôi chới với trả lời như đang lên cơn sốt.

"Gimpel này, ra chuồng xem con cừu có việc gì không. Hình như nó bị bệnh". Tôi quên không nói là chúng tôi có một con cừu cái. Cứ nghe nói nó bị bệnh là tôi chạy ra sân. Con cừu nhỏ xinh lắm. Tôi đối với nó gần bằng đối với người.

Tôi ngần ngừ ra mở cửa chuồng. Con cừu đứng đó bằng cả bốn chân. Tôi sờ khắp mình nó, lắc xừng, xem vú và thấy không chỗ nào làm sao cả. Chắc ăn phải nhiều vỏ cây. "Cẩn thận đấy, cưng". Tôi bảo, và con vật nhỏ trả lời bằng một tiếng "Maa" như tỏ lòng biết ơn.

Tôi trở vào nhà. Thằng học việc đã biến mất.

"Thằng đó đâu?" Tôi hỏi.

"Thằng nào?"

"Còn thằng nào! Thằng học nghề. Bà vừa ngủ với nó xong".

"Phải chi những cái tôi mơ thấy đêm nay và đêm qua thành sự thật để cả hồn lẫn xác ông nguội lại! Ông bị ma quỷ nhập làm cho mờ mắt!" Bà ấy hét lên, "Giống chó! Quân quỷ ám! Đồ mơ ngày! Đồ bất lịch sự! Cút ra ngoài, không thì tao gầm lên cho cả hàng phố thức dậy bây giờ".

Trước khi tôi có thì giờ cút đi thì thằng em bà ấy từ sau lò bếp nhảy ra đột kích vào gáy tôi đến gãy cổ. Chắc mình lẩm to ở chỗ nào đây,

nên tôi bảo, "Đừng làm lớn chuyện. Bây giờ thiên hạ chỉ chưa gọi tôi là quỷ nhập tràng thôi". Bà ấy biết thế. "Rồi không ai dám rờ đến bánh tôi nướng nữa".

Tóm lại, tôi dỗ yên bà ấy được phần nào.

"Thôi". Bà ấy bảo, "Đủ rồi. Nằm xuống, chết cho tan thây ra".

Sáng hôm sau tôi gọi thằng học việc lại bên cạnh, "Nghe đây, người anh em". Và tôi kể lại chuyện đêm qua. "Cái gì?" Hắn nhìn tôi như tôi vừa ở trên mái nhà hay ở đâu rơi xuống.

"Tôi thề", hắn nói, "Ông chủ nên đi thầy lang hay thầy bùa. Chắc đầu ông bị ỏng ốc, để tôi giúp ông xiết lại". Đấy, chuyện xảy ra như vậy.

Kể cho vắn tắt, tôi sống với vợ hai mươi năm. Được sáu con, bốn gái và hai trai. Đủ mọi thứ chuyện, nhưng tôi để mặc mà cũng không thèm nghe. Tôi tin, thế thôi. Mới đây thầy cả bảo tôi, "Tin thì có phúc. Có lời chép rằng kẻ tốt lành sống bằng lòng tin của nó".

Vợ tôi thình lình ngã bệnh. Mới đầu là một cái bướu nhỏ vô hại trên ngực. Nhưng rồi có triệu chứng rõ ràng bà ấy không sống lâu được; chỉ là vấn đề ngày giờ thôi. Tôi tiêu cả sản nghiệp vào bệnh tình của vợ. Tôi quên nói lúc này tôi đã làm chủ một lò bánh, và ở Frampol thì như vậy đã được coi là giầu có. Thầy thuốc đến nhà mỗi ngày. Từng bác sĩ ở vùng lân cận được mời đến. Các thầy quyết định dùng đỉa, rồi sau thử ống giác. Người ta còn mời một bác sĩ ở tận Lublin, nhưng đã quá muộn. Trước khi qua đời vợ tôi gọi tôi đến bên giường và nói, "Gimpel, tha lỗi cho tôi".

Tôi hỏi, "Lỗi gì mà tha. Mình là vợ vừa ngoan vừa chung thủy". "Gimpel, tôi thật là đốn mạt đã lừa dối mình trong bao nhiêu năm nay. Tôi muốn sạch tội khi đến trước mặt Tạo hóa, nên tôi phải thú với mình là chúng nó không phải con của mình".

Lúc ấy giá có bị đập vào gáy thì tôi cũng không thấy xây xẩm bằng.

"Chúng nó là con ai?"

"Tôi không biết. Có nhiều... Nhưng không phải con mình". Vừa

nói vợ tôi vừa ngoẹo đầu sang một bên, hai mắt trống rỗng, và thế là hết với Elka. Hai môi nhợt nhạt còn đang mỉm cười.

Tôi tưởng tượng đã chết rồi mà vợ tôi còn đang nói, "Mình đã lừa dối Gimpel, đó là ý nghĩa của cuộc đời ngắn ngủi của mình".

IV

Một đêm sau khi đã mãn tang, tôi đang nằm trên những bao bột mơ màng thì một con Quỷ hiện đến hỏi tôi, "Gimpel, tại sao ông ngủ?"

Tôi hỏi lại, "Không ngủ thì làm gì? Ăn hả?"

"Cả thế gian lừa dối ông, bây giờ đến lượt ông lừa dối lại thế gian".

"Làm sao mà lừa dối được cả thế gian?"

"Mỗi ngày ông tiểu vào thùng rồi đêm đến đổ nước tiểu ấy vào bánh. Hãy cho những bậc khôn ngoan của Gimpel ăn bẩn".

"Thế còn phán xét ở đời sau?"

"Không có đời sau. Chúng nó cho ông ăn bánh vẽ đó!"

"Còn Trời cao?"

"Cũng không có Trời cao".

"Thế còn gì?"

"Đất dầy".

Con Quỷ có bộ râu dê, sừng, răng dài và đuôi đứng ngay trước mắt tôi. Nghe nó nói thế, tôi muốn đập vào đuôi nó nhưng bị lăn từ bao bột xuống đất gần gãy sườn. Rồi chuyện xảy đến là tôi đã phải nghe theo tiếng nói của tự nhiên, và, không cưỡng lại được, tôi thấy mẻ bột lên men như nói với tôi "Làm đi!" Tóm lại, tôi để mình bị cám dỗ.

Sáng sớm gã học việc đến. Chúng tôi nhồi bánh, rắc hạt lên trên và cho vào lò. Gã đi rồi, tôi ngồi một mình trên đống giẻ lau cạnh lò nướng. Rồi, tôi nghĩ, thế là mình đã trả thù bọn làm cho mình bị xấu hổ. Bên ngoài sương giá lóng lánh, nhưng bên cạnh lò nướng thì ấm. Ngọn lửa hắt hơi nóng vào mặt, tôi gục đầu xuống ngủ.

Tức thì tôi mơ thấy Elka trong bộ vải liệm. Vợ tôi gọi, "Gimpel, lâu nay mình ra sao?"

Tôi bảo, "Tất cả lỗi tại bà" và bật khóc.

"Đồ Khờ!" Bà ấy nói, "Đồ Khờ! Vì tôi hư hỏng nên mọi sự cũng hư hỏng theo hả? Tôi đã không lừa dối ai cả mà chỉ lừa dối chính tôi. Gimpel, bây giờ tôi đang phải đền trả. Chỗ này bây giờ tiêu điều quá, chúng lấy hết của ông rồi".

Tôi nhìn vào mặt vợ, khuôn mặt tối đen; tôi giật mình thức dậy và yên lặng ngồi đó. Tôi có cảm giác mọi sự đều thăng bằng. Bây giờ chỉ một bước hụt là tôi sẽ mất Đời Sống Vĩnh Cửu. Nhưng Thượng đế đã giúp tôi. Tôi cầm cái xẻng dài lấy bánh ra khỏi lò, mang ra sân và đào một cái hố trên mặt đất đóng băng.

Tôi đang đào thì gã học việc chạy đến, "Ông chủ làm gì vậy?" Hắn hỏi, mặt trắng bệch như xác chết.

"Tao biết tao đang làm gì". Tôi trả lời và chôn cả mẻ bánh ngay trước mắt hắn.

Rồi tôi về nhà, lấy tài sản cất giấu ra chia cho các con. "Đêm rồi bố trông thấy mẹ". Tôi bảo, "Trông mẹ đen ra. Tội nghiệp".

Chúng kinh sợ không nói được tiếng nào.

"Ở lại bình an". Tôi bảo các con, "Đừng quên một người như bố đã từng sống trên thế gian". Tôi mặc áo khoác, xỏ giầy, đeo lên vai túi đựng khăn nguyện cùng vật dụng rồi hôn chữ và hình thánh khắc trên cổng nhà. Mọi người ngạc nhiên khi thấy tôi ngoài đường phố.

"Chú đi đâu?" Họ hỏi.

Tôi trả lời, "Đi vào thế gian" và tôi bỏ Frampol ra đi.

Tôi đi khắp nơi trên mặt đất, những người tốt bụng không lạnh nhạt với tôi. Đến lúc về già cùng với tóc bạc thì tôi đã nghe vô số chuyện, nghe nhiều dối trá. Nhưng càng sống thì tôi càng hiểu rằng thực ra không có gì là giả dối. Điều gì thực không xảy ra thì đêm đến người ta làm trong giấc mơ, không xảy đến với người này thì với người khác, không nay thì mai, hay nếu không xảy ra năm tới thì sẽ xảy ra trăm năm sau. Có khác gì? Rất thường, tôi nghe nhiều chuyện mà cho

rằng "Rồi, chuyện này thì không thể xảy ra được", nhưng chưa đầy một năm thì tôi nghe kể chuyện ấy đã thực sự xảy ra ở đâu đó.

Đi từ chân trời tới góc bể, ăn ở những nơi xa lạ, tôi đâm ra hay thêu dệt – những điều vô lý đáng lẽ không thể xảy ra được – về ma quỷ, phù thủy, cối xay gió. Trẻ con chạy theo tôi gọi, "Ông ơi! kể chuyện cho bọn cháu nghe". Có lần chúng đòi nghe những chuyện hay lạ, và tôi rán chiều chúng. Có lần một thằng bé mập bảo, "Ông ơi, chuyện này giống chuyện ông kể lần trước". Thằng bé nói đúng. Tôi lừa chơi chúng.

Vẫn những giấc mơ! Xa Frampol đã lâu mà cứ nhắm mắt lại là tôi thấy mình ở chốn cũ. Và tôi thấy ai? Elka. Vợ tôi đang đứng bên chậu giặt như lần đầu chúng tôi gặp nhau, mặt sáng ngời và mắt tỏa hào quang như mắt thánh. Vợ tôi nói chuyện bằng thứ tiếng lạ, khó hiểu. Khi tỉnh dậy tôi quên tất cả nhưng trong giấc mơ thì được vỗ về. Vợ tôi trả lời những câu hỏi về lẽ phải trái, và tôi nghiệm thấy tất cả những câu trả lời đều đúng. Tôi khóc và nài, "Cho tôi ở với mình", nhưng bà ấy an ủi và khuyên tôi kiên nhẫn. Ngày giờ đã gần chứ không còn xa. Nhiều khi bà ấy vuốt ve và hôn rồi khóc trên mặt tôi. Khi thức dậy tôi còn cảm thấy miệng ấy và những giọt nước mắt mặn.

Chắc chắn thế giới này hoàn toàn là một thế giới ảo, nhưng chỉ một lần nó sinh ra từ một thế giới thực. Tôi ngủ ngoài cửa khách sạn, chỗ đặt bộ đồn để đưa những kẻ chết đi. Gã đào huyệt người Do thái với cái xẻng trong tầm tay. Một cái huyệt đang đợi và mối mọt đang nao nức chờ đánh chén. Bộ khăn liệm đã sẵn sàng trong túi hành khất của tôi. Một thằng ăn mày khác đang chực thừa hưởng manh nệm rơm này. Khi ngày giờ đến, tôi sẽ vui sướng ra đi. Ở đó có cái gì thì cái ấy sẽ thực là nó, không nhiêu khê, không báng nhạo, không lừa đảo. Chúc tụng Thượng đế: Ở đó ngay cả Gimpel cũng không bị lừa.

(Dịch từ bản Anh ngữ "*Gimpel The Fool*" của Saul Bellow trong Isaac Bashevis Singer: The Collected Stories. Nhà xuất bản Farrar, Straus & Giroux, 1982, New York).

LÊ BI

địa chỉ lòng tôi

*

Tôi ở xa quê hương mười ngàn dặm chiều ngang
Có thể nơi này cũng xa quê hương
hàng trăm năm đàng trước
Trái đất quay xuôi tầm nhìn quay ngược
Đánh mất thời gian trong đôi mắt dã tràng.

Xưa quê hương đã xa từ một con sông
Nơi dòng nước uống chung
mà đôi bờ cắm sâu hàng trăm cột mốc
Những anh hùng thiêu thân dàn hàng ngang
và hận thù dồn theo hàng dọc
Những cột mốc xum xuê như cỏ độc trong lòng.

Tôi đã xa với cả con dấu đỏ thư nhà
Những dòng chữ bên trong ùa ra như không còn nơi ở
Tôi theo thơ vượt qua những bức tường xiêu đổ
Để chia cắt này có thể thành hoa.

Thì cứ cận kề với trăng tà
Lẽo đẽo theo sau vẫn là quá khứ
Đêm gởi xuống ngàn sao
như chiếc gương soi của người lữ thứ
Cột mốc lòng tôi đã là bóng ma.

Tôi ở xa quê hương từ một đại dương
Sóng vỗ một bên đẩy xô đất trời nghiêng lệch
Thì lấy màu xanh này lấp vào khoảng không thù nghịch
Những đau thương của người sẽ biến thành yêu thương.

Tôi xin quay đầu một lần cám ơn Dương Thu Hương
Kẻ ngồi bệt với dân và ngồi bệt xuống cỏ
Và nuôi nấng đất đai bằng căn cước tâm hồn
Để nơi ở được bình thường như nơi để ở.

Tôi ở xa chỉ có phương trời
Địa chỉ lòng tôi vẫn là nơi ấy
Những bài thơ đã lùa tôi về đấy
Như mây vẫn bay trên thực tế cuộc đời.

Không có thời gian mà sầu vẫn đẻ sầu
Không có không gian mà tự chiều sâu
vẫn có niềm đau hiển hiện
Như máu ngàn năm bỗng trào lên miệng giếng
Để bài học ở gần bằng mạng sống Mỹ Châu.

Xưa tôi đã muốn vượt ra ngoài thế giới
Tuổi ấu thơ ai không khát một tầm nhìn
Tôi đã qua và sẽ phải vượt qua
vì sợ lòng mình vẫn còn biên giới
Để cột mốc lòng tôi sẽ hóa trái tim.

Thì năm nay vẫn là năm dã tràng
Nhưng chưa bao giờ tiếc mình đã sinh lầm thế kỷ
Khi không thể quay lưng với niềm đau chính trị
Nên cái cột đèn ở lại cũng đủ làm anh hùng.

Tôi ở xa quê hương mười ngàn dặm chiều ngang
Có thể nơi này cũng xa quê hương
hàng trăm năm đàng trước
Giữa nửa vòng quay và bao chiều xuôi ngược
Địa chỉ lòng tôi vẫn là Việt nam.

phong vũ tiêu tiêu lôi vũ động

*

NGUYỄN ĐỨC LẬP

CHƯƠNG XI

Vừa nhảy qua một con mương, đang tất tả đi vô nhà, vợ Hai Quờn chợt khựng lại. Thị vừa thoáng nghe những tiếng xầm xì xầm xịt của mấy người đờn bà đang ngồi dưới bóng mát của một gốc cam sành. Mấy người đàn bà này là gia nhơn giúp việc trong nhà ông Chủ Thạnh, già có, trẻ có, mà sồn sồn cũng có. Thị nép sát vào cây rơm, lắng tai để nghe cho rõ. Đôi lông mày của thị cau lại, mặt thị đầy vẻ bất mãn khi mấy điều bàn bạc của mấy người đờn bà lọt vô tai của thị:

– Bà chủ bịnh gì không biết, mà mặt mày vẫn hồng hào tươi nhuận. Từ dạo bả xỉu một lần tới bây giờ, bả chỉ lẩn quẩn loanh quanh trong nhà, không chịu bước chưn ra tới vườn. Bước tới đâu, bả bắt mợ Hai phải theo khít rịt tới đó...

– Ừ, mà mợ Hai càng ngày càng xanh xao vàng vọt. Chuyện thiệt là kỳ. Bà chủ thì mang bịnh ngặt, mà bả càng ngày càng ú na ú nần. Còn mợ Hai là người nuôi bịnh mà lại bần thần dã dượi, coi bộ bịnh còn muốn nặng hơn bà chủ...

– Tui độ trong bụng, chắc có chuyện gì đây, chớ bà chủ có bịnh có hoạn gì đâu nà... Bịnh thì nằm nghỉ, uống thuốc uống thang, chớ mắc mớ gì mà giữ rịt con dâu chằng chằng một bên mình? Còn mợ Hai, tối ngày thảnh thơi ở bên bà chủ, không phải làm cái gì động tới móng tay, cớ sao lại xuống sắc như vậy?

– Thôi, tui nghiệm ra rồi. Đây chắc là mợ Hai...

– Nè, nè, đủ rồi nghen. "Bổn phận" của tụi mình là kẻ ăn người ở. Chuyện của nhà chủ, thấy sao thì cứ để yên trong bụng như vậy, đừng có thày lay ngứa miệng. Không có tốt lành gì đâu...

Mấy người đờn bà chỉ bàn bạc tới đó, rồi đứng dậy giải tán. Vợ Hai Quờn hậm hực ngó theo. Mấy người đó nói chưa hết chuyện, nhưng vợ Hai Quờn hiểu hết, biết hết trong bụng họ đang nghĩ gì. Mặt thị bứt rứt ngó thấy. Hèn gì người ta nói: *"Ghẻ hờm chờm miệng thì lành; đờn bà chờm miệng tanh banh cửa nhà"*. Vợ Hai Quờn tính xông ra, chận mấy người đờn bà đó lại, điểm mặt từng người, làm cho một mẻ. Nhưng, thị khựng lại. Thị sợ làm lớn chuyện, sẽ tới tai chủ và phiền lòng chủ. Cũng như chồng, thị rất trung thành với chủ và không muốn chủ phải lo buồn bất cứ chuyện gì.

Đợi cho mấy người đờn bà đi khuất, vợ Hai Quờn mới vô nhà. Bước chân thị nặng trình trịch và mặt thị sần sần.

Vợ Hai Quờn đâu có biết rằng điều mà đám gia nhơn trong nhà đang xôn xao bàn bạc, cũng là điều mà vợ chồng ông Chủ Thạnh đang bối rối tính toán.

Ngồi sát bên chồng, trên cái trường kỉ, bà Chủ Thạnh thầm thì:

– Coi cái vèo này chắc không xong rồi, ông à? Con Hai càng ngày càng u buồn, sầu thảm. Lo lắng cho tui thì nó cũng hết đạo làm dâu. Nhưng, ngồi đâu nó thở dài đó. Nó thở dài tới đâu, tui nghe thắt thẻo ruột gan tới đó. Không khéo mà nó ngã bịnh tới nơi.

Bà Chủ Thạnh ngạc nhiên biết bao khi thấy chồng vẫn điềm tĩnh như không. Ông gật gù ra vẻ biết chuyện:

– Dĩ nhiên là nó phải bịnh. Bịnh này là tâm bịnh. Nó đã mang tâm bịnh lâu rồi, chớ có phải tới ngày nay mới bịnh đâu.

Bà Chủ Thạnh lo âu:

– Rồi không iê mình cứ khoanh tay ngó con dâu mỗi ngày một thỏn mỏn héo xào. Lỡ nó ngã xuống một cái, chuyện sinh mạng của nó đâu phải là chuyện nhỏ, rồi mình làm sao ăn nói với chồng nó...

Ông Chủ Thạnh ôn tồn:

– Tâm bịnh thì có thuốc nào chữa cho được. Ông Trời mà có xuống đây, chắc cũng phải khoanh tay...

Giọng ông trở nên bâng khuâng:

– Chỉ có một người chữa được... Chỉ có người cột dây chuông mới mở chuông được thôi.

Bà Chủ Thạnh ngập ngừng:

– Ông nói như vậy, ý của ông là...?

Ông Chủ Thạnh đăm chiêu. Dường như ông không mấy hứng thú về những điều mà ông nói ra:

– Bịnh của nó là bịnh "đơn tư". Tương tư là người ta thương yêu nhau mà không đặng gần gũi với nhau, người nầy tưởng nhớ người kia, thét rồi sinh bịnh. Còn "đơn tư" là đơn phương yêu thương người ta, thương trộm nhớ thầm, bỏ ăn quên ngủ, sanh ra gầy mòn, tuyệt vọng...

Bà Chủ Thạnh in tuồng như không tin tưởng vào nhận xét của chồng. Giọng bà cứng lại:

– Ông tin như vậy sao? Ông tin rằng người ta không có tình ý gì hết với con Hai của mình sao?

Ông Chủ Thạnh gật đầu, chắc nịch:

– Tui tin như vậy.

Ông quả quyết hơn:

– Người ta là kẻ tu hành... Vả chăng, bóng sắc giai nhơn làm sao mà làm vướng lòng một kẻ anh hùng mã thượng...

Bà Chủ Thạnh không bằng lòng với lý luận của chồng. Bà lẩm bẩm:

– Đã vậy sao không biết giữ thân giữ phận, còn bẹo hình bẹo dạng làm chi?

Không để ý tới lời vợ, ông Chủ Thạnh nói luôn:

– Bịnh của con Hai, ông Trời chữa chưa chắc khỏi, nhưng có người trị được... Hay là bà làm như vầy đi...

Ông kê miệng vô lỗ tai của bà nói nhỏ một hồi. Mặt bà dớn dác, mắt bà láo liên, bà gằn giọng:

– Bộ ông điên rồi sao mà tính quẩn làm vậy? Hết chuyện tính sao mà ông tính "mở đường cho mọi ăn trộm trâu?"

Ông Chủ Thạnh vỗ vai vợ. Ông nói như ra lịnh:

– Bà cứ nghe tôi. Chỉ còn có cái cách như vậy thôi...

Chiều hôm đó, bà Chủ Thạnh kêu vợ Hai Quờn sửa soạn một mâm trái cây để cho bà và cô Hai Lựu đi ra cái am của sư Tâm Đức, trước là cúng Phật, sau là thăm "thầy".

Vợ Hai Quờn làm theo lời bà chủ, nhưng cái mặt của thị chà bá. Thị muốn báo cho chủ biết những điều mà thị đã nghe được từ đám gia nhơn, nhưng thị không dám. Thị thầm trách chủ, sự thể đã như vậy, sao không biết giữ gìn, còn dắt con dâu ra thăm sư Tâm Đức làm chi? Thị tức tối vô cùng vì có miệng mà không nói được... Thị buột miệng than:

– Có miệng mà cũng như câm...

Tuy không bằng bụng, nhưng vợ Hai Quờn vẫn sắp một mâm trái cây thiệt là tươm tất.

Đang xăm xái chải gỡ lại mái tóc để sửa soạn ra am, bà Chủ Thạnh bỗng ôm ngực kêu mệt. Bà kêu cô Hai Lựu:

– Hay là con ra am cúng Phật và thăm thầy giùm cho má... Má mệt quá, không đi được. Con nhớ cầu Phật phù hộ cho sống thêm ít năm, chờ đặng thấy mặt chồng con.

Vợ Hai Quờn cau mặt. Vốn chậm lụt, không được nhạy mồm nhạy miệng như người khác, thị dấm dẳn:

– Để tui đi với mợ Hai.

Bà Chủ Thạnh xua tay:

– Bây mà đi nữa, lâm sự gì lấy ai mà đỡ chưn đỡ tay cho tao. Một mình mợ Hai bây đi được rồi... Có một mâm trái cây nhỏ xíu, đâu có nặng nhọc gì đó...

Vợ Hai Quờn lầm bầm:

– Có phải tại mâm trái cây nặng nhọc đâu...

Cái quắc mắt của bà Chủ Thạnh khiến cho vợ Hai Quờn câm miệng hến.

Cô Hai Quờn lăm lăm bưng mâm trái cây đi ra. Mặt cô rạng rỡ thấy rõ. Tất cả cái vẻ dã dượi, ủ rũ của cô đã biến mất tiêu...

Con dâu đi rồi, bà Chủ Thạnh cảm thấy ruột nóng như hơ. Bà đi qua đi lại trong nhà, mắt lúc nào cũng nhìn ra ngoài vườn, về hướng có cái am của sư Tâm Đức, như trông như đợi. Thời giờ càng trôi qua, bà càng tỏ ra nóng nảy.

Tất cả thái độ của chủ, vợ Hai Quờn thấy hết. Thị hiểu được phần nào tâm trạng của chủ. Thị cảm thấy thương chủ vô cùng. Thị dè dặt đưa ra đề nghị:

– Hay là để tui chạy ra ngoải, kêu mợ Hai về...

Thị ngạc nhiên khi nghe bà Chủ Thạnh gạt ngang:

– Chuyện gì mà phải kêu. Mợ Hai bây đi cúng Phật, chớ có phải đi dạo làng dạo xóm gì đâu...

Trời đã muốn chạng vạng mà cô Hai Quờn vẫn chưa về. In tuồng như chịu không nổi nữa, bà Chủ Thạnh tất tả đi lên nhà trên để tìm chồng. Vợ Hai Quờn dợm bước tính đi theo, nhưng bà lại ra dấu cho thị đi xuống bếp. Thấy ông Chủ Thạnh đang ngồi chống tay lên cằm, nhìn ra sân tư lự, bà Chủ Thạnh xề lại gần chồng. Cố dằn cảm xúc, nhưng giọng bà vẫn hổn hển:

– Nó đi từ hồi chưa xế, vậy mà tới chạng vạng rồi mà vẫn chưa thèm vác cái mặt về...

Bà muốn nổi xung thiên, chồng bà mỉm cười:

– Chớ không phải bà sai nó đi sao? Nó đi theo lịnh của bà mà. Đâu phải nó đi ngang về tắt...

Bà Chủ Thạnh thở không muốn ra hơi. Mặt bà tái mét. Môi bà run run. Ông Chủ Thạnh vội trấn an vợ:

– Cái tâm bịnh của con Hai nó mang mấy lâu rồi, đâu có thể một giờ một khắc mà chữa cho hết được. Dầu cho có đúng như người ta nói "bịnh quỉ thuốc tiên" đi nữa, cũng cần phải có thời gian chớ, bà. Bà cứ yên lòng đi, bịnh của nó rồi sẽ hết. Con dâu của bà rồi sẽ bình thường.

Bà Chủ Thạnh rít lên:

– Ngó thấy cái bản mặt hí hửng của nó khi bưng cái mâm bước ra, thiệt tui muốn lộn ruột. Gái đã có chồng, đi thăm trai, mà cái mặt của

nó cũng thể như là người ta đương không mà bắt được vàng thoi bạc nén.

Ông Chủ Thạnh trở nên nghiêm khắc, lạnh lùng:

– Bà là người có đạo tâm. Bà không nên vì một cơn giận dữ mà tạo ra khẩu nghiệp...

Bà Chủ Thạnh chưng hửng, nhìn chồng không chớp mắt. Ít khi bà nghe một cái giọng lạnh tanh như vậy từ cửa miệng của ông. Vận sự tới như vậy, ông vẫn tỉnh mỉnh như không, đã khiến bà ngạc nhiên rồi. Vậy mà, ông lại còn rầy bà, khi bà không kềm giữ được sự lo lắng, bực dọc. Bà vùng vằng:

– Không biết làm sao mà tui lại nghe ông, bày mưu cho nó ra gặp người mà nó tơ tưởng? Tui không quen rầy la, đánh đập ai hết, nhưng lẽ đáng ra, vụ này, ông phải cho tui nói thẳng vào mặt nó một lần, thì tui mới lại bụng được...

Ông Chủ Thạnh ôn tồn:

– Bà đừng lo lắng quá, không nên. Tôi đã nói rồi mà. Đây là mình tìm phương thuốc tiên để chữa bịnh quỉ cho nó. Tôi nói để cho bà yên lòng. Thầy Tâm Đức, ngoài việc là nhà tu hành, còn là một chính nhơn quân tử. Thầy không có để cho bóng sắc giai nhơn làm loạn lòng tu đâu và thầy cũng không để cho cái chuyện mèo mả gà đồng làm hư danh tiếng đâu... Sở dĩ mà tôi để cho con Hai nó ra đó, giáp tận mặt với thầy một lần là để cho thầy giải thích cho nó, khuyên lơn nó, cho nó hiểu đạo lý mà quay về với bổn phận làm vợ...

Nghe chồng giải thích một thôi dài, bà Chủ Thạnh có mòi nguôi ngoai, bớt xăng văng xéo véo. Nhưng, mối lo này vừa ngớt, nỗi hồi hộp khác lại đến với bà. Bà ngập ngừng:

– Thầy Tâm Đức đã tin vậy được rồi... Nhưng còn con Hai, liệu nó có nghe theo lời khuyên của thầy không? Liệu khi biết được lòng dạ quang minh, tâm chí sắt đá của thầy, nó có tuyệt vọng mà sinh ra làm chuyện dại dột không?

Bà không dám nói thẳng ra cái chuyện dại dột đó là nhảy xuống

sông, đâm đầu xuống giếng, hay treo cổ lên sà nhà. Nhưng trong bụng bà nghĩ như vậy, nên hơi thở của bà trở nên nặng nề gấp gáp.

Ông Chủ Thạnh trầm ngâm:

– Cái chuyện nó sinh ra làm bậy chắc không có đâu. Nó là đứa biết nghĩ, chớ đâu phải vô nghì. Có thể nó sẽ hết bịnh chút nữa đây thôi, mà cũng có thể nó sẽ liệt giường liệt chiếu, mười bữa, nửa tháng, rồi nó mới lành lại được. Bà liệu mà lo săn sóc cho nó. Tôi là cha chồng, không tiện chăm sóc con dâu...

Ông rắn giọng dặn bà:

– Nhớ, bà phải làm như không biết gì hết. Cả tôi nữa, tôi cũng phải làm như vậy...

Ông chợt im lặng khi thấy vợ Hai Quờn lấp ló ở cửa buồng. Ông Chủ Thạnh liếc mắt ra dấu cho vợ. Bà Chủ Thạnh quay lại. Vợ Hai Quờn xấp xải bước mau tới sát bên bà Chủ Thạnh. Thị kê miệng vô tai bà Chủ Thạnh nói nhỏ:

– Mợ Hai té xỉu ở chỗ giàn bầu. Tui vừa dìu mợ vô buồng. Tay chơn của mợ lạnh ngắt, quặt quà quặt quại...

*

Đi ra giang hồ đâu được chừng một tháng, Hai Quờn trở về. Ai cũng ngạc nhiên khi thấy cái điệu bộ lù khù, bậm trợn của y đã biến mất tiêu. Chỉ mới ra khỏi nhà có một tháng mà y đã hoàn toàn biến đổi thành một con người khác. Y nói lớn tiếng. Y cười ha hả, chớ không còn rụt rè khép nép như xưa. Nói chuyện với ông Chủ Thạnh, y vẫn cung kính, lễ phép, nhưng y không còn rụt rè, sợ sệt như xưa.

Rất tự tin, y khoanh tay thưa chuyện với ông Chủ Thạnh:

– Bẩm chủ, con đã làm tròn được lời dặn của chủ. Tiền bạc chủ giao, con đã xài cạn túi. Nhưng, số vàng thì vẫn còn nguyên. Xin hườn lại chủ.

Y giới thiệu cho chủ bốn tay giang hồ mà y đã mời về được: Tư Cui, Sáu Hó, Ba Nhung, Tám Tích.

Ông Chủ Thạnh rất vui mừng khi nghe Hai Quờn nói về tài nghệ của những người này. Tư Cui chuyên sử dụng một cây roi trường, mỗi

lần múa lên như bão táp mưa sa, tự hào trong đời ít khi gặp được địch thủ xứng tay. Sáu Hó thiện thủ cặp song tô, chuyên cận chiến, một khi đã nhập nội, địch thủ không banh ngực, cũng đổ ruột. Ba Nhung với cặp song kiếm trong tay, cả chục người cũng khó lại gần. Còn Tám Tích, với cây cửu khúc nhuyễn tiên, đừng có ai chọc giận mà mang khốn.

Ông Chủ Thạnh mở tiệc lớn để đãi bốn người khách mới. Ông kêu cả Hai Quờn, Tư Hoài và Sáu Hộ cùng nhập tiệc. Trước khi ngồi vô bàn, ông có hỏi riêng Hai Quờn:

– Mấy người đó, tài nghệ so với bay, hay dở ra sao?

Hai Quờn thành thật:

– Con chỉ ngang tay được với chú Tư Cui. Ba người kia trên tay con rất nhiều.

Ông Chủ Thạnh tỏ vẻ hài lòng:

– Bay làm rất được việc và bay đã hiểu thế nào là đại nghĩa. Thường những người được giao phó trách nhiệm như bay, họ tìm những kẻ dưới tay, chớ họ không tìm những người ngang tài hay cao minh hơn.

Được lời khen của chủ, Hai Quờn mừng rơn, mặt mày hớn hở. Y xoa tay sung sướng:

– Bẩm chủ, con đâu dám vì tự ái riêng mà làm hư việc của chủ...

Ông Chủ Thạnh gật đầu:

– Bay đã trưởng thành nhiều rồi đó... Từ nay, việc gì giao cho bay, tao cũng được yên lòng...

Vô bàn tiệc, ông Chủ Thạnh đích thân rót bảy chén rượu, tự tay trao cho từng người. Ông rót cho ông chén rượu sau cùng. Chiếc bàn tròn, không có phân địa vị của người dự tiệc. Ông Chủ Thạnh cầm ly rượu trong tay, đứng lên. Giọng nói của ông run run, mà cánh tay cầm chén rượu của ông cũng run run. Thân người của ông hom hem, ốm yếu, nhưng miệng lưỡi của ông lại theo giọng giang hồ:

– Thưa các huynh đệ, tôi mà được đón tiếp các huynh đệ đây, thiệt là ba sanh hạnh ngộ. Đã không biết nhau thì thôi, một khi đã biết nhau

rồi thì đều là anh em hết thảy. Xin anh em cạn chén với tôi để mừng ngày tương ngộ...

Dứt lời, ông nâng chén rượu bằng hai tay, đưa thẳng ra phía trước mặt rồi mới kéo vào kề môi. Những tiếng "mời chủ, mời chủ" ồn ào cất lên, và tất cả mọi người đều cạn chén.

Ông Chủ Thạnh nói tiếp:

– Gia đình tôi gặp lúc hữu sự, sự thế đáo đầu mới mạo muội kêu gọi các huynh đệ ra tiếp tay. Chỉ mong các vị coi chuyện của tôi như chuyện riêng của các vị.

Hình như đã có sắp đặt với nhau từ trước, Sáu Hó liếc Tư Cui, là người lớn tuổi nhứt trong bọn. Tư Cui đứng dậy, với tay lấy chai rượu. Y nghiêng mình, rót rượu vào chén ông Chủ Thạnh, rồi y rót đầy chén của y. Xong, y đưa chai rượu cho người bên cạnh. Chai rượu được lần lượt chuyền tay cho các người còn lại trong bàn. Tư Cui hất hàm như muốn ra dấu. Cùng một lượt với y, Sáu Hó, Ba Nhung, Tám Tích đều nâng ly rượu lên ngang mày. Tư Cui trịnh trọng:

– Thưa chủ, anh em tụi tui vốn nghe danh chủ từ lâu, vẫn đem dạ kính phục, chỉ ân hận một điều là chưa được hân hạnh diện kiến một lần với chủ. Nay, chủ có việc, gọi tới, lẽ nào anh em tụi tui làm ơ. Xin chủ cứ yên lòng, việc của chủ cũng là việc của tụi tui... Xin chủ nhận một chén để chứng minh lời nói của tui, thay mặt cho anh em hôm nay...

Ông Chủ Thạnh trang trọng đưa chén rượu lên môi. Vừa uống ông vừa liếc mắt quan sát từng người. Ông rất hài lòng khi thấy cả bốn người, người nào cặp mắt cũng hắc bạch phân minh, ngó ngay nhìn thẳng, chớ không có người nào láo liên, xoay đảo; người nào mặt mày cũng khắc khổ phong sương, nhưng không có vẻ hiểm ác, đen đúa dày dạn nhưng không độc.

Để chén xuống bàn, ông Chủ Thạnh cất giọng đầy hào sảng:

– Chuyện gì rồi cũng để tính sau. Bây giờ, rượu thịt đã sẵn đây, các huynh đệ cứ vui say với tôi một bữa...

Trước mặt chủ, Hai Quờn cầm đũa mời mọc, chứng tỏ cũng là tay

sành điệu giang hồ. Sáu Hộ vốn là tay lịch lãm. Trong bốn người khách mới, Sáu Hộ vốn đã biết mặt Sáu Hó với Ba Nhung. Còn Tư Cui và Tám Tích, y cũng từng biết tên. Bởi vậy, y nói chuyện thân tình không khó. Chỉ có Tư Hoài, vốn đã ít nói, lại cảm thấy chỗ vai vế không cân, nên chỉ im lặng, thò đũa nhỏ nhẻ như con gái.

Đám khách, gắp lớn miếng, uống cạn chén, vui vẻ ồn ào. Có người kín đáo, có người lộ liễu, ai cũng đều nói đến tài nghệ và thành tích của mình.

Ông Chủ Thạnh ngoài việc đon đả chào mời, chỉ im lặng ngồi nghe. Ông để cho Hai Quờn và Sáu hộ tha hồ mà đối đáp với họ. Ông hơi giật mình, khi Ba Nhung lớn giọng:

– Bẩm chủ, chủ đãi anh em tụi tui cơm rượu thiệt bĩ bàng, nhưng sao chủ chỉ cầm đũa đưa hơi?

Ông Chủ Thạnh cười gượng:

– Tôi già rồi, sức lại yếu, xin các huynh đệ cho tôi vô phép ăn uống cầm chừng. Xin các huynh đệ cứ tự nhiên, đừng e dè gì hết thảy.

Nói xong câu sau, ông Chủ Thạnh mới biết vừa nói một câu vô ích. Có ai e dè, ngượng ngập gì đâu. Chỉ trừ Tư Hoài, ai nấy đều ăn mạnh bạo, uống thẳng thét...

Tiệc tùng xong, ông Chủ Thạnh biểu Hai Quờn sắp đặt chỗ ngủ cho bốn người khách mới. Ông cáo mệt, xin lui về phòng nghỉ sớm. Thiệt ra, lúc đó, cũng không còn sớm sủa gì nữa. Trăng đã lên khỏi đọt dừa từ lâu rồi.

Ông Chủ Thạnh rất ngạc nhiên khi thấy vợ chưa ngủ, còn ngồi chờ ông ở trong buồng. Ông chưa kịp lên tiếng hỏi, bà Chủ Thạnh đã mau miệng:

– Bộ có chuyện gì sắp xảy ra, hệ lắm hay sao mà ông...?

Ông Chủ Thạnh cau mày, không để cho vợ nói hết ý:

– Hệ hay không, chưa biết ắt được. Đây chỉ là phòng xa, "có cái nhìn xa, ắt tránh được cái lo gần".

Bà Chủ Thạnh bồn chồn:

– Bấy lâu nay, tui không bao giờ xen vô chuyện của ông...

Một lần nữa, ông Chủ Thạnh chận vợ lại:

– Bà giữ được như vậy là quý. Chuyện bên ngoài, bà không nên biết chi cho nhiều.

Bà Chủ Thạnh hơi vùng vằng. Bà cố nói luôn một hơi, không cho chồng kịp ngăn cản:

– "Bổn phận" tui là đờn bà. Chuyện gì của ông làm ngoài đàng ngoài xá, lẽ ra, tui không có phép mà hỏi tới. Nhưng, mấy lúc gần đây, tui thấy ông lo lắng quá đi. Hình như, chỉ có một mình, mà ông phải gánh hằng trăm chuyện đổ xuống trên đầu. Tui thấy ông bị hao tổn rất nhiều... Vợ chồng với nhau suốt mấy mươi năm, dầu gì cũng có hai mặt con, đã khôn lớn, không lẽ, tui ngồi yên, nhìn ông day trở một mình mà chịu được sao? Ông có tâm sự riêng, ông có nỗi toan tính riêng, ông không thể nói được với ai. Nhưng, tui là vợ của ông mà...

Lần đầu tiên, kể từ ngày cưới vợ về, ông Chủ Thạnh mới nghe những lời lẽ như vậy thốt ra từ miệng vợ. Mắt ông hơi quắc lên. Ông tính phát tác một lần, để đừng bao giờ phải nghe những điều như vậy từ vợ ông nữa. Nhưng, khi nhìn vào đôi mắt đầy lo âu của vợ, lòng ông bỗng chùng xuống.

Nói được một hơi, làm như đã làm một việc quá sức mình, bà Chủ Thạnh đứng thở dốc. Bà đăm đăm nhìn chồng. Thái độ của bà đầy vẻ cam chịu. Làm như bà sẵn sàng đón nhận một cơn giận dữ của chồng.

Ông Chủ Thạnh khe khẽ thở dài. Giọng ông ôn tồn:

– Bà đã nói ra như vậy là bà đã biết hết rồi. Làng của mình thấy thì yên lành như vậy, nhưng sóng gió nổi lên lúc nào không biết. Nhà của mình thấy thì vững như bàn thạch, nhưng bao nhiêu hung hiểm đang vây quanh. Không phải là tôi thày lay đi gánh việc bao đồng. Nhưng, cái cơ nghiệp này, tôi phải giữ...

Miệng lưỡi ông trở nên ngậm ngùi:

– Ôm lấy bao nhiêu chuyện vô trong mình, tôi cũng mệt mỏi lắm chớ bà. Nhiều khi, tôi chỉ muốn, có một đêm nào đó, nằm nhắm mắt ngủ luôn, không thức dậy nữa, chuyện đời, trả lại cho đời, ra đi không

mang theo vướng bận gì... Nhưng, chắc số tôi còn nặng nợ, oan nghiệt còn nhiều...

Nghe những lời đầy bi quan, thất chí của chồng, bà Chủ Thạnh không cầm được nước mắt. Muốn an ủi chồng, nhưng bà không biết phải bày tỏ ra sao. Bà chỉ biết sụt sùi:

– Ông cũng trọng tuổi lắm rồi, mà sao chưa được yên ổn nghỉ ngơi?

Ông Chủ Thạnh ân cần khuyên vợ:

– Bà đừng nên lo lắng gì hết. Cứ cố yên lòng mà vui sống, mà đợi ngày về của con. Bà cũng có tuổi rồi, đừng để cho sự lo buồn làm cho sa sút... Nhứt là bà lo săn sóc, an ủi con Hai. Tội nghiệp cho nó, nó còn trẻ quá, mà lại chồng một nơi, vợ một nẻo...

Nghe nhắc tới con dâu, bà Chủ Thạnh như cảm thấy vui lên, bà hăng hái nói mau:

– Tui đâu có lơ là với nó một chút nào... Phương thuốc của ông vậy mà hay. Từ ngày nó gặp riêng thầy Tâm Đức, nó xỉu lên xỉu xuống, nó khóc lóc ủ ê, nhưng rồi bịnh của nó dứt tới tận căn. Ông Chủ Thạnh lẩm bẩm:

– Phước nhà còn lớn. Chưa tới nỗi gia phong này phải tan hoang...

Ông như muốn ra lịnh cho bà:

– Thôi, bà về nghỉ đi. Bà đã biết hết mọi chuyện rồi, thì cũng không nên bận tâm gì nữa hết.

Bà Chủ Thạnh còn nhiều thắc mắc. Đã hai lần chồng bà nói là "mọi chuyện bà đã biết hết rồi", nhưng, nào bà có biết cái gì đâu. Nghe giọng nói cứng rắn của chồng, bà biết không thể lần khân, hỏi đon hỏi ren thêm một điều gì nữa. Bà thở dài, khe khẽ bước ra khỏi phòng...

CHƯƠNG XII

Ông Hương Giáo Kiểm thầm thì:

- Hổm rày, tình hình coi mòi không êm, anh chủ à.

Ông Chủ Thạnh có mòi lơ là:

– Ý anh muốn nói là...?

Ông Hương Giáo Kiểm sôi nổi:

– Coi bộ rối lắm, chớ không phải chơi. Cứ vài bữa có một người lính mã tà bị giết chết, thây bỏ giữa lộ...

Ông Chủ Thạnh khề khà:

– Vụ này, tôi đã có nghe Quận Nhiều nói qua và hình như, tôi cũng đã có kể cho anh nghe... Quận Nhiều nói đám binh lính này là cái thứ năm cha bảy mẹ, cờ bạc hốt giựt, rồi đâm chém mà sanh án mạng.

Ông Hương Giáo Kiểm lắc đầu:

– Như vậy thì không phải. Anh chủ cũng đã có nói là cái vụ cờ bạc, đâm chém, đám mã tà đã biết sợ rồi mà, đã không dám ló mặt tới các sòng bạc rồi mà... Đàng này, những người chết sau này, đâu có phải vì cờ bạc.

Ông trở giọng than thở:

– Thiệt ra, tụi này là cái thứ chó săn cho tụi Tây, ỉ thế Tây tà mà húng hiếp đồng bào, chết cũng đáng kiếp. Nhưng, tụi nó chết hà rầm như vậy, tụi Tây đâu có để yên. Dân chúng rồi đây sẽ bị bố ráp, khổ sở, hiểm nguy... Ông chợt khựng ngang khi thấy ông Chủ Thạnh nghe bằng một thái độ bâng lâng bơ lơ, không tỏ ra sốt sắng một chút nào. Ông có vẻ không bằng lòng:

– Mấy chuyện này chắc anh cũng đã biết hết rồi. Anh vốn giao thiệp rộng rãi, đi lại ở bên ngoài nhiều, chuyện gì mà anh lại không biết trước tôi.

Lẽ ra, ông Chủ Thạnh phải nói một điều gì đó để an ủi ông bạn già, nhưng ông chỉ ậm ừ:

– Những chuyện này tất nhiên tôi đã biết... Nhưng, nghĩ cho cùng, không liên quan chi đến mình. Cái sự ân oán giang hồ, nhiều khi mình có biết, cũng không nên bàn bạc tới lui... Quận Nhiều đâu phải mặt tầm thường, thủ hạ dưới tay bị chết nhiều như vậy, dễ đầu gì mà y chịu để yên. Mà, ví dầu y có chịu ngoảnh mặt khoanh tay, thì chắc cũng phải có duyên cớ đặc biệt chi đây...

Ông Hương Giáo ngẩn người một chặp, rồi như chợt vỡ lẽ ra:

– Quận Nhiều chưa động tịnh, mình cũng không nên thắc mắc, phải không anh chủ?

Ông Chủ Thạnh khe khẽ gật đầu, trong khi mặt ông vẫn xa xôi, như đang băn khoăn suy nghĩ một điều gì. Ông Hương Giáo Kiểm liếc bạn mà trong lòng không khỏi thắc mắc. Cử chỉ và thái độ của ông Chủ Thạnh, lần đầu tiên ông Hương Giáo Kiểm mới thấy qua. Từ khi kết giao với nhau, rồi trở thành thân thiết, lần nào gặp nhau, ông cũng được ông Chủ Thạnh tiếp đãi một cách vồn vã, thân thiết, chớ có bao giờ ông lơ là như vầy đâu.

Ông Hương Giáo Kiểm dợm đứng dậy. Ông Chủ Thạnh như muốn giữ lại:

– Anh Giáo à, chuyện lính mã tà chết chóc, tôi không mấy lo. Anh có biết Quận Nhiều đã vô tận nhà tôi, giọng mọt gần xa để dò xét vụ này, nhưng tôi cũng không lo... Tôi lo chuyện khác... Hồi nãy, anh nói đúng, tình hình coi bộ rối dữ... khi không sao bọn cướp bóc lại lộng hành...?

Ông Hương Giáo Kiểm ngồi ngay ngắn trở lại. Ông nói mau:

– Tôi qua tìm anh cũng là vì chuyện đó. Tôi mở đầu câu chuyện không khéo vì tôi nghĩ rằng cái chuyện lính mã tà bị giết và cái chuyện cướp bóc có dính líu, liên quan với nhau. Tôi định hỏi ý anh, vì anh là người cao kiến...

Ông Chủ Thạnh vẫn trầm ngâm. Dường như ông muốn cân nhắc thiệt kỹ những điều có thể nói được và những điều không nên. Ông Hương Giáo có vẻ nôn nóng chừng nào, ông Chủ Thạnh lại càng im lặng, suy tư chừng nấy. Làm như không đừng được nữa, ông Hương Giáo Kiểm nói tiếp:

– Anh không thấy có liên quan với nhau sao? Lính mã tà bị giết, chắc chắn súng phòng thân bị mất. Rồi thình lình lại xuất hiện một đám cướp, có súng có ống, mà lại ra tay khác thường.

Ông Chủ Thạnh nói một cách mơ hồ:

– Ờ, ...tụi cướp này thiệt là khác thường...

Ông Hương Giáo Kiểm sốt sắng tiếp luôn. Mặc dầu ông biết

những điều sắp nói ra chắc là ông Chủ Thạnh cũng đã hãn tường chung thủy, nhưng ông không thể im được:

– Tụi nó đâu phải là ít, mỗi lần đi đánh cướp, tụ tập cả chục mạng. Tụi nó chỉ tấn công vô những nhà có đờn bà, con gái đẹp, chỉ bắt người chớ không cướp của...

Gương mặt của ông bỗng trở nên phẫn hận, giọng nói của ông đầy vẻ xót xa:

– Những người phụ nữ bị bắt, bị đem đi mất suốt đêm, sáng hôm sau được tìm thấy ở ngoài đồng với một thân thể bèo nhèo, tơi tả. Có người chịu nhục không nổi, thắt cổ tự vận. Có người đã bỏ nhà ra đi để khỏi tủi hổ trước mặt chồng con... Cơ sự mới nghe qua, đã cảm thấy bất nhẫn thảm thiết...

Ông lại trở nên hậm hực:

– Đơn thì đưa lên quận đã nhiều, nhưng chưa thấy quan chủ quận động tịnh chi hết... Hay đây cũng lại là một thứ ân oán giang hồ như anh chủ nói hồi nãy, nên chủ quận khoanh tay?

Ông Chủ Thạnh thở khì một tiếng. Ông như vừa thoát khỏi một cơn suy nghĩ miên man. Ông nói bằng một giọng rất quả quyết:

– Theo sự hiểu của tôi, những vụ cướp và những vụ mã tà bị giết không hề có dính líu, mắc míu với nhau. Bị chưa nắm rõ bằng cớ ắt đặng, tôi chưa dám nói ra những kẻ đã ra tay giết tụi lính mã tà là ai. Tuy nhiên, vụ này tôi cũng đã có nhiều đầu mối... Bởi vậy, tôi mới nói là ân oán giang hồ... Còn, tụi cướp hả...? Nói thiệt với anh Giáo, tôi đã nghĩ tới bù đầu, mà vẫn không ra một lời giải đáp nào hết...

Ông Hương Giáo Kiểm trợn tròn hai mắt:

– Anh biết được sao? Anh biết những kẻ đã ra tay giết lính mã tà sao? Họ là những người gì vậy? Tại sao họ lại làm như vậy? Ân oán giang hồ gì mà dữ vậy?

Ông Hương Giáo hỏi luôn một tràng, ba hồi nhập một, ra chiều có hơi nóng nảy. Ông Chủ Thạnh vẫn chậm rãi:

– Tôi đã thưa với anh rồi. Đầu mối, tôi đã thấy manh nha. Nhưng, muốn kết luận, mình phải có bằng có cớ... Tôi chỉ hy vọng rằng tôi

đoán không lầm thôi... Đám người này, xuất thân của họ, mình đã nghe nói tới rất nhiều... Đôi khi, họ sống gần gũi với mình...

Đang nói ngon lành, ông chợt khựng ngang... Mặt ông lại trở nên xa xôi. Ông chợt nhớ đến một tình cờ kỳ ngộ mà ông đã khám phá ra một điều hết sức quan trọng...

Mới tối hôm qua chớ đâu. Nhiều chuyện lo nghĩ, trong lòng bứt rứt không yên, ông Chủ Thạnh kêu Hai Quờn chèo ghe nhỏ, đưa ông đi dạo trên sông. Tuy rất ngạc nhiên, nhưng Hai Quờn vẫn im lặng làm theo ý chủ. Ông Chủ Thạnh biểu Hai Quờn chèo thật nhẹ, cho ghe lướt từ từ dọc theo sát bờ. Ánh trăng soi trên mặt sông. Hai Quờn kiếm thế gợi chuyện với chủ:

– Bẩm chủ, công việc phòng bị trong nhà cũng đã xong lắm rồi, con tưởng chủ đã được yên lòng...

Ông Chủ Thạnh thở dài:

– Phòng là phòng người ngay. Khó phòng được kẻ gian. Vả chăng, "đạo cao nhứt xích, ma cao nhứt trượng", điều này, bay cũng đã được biết rồi mà...

Hai Quờn ngại ngùng:

– Hay là chủ sợ rằng những anh em mà con dắt về không đủ bản lãnh...

Ông Chủ Thạnh nói mau:

– Thời buổi này, tài nghệ như họ, kể cũng khó kiếm. Bay cũng vất vả cực nhọc lắm mới tìm ra được bốn người như vậy. Cao thủ như ông thân bay thuộc về lớp trước. Thời này, người ta dùng súng đạn, khó có người chịu dày công khổ luyện như thuở còn dùng tài nghệ để hộ thân.

Ông Chủ Thạnh trở nên trầm tư:

– Thời thế mỗi ngày một thay đổi. Hồi trước, một thanh kiếm hay một cây côn trong tay, người ta có thể tung hoành ngang dọc. Nhưng, ngày nay, chuyện đó hết rồi... Hồi đó, ở xứ này, quan lãnh binh Nguyễn Công Trung Trực dùng giáo mác mà chiếm được thành Kiên giang, đốt được tàu sắt của giặc trên sông Nhựt tảo. Nhưng, tao cũng đã nói qua

cho bay biết rồi đó, tấm thân trần, cho dầu là mang mối hùng tâm tới đâu, cũng không đương được với súng đạn Tây dương Bạch quỉ...

Ông Chủ Thạnh lại thở dài:

– Máu của Nguyễn Công Trung Trực đã đổ xuống đất này, nhưng đất vẫn không giữ được. Bay có thấy bờ đá dọc theo bờ biển Rạch giá hay không? Hồi đó, Tây đã lùa những người yêu nước dưới tay của Nguyễn Công và dưới tay của Đoàn Công Bửu, mà chúng bắt được, cho làm khổ sai tạp dịch để xây nên bức tường này. Khi bức tường hoàn thành, không có mấy người còn sống sót. Vì muốn giữ đất nước này mà dân ở đây chết đã quá nhiều...

Cảnh thì đẹp như tranh sơn thủy, gió mát trăng thanh, sóng gợn nhấp nhô dưới ánh sáng trải vàng, nhưng lòng ông Chủ Thạnh ngổn ngang trăm mối. Hai Quờn không dám hỏi gì thêm. Y sợ gợi lại cho chủ những mối lo buồn. Ông Chủ Thạnh ngậm ngùi:

– Ông thân của bay, cố giấu tông tích, nhận chức Hương Hào để yên thân qua ngày đoạn tháng. Đoàn Công Bửu cuối cùng phải đầu Tây, nhưng ông thân bay vẫn đánh cho tới khi bị bắt. Nhờ tuyệt nghệ trong người mà ổng sống sót được trong đợt khổ sai xây bờ đá. Rồi cũng nhờ tuyệt nghệ mà ổng trốn được... Tây không giết được ông thân bay, nhưng cái nỗi uất hận ngấm ngầm của con người vong quốc khiến cho ổng phải chết sớm. Còn cái gì đau xót hơn khi mang tuyệt nghệ trong mình, nhưng phải khoanh tay trước súng ống... Giả dụ như hồi xưa, cái chuyện chém tướng đoạt cờ, nổi tiếng nơi chiến địa, ông thân bay làm được dễ như trở bàn tay. Cái câu "sinh bất phùng thời" đối với ổng thiệt là chua chát.

Hai Quờn xúc động bồi hồi. Y không ngờ được nghe về người cha quá cố trong một dịp tình cờ hãn hữu như vậy. Y lắp bắp:

– Những chuyện về cha con... tới bây giờ, con mới được chủ bảo ban cho biết... Còn điều gì về cha con nữa, xin chủ cho biết thêm.

Hai Quờn như muốn lơi tay chèo. Chiếc ghe trôi chậm rù rì mà ông Chủ Thạnh vẫn không để ý. Ông gật gù:

– Ông thân bay chết hồi bay còn quá nhỏ. Ổng chưa kịp nói hay có thể là ổng không muốn nói. Khi con người ta đã sanh ra bi quan thất

chí, ngay tới vợ con, người ta cũng không muốn tâm sự. Tao vẫn nói hoài, ông thân bay là một tay anh hùng...

Giọng ông bỗng trở nên nhỏ rức. Làm như không phải ông đang nói với Hai Quờn:

– Anh hùng hiểu anh hùng...

Ông Chủ Thạnh bỗng lắc đầu mạnh một cái. In tuồng như ông không muốn rạch ròi tâm sự với Hai Quờn. Ông cười nhẹ:

– Bay chèo đi chớ. Ghe gần đâm vô bụi rồi kìa...

Hai Quờn lật đật gạy lẹ mái chèo, cho ghe tách ra. Ông Chủ Thạnh lảng qua chuyện khác:

– Mấy người khách mà bay dắt về, cũng như Sáu Hộ ở trong nhà mình, là những tay hảo hớn theo cái kiểu lục tỉnh Nam kỳ. Họ ăn nói ngang tàng khí phách, họ hành sự lỗi lạc quang minh, không để tiểu tiết làm khuất lấp chuyện lớn. Có thể, sau lớp ông thân bay, đây là lớp hảo hớn sau cùng. Lớp này chắc còn nhiều, tản lạc khắp nơi. Nhưng có thể một thời gian ngắn nữa thôi, sẽ thỏn mỏn tiêu hao lần lần... Vả chăng, thiên hạ chắc không tránh khỏi một cuộc lộn xộn lớn, các phong trào đánh Tây rục rịch nổi lên, hào kiệt đâu có chịu chết già...

Bỗng nhiên, ông Chủ Thạnh đổi giọng, hỏi thẳng Hai Quờn:

– Cách bố trí ở nhà mình như vậy, theo bay, bay tin tưởng được mấy phần?

Giọng của Hai Quờn đầy tự tin:

– Bẩm chủ, con không dám khinh thường thiên hạ, nhưng với số nhơn lực trong nhà mình và cách bố trí của mình, con chắc là không ai dám đụng tới đâu.

Ông Chủ Thạnh bỏ lửng câu nói nửa chừng:

– Giặc cướp thì tao không lo...

Hai Quờn nóng nảy:

– Vậy thì chủ còn lo điều chi?

Ông Chủ Thạnh không trả lời. Ông đưa mắt nhìn quanh một vòng. Dường như tới lúc đó, ông mới để ý thưởng thức cảnh đẹp chung quanh. Ông hít vô một hơi thoải mái. Ông nhớ có lần sư Tâm Đức đã nói với

ông: "Ông coi, cảnh vật như vầy, nếu lòng mình không bị dằn vặt bởi trăm mối ngổn ngang, mươi điều tính toán, cứ bình tịnh mà an hưởng, sẽ cảm thấy thanh thoát biết bao nhiêu". Lòng ông cho tới giờ này vẫn chưa thanh thoát được. Và, ông thắc mắc, không biết lòng của nhà sư có thanh thoát được hay không...

Ghe đi một hồi, tới ngã ba sông lớn. Ông Chủ Thạnh chợt ra dấu cho Hai Quờn tấp ghe vô bờ, núp dưới một lùm cây. Ông chỉ cho Hai Quờn thấy một chiếc ghe đang nhô ra từ một doi đất và ra dấu cho Hai Quờn im lặng. Ghe thuyền đi lại trên sông không phải là chuyện lạ. Nhưng, làm như có một linh tính nào đó báo trước, ông Chủ Thạnh đăm đăm không rời mắt khỏi chiếc ghe đang hướng mũi về phía ông. Chiếc ghe lướt mau dưới ánh trăng, chỉ một lát sau, đã đi ngang qua chỗ ông Chủ Thạnh đang ẩn. Trăng soi rõ mồn một trên mặt sông. Chiếc ghe mới xuất hiện chỉ cách ghe ông Chủ Thạnh độ mười thước. Ông Chủ Thạnh mọp sát xuống, tiếp tục quan sát. Thấy thái độ của chủ, Hai Quờn không dám thở mạnh.

Ông Chủ Thạnh bàng hoàng khi thấy sư Tâm Đức ngồi ở mũi ghe, với bộ y phục dạ hành mà có lần ông đã thấy. Ngồi ở giữa là một người đờn bà, người đã cầm cây quạt trắng mà ông đã thấy nhân buổi lễ tống ôn. Và người sau cùng, dáng vạm vỡ, nắm thấp, đang đẩy mạnh mái chèo lại là... Hương Quản Thành.

Ông Chủ Thạnh im lặng cho tới khi cái ghe của ba người khuất dạng, mới ra dấu cho Hai Quờn quay ghe trở về...

Trầm ngâm nhớ lại chuyện của đêm qua như vậy, ông Chủ Thạnh không hề để ý tới nỗi bồn chồn của ông Hương Giáo Kiểm. Còn về phần ông Hương Giáo, thấy sự im lặng gần như xuất thần của bạn, ông chắc rằng bạn ông đang nghĩ về một điều gì hết sức quan trọng. Ông cũng chỉ còn có nước im lặng theo và quan sát bạn đăm đăm... Cho tới khi thấy ông Chủ Thạnh chớp chớp đôi mắt, đổi lại thế ngồi, ông Hương Giáo mới dóng tiếng, tiếp tục câu chuyện còn dang dở:

- Anh càng nói, tôi càng mờ ớ. Cái gì mà xuất thân của đám người này, mình đã nghe rất nhiều? Cái gì mà họ sống gần gũi với mình?

Ông Chủ Thạnh làm như vừa sực tỉnh sau một cơn mộng du dài. Ông trầm giọng:

– Vụ này rồi chắc cũng sắp ra ánh sáng. Anh rán kiên nhẫn mà chờ một thời gian ngắn nữa thôi. Không lâu lắc gì nữa đâu...

Những điều úp mở của ông càng làm cho ông Hương Giáo thêm thắc mắc:

– Nếu không phải tận mắt nhìn thấy, không thể nào mình tin được...

Coi bộ ông Hương Giáo đã mất hết kiên nhẫn. Ông lắc đầu chán nản:

– Thiệt là tôi hết biết...

Ông Chủ Thạnh mỉm cười trước thái độ của bạn già. Ông như muốn trấn an bạn:

– Một mặt, mình không có chuyện gì phải lo. Bây giờ có lo chăng là lo những vụ cướp vừa nổi lên...

Làm như được gãi đúng vào chỗ ngứa, ông Hương Giáo Kiểm nói mau:

– Vụ này, vợ chồng tôi lo đà rối ruột...

Ông Chủ Thạnh bình tĩnh:

– Tôi nghĩ, tụi cướp không dám lội vô tới trong này đâu. Có cùng lắm tụi nó chỉ dám lung lăng ở miệt ngoài. Vô tới đây, đường nào mà tụi nó rút ra... Anh chị cũng đừng nên lo quá...

Ông Hương Giáo Kiểm thở dài sườn sượt:

– Không lo mà được sao, anh? Gia cảnh tôi bần hàn. Trong nhà, không có cái gì đáng giá. Nhưng tụi cướp này đâu có đoạt tài vật...

Càng nói ông càng lộ vẻ lo lắng hơn:

– Gia tài giá mạng, hai vợ chồng già chỉ còn lại một mình con Kim Huê. Mấy bữa nay, vợ tôi giấu biệt nó ở trong buồng gói. Nó mà có xảy ra chuyện gì, vợ chồng tôi chỉ còn có nước cắn lưỡi...

Ông Hương Giáo Kiểm nhắc nhở bạn:

– Con Hai, con dâu của anh, trong làng ngoài quận đều biết nó là tay sắc nước hương trời...

Ông Chủ Thạnh có hơi bối rối. Từ bấy lâu, ông đã có nhắm cô Kim

Huê cho cậu con trai thứ của ông. Ông đã manh nha nói gần nói xa với ông Hương Giáo Kiểm và ông đã chíp trong bụng, là khi con ông về nước, ông sẽ tiến hành cuộc hôn nhơn này. Ông rất mừng vì ông Hương Giáo không có ý phản đối. Ông đã bàn với vợ ông, và bà Chủ Thạnh cũng đã bằng bụng hết mười mươi. Ông Hương Giáo Kiểm còn nói thêm:

– Thiệt tình là vợ chồng tôi lo đã quá lo. Nhưng chỉ biết lo suông chớ có làm cái gì được. Cảnh nhà đơn chiếc, hai vợ chồng già, trói con gà không chặt, lại tứ cố vô thân, lăng xăng lít xít như kiến bò chảo nóng. Biết day trở làm sao bây giờ?

Ông Chủ Thạnh ngó bộ mặt thảm sầu của bạn mà ái ngại. Ông vỗ vai ông Hương Giáo, nói bằng một giọng hết sức thân tình:

– Anh chị đừng lo lắm mà quá trí. Sự an nguy của nhà anh cũng là sự an nguy của nhà tôi. Để tôi kêu Tư Cui, Tám Tích với Sáu Hoài, tối tối sẽ qua thủ ở nhà anh. Anh chị phải lo cụ bị thùng thiết cho sẵn, có động tĩnh gì thì khua lên mà hô hoán. Ở bên này, tụi tôi sẽ chạy qua mà tiếp ứng. Anh cứ yên chí mà về, lo sắp đặt chỗ nằm cho ba người mà tôi cử qua.

Ông Hương Giáo Kiểm thở ra một cái khì, làm như vừa thoát được cục đá ngàn cân đang đè lên ngực. Giọng ông đầy cám cảnh:

– Anh đã ra tay bảo bọc, tôi yên chí được mười phần. Tối nay, chắc là vợ chồng tôi sẽ được yên giấc...

Ông Chủ Thạnh siết tay ông Hương Giáo Kiểm thiệt là chặt:

– Anh nói chi tiếng ấy. Ở trên cõi đời này, tôi chỉ còn có anh là bạn thôi mà...

Nắm tay đưa bạn ra về, đi ngang qua cái tủ kiếng lớn để ở góc phòng khách, ông Chủ Thạnh chợt ngừng lại.

Ông Hương Giáo Kiểm bùi ngùi:

– Anh ngó anh ở trong kiếng mà coi. Bao nhiêu chuyện dồn dập, anh lo tới nỗi xuống sắc...

Ông Chủ Thạnh cúi mặt. Bạn ông đã nhìn được bộ dạng bên ngoài của ông, nhưng nỗi lòng bối rối như vôi mới hầm của ông đâu có hiện lên trên mặt kiếng được...

thời sự văn học

*

Nhà Văn Cao Niên Nhất

Henry Clune có lẽ không được mấy người biết đến nhưng chắc hẳn ông phải là nhà văn cao tuổi nhất của Hoa kỳ hiện nay. Sinh năm 1890, đến nay vừa đúng 100 tuổi, nhưng tinh thần ông vẫn còn minh mẫn, tráng kiện và ông vừa hoàn tất một tập truyện nhan đề "Souvenir and Other Stories" do nhà James Brunner xuất bản.

Ông xuất hiện trên văn đàn trước cả Fitzgerald, Dos Passos, Wolf và Hemingway nhưng may mắn hình như không đến với ông. Tác phẩm tiểu thuyết đầu tay, quyển "The Good Die Poor" được hãng làm phim Warner Brothers mua bản quyền để dựng thành phim do Bette Davis thủ vai chính, nhưng đáng tiếc dự tính này rốt cuộc không thành. Quyển thứ hai nhan đề "Monkey on a Stick" được Dawn Powell ca ngợi nhưng cũng đi vào quên lãng. Ông vừa viết văn vừa làm báo để mưu sinh. Trong hai thập niên 50 và 60, ông hoàn tất nhiều tác phẩm tiểu thuyết trong đó có quyển nói về chiến tranh Việt nam nhưng không quyển nào gây được tiếng vang cả.

Ngày nay, dù đã 100 tuổi, ông vẫn ngày ngày bỏ thì giờ ngồi viết. (Hầu hết là thư từ nhưng thỉnh thoảng vẫn có một bài tiểu luận hay truyện ngắn). Tập truyện "Souvenir" vừa xuất bản gồm bảy truyện ngắn ông viết về những nhân vật lạc bước đi lang thang vào những thế giới hoàn toàn không phải của họ như một bà quả phụ danh giá trong một quán rượu hay một lão già tám mươi đi xem phim khích dâm, v.v... Khi được hỏi về quá trình sáng tác của mình, Henry Clune chặc lưỡi: "Tôi chẳng có tài cán gì cả. Nhưng nếu trời cho tôi sống thêm chừng mười năm nữa thì biết đâu tôi sẽ làm được nhiều chuyện khá hơn".

Mario Vargas Llosa: Mất Ghế Tổng Thống Nhưng Sách Bán Chạy

Vargas Llosa, nhà văn Peru, tuy mất ghế tổng thống về tay Alberto Fujimori (một người Peru gốc Nhật) trong kỳ tranh cử vào tháng sáu vừa qua, nhưng quyển tiểu thuyết mới nhất "In Praise of the Stepmother" của ông lại trở thành một hiện tượng ở xứ này. Ông không thấy tiếc rẻ gì khi thất cử. "Văn chương và chính trị không đi đôi với nhau. Bạn không thể nào vừa làm tổng thống vừa tiếp tục sự nghiệp văn chương của bạn được". Ông thổ lộ với báo chí như vậy. "Tôi chẳng bao giờ có ý định làm chính trị. Nghề nghiệp của tôi vốn dĩ vẫn là văn chương".

Trước khi ra tranh cử, Vargas Llosa sinh sống ở ngoại quốc nhiều hơn là ở trong xứ. (Ông hiện đang cư ngụ tại Luân đôn). Nhưng lòng yêu nước cũng như sự quan tâm đến tương lai tổ quốc, dân tộc ông không bao giờ sút giảm. Trong số 12 tác phẩm xuất bản, chỉ có quyển "The War of the End of the World" là không dùng Peru làm bối cảnh mà thôi. Động cơ chính thúc đẩy ông ra tranh cử là hoài bão muốn hiện đại hóa quốc gia Peru, dẹp tan mọi bất công và lạc hậu, biến đất nước nghèo đói thành một xã hội tân tiến. Trong thời gian đầu của ba năm tranh cử, ông kỳ vọng rất nhiều nhưng sau vòng sơ cử, ông cảm thấy gần như bất lực trước những khó khăn gặp phải. "Cả phe tả lẫn đảng phái chính quyền liên minh với nhau để chống lại tôi". Ông tiếp lời: "Nhưng giả thử tôi có thắng cử đi chăng nữa thì việc điều hành đất nước cũng là việc vô cùng khó khăn đối với tôi".

Vargas Llosa là tiểu thuyết gia viết nhiều về tình yêu nhục dục. Điều này đã khiến ông bị các đảng phái đối lập tận tình khai thác bôi nhọ. Để tranh biện, ông trả lời: "Tôi không nghĩ ra một lý do nào thấy xấu hổ khi viết về tình dục nếu anh viết với sự cẩn trọng đầy chất nghệ thuật y như khi anh viết về các đề tài khác".

Trong quyển "In Praise of the Stepmother", Vargas Llosa viết về một cậu bé chưa đến tuổi dậy thì yêu bà mẹ kế của mình. Nhưng quyển sách còn là một tài liệu xã hội nữa. Llosa nhấn mạnh như vậy. "Trong một tác phẩm tiểu thuyết, phải luôn luôn nhìn vào lịch sử quốc gia

dưới khía cạnh biểu tượng. Không hẳn chỉ là bình diện lịch sử chính thức được công nhận mà còn là lịch sử riêng tư nữa. Cái anh cố diễn tả trong một quyển tiểu thuyết phải bao gồm cả sự thực lẫn những điều giả dối. Tôi nghĩ cả sự thực lẫn sự giả dối đều có khả năng biểu tượng như nhau để miêu tả một xã hội".

Vargas Llosa cho biết những cố gắng của chính quyền Peru nhằm triệt hạ uy tín nhà văn của ông trong nước có lẽ bị phản ứng ngược bởi vì "sách vở đối với dân Peru không hẳn chỉ để giải trí, tiêu khiển. Dân chúng vẫn tin tưởng là ở sách vở họ tìm thấy câu trả lời. Có lẽ đó là lý do tại sao ở các quốc gia thuộc khối thứ ba, nhà văn được mời vào tham dự các sinh hoạt chính trị. Họ nhìn nhà văn như các nhà văn thế kỷ mười chín ở Âu châu, như những nhà tiên tri minh thị, như thể họ là lương tâm của xã hội vậy".

Đối với Llosa, đây là điều vô cùng tốt đẹp. "Tôi nghĩ có thể nói đây chính là vai trò của văn học... Nhà văn phải có bổn phận tham dự vào các cuộc tranh luận công khai về các vấn đề và cách giải quyết các vấn đề đó. Tôi mong muốn thấy nhà văn trở thành người bảo vệ tự do vì họ là những người được thừa hưởng từ sự tự do đó. Nhưng đáng tiếc, không phải ở trường hợp nào chúng ta cũng thấy như vậy. Một cách lý tưởng, nhà văn là người bảo vệ tự do và nói lên tiếng nói thay cho những người không có khả năng lên tiếng cho chính mình".

John Updike Khai Tử "Chú Thỏ" Sau 30 Năm

Sau 30 năm, nhân vật Harry (Rabbit) Angstrom bị khai tử trong quyển "Rabbit at Rest", quyển thứ tư và cũng là quyển cuối cùng trong bộ "trường thiên tiểu thuyết" của nhà văn John Updike. Với cái chết của "chú thỏ" Angstrom, John Updike kết thúc một hoạt cảnh dài tưởng chừng như vô tận của xã hội nước Mỹ từ cuối thập niên 50 cho đến nay. Quyển đầu tiên "Rabbit, Run" xuất bản năm 1960, và cứ thế mười năm một quyển, Updike đã lôi cuốn hàng triệu độc giả Mỹ theo dõi diễn biến cuộc đời thăng trầm của "chú thỏ" Harry. (Chú có biệt hiệu như vậy vì cứ gặp phải chuyện gì khó khăn là chú chạy... như thỏ).

John Updike là nhà văn lớn của Hoa kỳ, năm nay 58 tuổi, từng đoạt giải Pulitzer và nhiều giải thưởng văn chương khác. Văn nghiệp của ông bắt đầu từ năm 21 tuổi bằng những bài tiểu luận và phê bình văn học đăng trên tạp chí New Yorker. Tính đến nay, ông có đến 39 tác phẩm xuất bản. Ngoài bộ "trường thiên" về chú thỏ Harry Angstrom, ông còn xuất bản nhiều quyển tiểu thuyết khác (trong đó có quyển "The Witches of Eastwick" được dựng thành phim ảnh), và vô số thơ, tiểu luận, phê bình, kịch bản, truyện ngắn, truyện thiếu nhi, hồi ký...

Đón đọc

NGƯỜI VIỆT TẠI ĐÔNG ÂU VÀ VẤN ĐỀ VIỆT NAM

của Phạm Quốc Bảo

Việt Hưng xuất bản

Tìm đọc

NHỮNG KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ ĐÃ ĐI QUA ĐỜI TÔI

Hồi ký của Tạ Tỵ

Thằng Mõ xuất bản

Tìm đọc

MỘT CHUYẾN RA KHƠI

Tập truyện của Nguyễn Tấn Hưng

Làng Văn xuất bản

thụy khuê trả lời thư ông nguyễn ái anh

Báo Văn Học số 57 có đăng thư độc giả, ký tên Nguyễn Ái Anh phê phán bài viết của tôi về Võ Phiến trên Văn Học số 55. Ông Nguyễn đã nêu lên nhiều điểm mà ông cho là sai lầm và sai sót.

1. Cuối một đoạn dài nói rằng văn Võ Phiến không thời thượng, tôi có viết "*Thời 1955 – 1975* Võ Phiến không ăn khách" (tr.91), nghĩa là sách ông không bán chạy hàng đầu, bán đắt như tôm tươi, *điều đó không có nghĩa là Võ Phiến không có "uy thế văn nghệ"*. Thời đó có người như Nguyễn Đức Quỳnh ít sách, ít người đọc, vẫn có "uy thế văn nghệ". Ngược lại, những tác giả ăn khách, thường là viết truyện dài đăng báo hằng ngày, như Lê Xuyên, An Khê vẫn không có uy thế bao nhiêu. Hai chuyện khác nhau.

2. Ông Nguyễn nêu ra những luận cứ chứng minh uy thế Võ Phiến thời đó: *"Khoảng 1971, 1972 ông có ký tên vào bức thư thỉnh nguyện ngưng kiểm duyệt báo chí tại miền Nam, kết quả ông bị mất chức Chánh Sự vụ sở Thông tin"*. (Theo tôi nên viết: Năm 1969, vì ký tên vào bản kiến nghị của một trăm nhà văn đòi bãi bỏ kiểm duyệt, ông bị khiển trách và cách chức Chánh Sự vụ sở Huấn luyện bộ Thông tin...). Ông có chân trong ban giám khảo giải Văn học Nghệ thuật của Tổng thống. Ông bị Cộng sản chửi bới, đốt sách. Mấy sự kiện ông Nguyễn đưa ra không chứng minh được cái gì hết, nhất là "uy thế văn chương" của Võ Phiến. Hơn nữa tôi có bao giờ nói là ông Võ Phiến, trước 1975, không có "uy thế văn chương" đâu? Tôi chỉ nói sách ông "không ăn khách" so với một vài tác giả thời thượng. Dụng ý tôi là đề cao Võ Phiến.

3. Bốn dòng sau đó, tôi viết "*Võ Phiến di tản sang Hoa kỳ từ 1975, uy thế văn nghệ của ông đổi khác*" và đưa ra mấy luận điểm chứng minh. Nhưng tôi có bao giờ *"liên kết chuyện người viết có một uy thế văn nghệ lên hay xuống với mãi lực của sách họ viết ra"* đâu! rồi ông

Nguyễn còn giải thích *"sự liên hệ này là liên hệ bất tuyến tính (non-linear)*. Cảm ơn ông Nguyễn đã chỉ bảo cho tôi một cụm từ mới rất bác học này.

4. Ông Nguyễn chê tôi khẳng định mà không dẫn chứng, ông trách tôi *"nhiều nhà văn, nhà phê bình bên này bên nọ, hết lời ca ngợi"* (tr.91). Sau đó, tác giả đưa ra một số người viết thuộc về bên này như Đỗ Quý Toàn, Võ Đình, còn những người bên kia là ai thì không được dẫn chứng".

Xin ông Nguyễn cẩn thận khi trích dẫn: Tôi không hề dùng chữ *bên này, bên kia*. Và với tư cách gì tôi xếp các ông Đỗ Quý Toàn, Võ Đình về phía "bên này?" Hơn nữa, bên này là bên nào? Tôi viết: *bên này, bên nọ*. Tương quan ngữ nghĩa giữa mấy chữ *này, nọ, kia* không giống nhau. Câu văn của tôi cần đọc hai tầng: đối với người đọc bàng quan, thì tôi dựa vào cú pháp: chữ *này* báo trước ông Đỗ Quý Toàn, chữ *nọ*, chỉ ông Võ Đình. Tầng hai, dành cho những kẻ gian nan về văn học những năm gần đây. Chữ *nhà văn* ám chỉ hai ông Đỗ Quý Toàn và Võ Đình: hai ông thỉnh thoảng có viết phê bình, nhưng không ai gọi họ là nhà phê bình; để rõ ý, tôi lặp lại chữ *nhà văn* (dòng 13 và 18) đối với Đỗ huynh và Võ huynh. Chữ *nhà phê bình* ám chỉ ông Nam Chi, tác giả hai bài ca ngợi Võ Phiến đăng trên báo Đoàn Kết (Paris) số 389 và 390 tháng 3 và 4-1987, được đăng lại trên báo Tiến Tới (Milan) số 11 tháng 1-1988. Cả hai báo này đều bị nhiều người xem là Cộng sản, do đó, để khỏi phiền hà đến báo Văn Học, tôi không dẫn chứng một bài báo, mà nhiều người biết, vì đã gây nhiều xôn xao.

5. Tôi viết *"câu văn không cầu kỳ, đôi khi còn vụng về, cốt chở ý"*, ông Nguyễn trách tôi *"không đưa ra một vài câu văn gọi là vụng về để làm chứng"*. Với tôi, câu trên, tự nó và trong văn mạch, không phải là lời chê; do đó, cùng một trang, tôi đã trích Trang Tử *được ý hãy quên lời* (tr.93). Vì vậy tôi không trích dẫn "câu văn gọi là vụng về": làm như vậy, hóa ra tôi viết ngược ý tôi sao?

6. Ông Nguyễn trách tôi *thiếu sót khi đưa xuất xứ những tài liệu trích dẫn* khi tôi trích Nam Hoa kinh. Khi trích dẫn những kinh điển

có hơn hai ngàn năm nay thì không ai trích số trang. Tôi ghi rõ tên từng Phần từng Chương. Trong phần Ngoại thiên, Chương Đông Quách Tử chỉ có già một trang quốc ngữ: ai muốn kiểm chứng đều có thể tìm lại được dễ dàng.

Ngoài ra, khi chỉ bảo người khác, xin ông Nguyễn thận trọng hơn: bản Nam Hoa kinh mà ông trích trang 527 không phải của nhà Xuân Thu xuất bản tại Hoa kỳ, mà là bản của nhà Khai Trí – Sàigòn, xuất bản năm 1962, nhà Xuân Thu, nhà Đại Nam và có thể nhiều nhà khác nữa chỉ làm phóng ảnh đem bán.

7. Cuối cùng, ông Nguyễn trách tôi là *khắt khe, o ép* Võ Phiến về bài *Tác Phẩm Lớn, Tác Phẩm Nhỏ*. Xin thưa cùng ông Nguyễn: ông Võ Phiến là một tác giả đại danh và thời danh, tôi là kẻ vô danh mới tập tành viết lách dăm ba năm nay, sức mấy mà quả trứng o ép trái núi?

Bài *Tác Phẩm Lớn, Tác Phẩm Nhỏ* Võ Phiến viết từ 1968, hai mươi năm sau, 1988, ông cho in lại trên báo Làng Văn số đặc biệt về Võ Phiến, hoặc là ông đắc ý, hoặc là có hậu ý; tôi mới dám lạm bàn về cái nhỏ, cái lớn trong văn học và đời sống, nhất là đối với nước ta, một nước nghèo nàn, lạc hậu, còn bị nhiều xâu xé. Cái gì là nhỏ, cái gì là lớn? Có cái nhỏ làm chúng ta gần lại nhau – sở trường của Võ Phiến – có cái lớn làm chúng ta xa cách nhau.

Nhưng tai hại nhất, muốn tránh mà cả đời không tránh khỏi, là cái nhỏ, nhỏ nhen và nhỏ nhặt làm chúng ta xa nhau – vĩnh viễn xa nhau.

THÔNG BÁO
NHÀ XUẤT BẢN TÂN THƯ
đã dời về địa chỉ mới:

P.O. Box 884
San José, CA 95106 USA
Tel: (408) 286-3313

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

*** Sông Côn Mùa Lũ**

Trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác tập I và II. Bìa Đinh Cường. An Tiêm xuất bản. Tập I dày 413 trang. Tập II dày 500 trang. Giá mỗi tập 18 Mỹ kim

*** Một Chuyến Ra Khơi**

Tập truyện của Nguyễn Tấn Hưng. Làng Văn xuất bản. Phụ bản Nguyễn Nhật Tân. Giá 10 Mỹ kim

*** Nước Mắt Trong Tim**

Bút ký Hồng kông của Lê Đại Lãng. Tác giả xuất bản. Tranh bìa Nguyễn Đại Giang. Sách dày 157 trang. Giá 11 Mỹ kim

*** Tri Âm**

Thơ của Lưu Nguyễn. Sông Thu xuất bản. Tựa Luân Hoán. Tranh bìa Nguyên Khai. Phụ bản Hoàng Xuân Sơn, Vi Vi, Lê Quang Xuân, Hồ Đình Nghiêm. Sách dày 111 trang. Giá 8 Mỹ kim.

*** Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đã Đi Qua Đời Tôi**

Hồi ký của Tạ Tỵ. Thằng Mõ San Jose xuất bản. Sách viết về tinh thần và vật chất của những người làm văn học nghệ thuật từ thời tiền chiến, kháng chiến, trong thủ đô Hànội tạm chiếm, đến miền Nam Việt nam, sau cùng là không khí văn nghệ trong Sàigòn đỏ. Giá bán 16 Mỹ kim.

*** Nhà Khổ Hạnh Và Gã Lang Thang**

Truyện của Hermann Hesse. Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch. An Tiêm xuất bản 1990. Sách dày 360 trang. Giá 15 Mỹ kim.

*** Thư Gởi Người Thi Sĩ Trẻ Tuổi**

Rainer Maria Rilke, Phạm Công Thiện dịch. An Tiêm xuất bản 1990. Sách dày 78 trang. Giá 6 Mỹ kim.

THƯ TÍN

Anh Nguyễn Thế Hùng (Mass): Cám ơn anh đã âm thầm làm cái công việc, mà đáng lý ra chúng tôi phải tích cực hơn nữa, là quảng bá Văn Học đến tay những người trẻ đang trưởng thành ở xứ người. Tiếng nói của những người trẻ phải được lắng nghe. Chúng tôi đang chờ đợi ý kiến của các bạn. Thân.

Anh Triều Hoa Đại (Florida): Đã chuyển lời thăm hỏi của anh đến Hoàng Khởi Phong. Anh Phong vẫn không thay đổi gì lắm, ngoại trừ bộ râu thì đã có nhiều sợi bạc. Thân

Anh Nguyễn Lê Đức (Florida): Tòa soạn hiện không có đủ các số báo từ số 1 nhưng đã gửi đến anh những số đang có. Sẽ cố tìm những số còn thiếu để gửi đến anh cho dủ bộ. Thân.

TIN MỪNG

Được hồng thiệp của Ông Bà Hoàng Cầm báo tin lễ vu quy cho trưởng nữ là cô:

HOÀNG THỊ TỐ NGUYÊN

sánh duyên cùng cậu

TRẦN NGỌC DŨNG

trưởng nam của Ông Bà Trần Văn Ngàn, CA

Hôn lễ được cử hành tại Jacksonville, Florida vào ngày 29 tháng 12 năm 1990

Nhân dịp vui mừng này, chúng tôi xin góp lời chung vui đến ông bà Bác sĩ Hoàng Cầm cùng hai họ Hoàng - Trần. Mến chúc Tân Lang và Tân Giai Nhân trăm năm tơ tóc, vạn sự vuông tròn.

Bà và ông **Đỗ Xuân Nho** (Triều Hoa Đại)

PHÂN ƯU

Được tin nhạc mẫu anh Lý Khánh Hồng (tạp chí Nhân Văn) là

Cụ Bà **NGUYỄN VĂN LÝ**

Nhũ danh **NGUYỄN THỊ NAM**

Pháp danh **DIỆU THỌ**

tạ thế ngày 15 - 11- 1990 dl tại Los Angeles, CA

hưởng thọ 69 tuổi

Toàn ban chủ biên Văn Học và thân hữu xin chia buồn cùng anh chị Hồng cùng gia quyến, và cầu chúc hương hồn cụ bà sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTER

Tel: (714) 648-0325
Fax: (714) 648-0326

1714 E. Mc Fadden Ave. Suite O
SANTA ANA, CA 92705
Store Hours: Mon - Sat: 9AM - 7PM

- Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
- Nhận Visa & Master Card & Trả Góp
- Nhận gửi đi xa qua UPS
- IBM COMPATIBLE 100%
- AT 286-12 / Super VGA / 40Mb HD $1195
- AT 386 SX / Super VGA / 40Mb HD $1425
- AT 386-25 / SupeR VGA / 40Mb HD $1750
- AT 386-33 / Super VGA / 40Mb HD $1995

(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

Đặc Biệt

- Laser Jet printer memory upgrade:
- 1 Mb $165 / 2 Mb $235 4 Mb $375

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHÍCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm

– Thú Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm

– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENRISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302

(714) 898-6449

Giờ Làm Việc:

Ngày Thường: Từ 10Am đến 7Pm

Thứ Bảy: Từ 9Am đến 6Pm

Chủ Nhật: Từ 10Am đến 2Pm

Bác Sĩ
VŨ BÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

CENTRAL VALLEY
MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, ca 91335

Tel **(818) 708-7227**

Bs NGUYỄN VĂN HƯNG MD
Bác sĩ Điều trị Olive Medical Center
(khu cấp cứu và quang tuyến)
BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH MD
Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center
(khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai - Thứ Sáu 9Am đến 8 Pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật 9Am đến 3Pm
Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM
Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

BỆNH TRĨ

- CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER DỨT TUYỆT
- PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
- KHÔNG CẦN NẰM BỆNH VIỆN
- KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
- TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
- MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
- UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ, SẠN MẬT
- CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU
- SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SƠN TRẺ

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN, MD, FACS

tốt nghiệp bằng chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại university pittsburgh
tốt nghiệp siêu chuyên khoa giải phẫu đường ruột và trĩ tại ferguson clinic, mi
nguyên giảng sư y khoa đại học sàigòn

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

14571 MAGNOLIA St # 207 WESTMINSTER, CA 92683	1905 N. COLLEGE Ave # C SANTA ANA, CA 92706

TÂM
AUTO CENTER

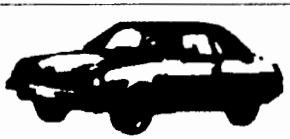

1610 N. Fairview St, Sangta Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554.2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc Biệt Làm Máy Xăng - Dầu - Tune Up
Làm Thắng - Rebuild Hộp Số - Carburaror
mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Thời Văn
Đã phát hành:

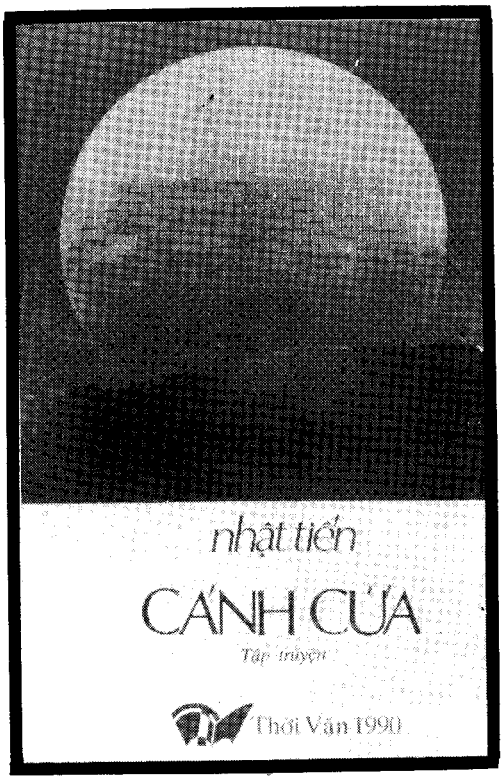

CÁNH CỬA
tập truyện Nhật Tiến

giá 12 mỹ kim
ngoài Hoa Kỳ thêm
2 mỹ kim cước phí

Thư từ bưu phiếu xin đề:
Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

Quí vị đã đọc: *Hành Trình Về Phương Đông*
Mời đọc tiếp:

Hoa Sen Trên Tuyết

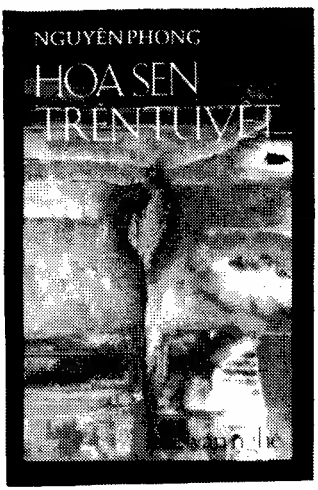

do Nguyên Phong tuyển dịch
Văn Nghệ xuất bản 1990
Giá 7 Mỹ kim, ngoài nước Mỹ giá 8 Mỹ kim

Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527 5761

Thời Văn

Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu

của **Trần Vũ.**

Đã có bán
tại các nhà sách.

Thư từ bưu phiếu :
Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

Cơ Sở Xuất Bản Và Phát Hành
Văn Uyển

PHÁT HÀNH VÀO THÁNG 10/1990 :

GÃ CÙI VÀ MIẾNG DỪA NON

tuyển tập của
TRẦN THỊ BÔNG GIẤY và TRẦN NGHI HOÀNG
Gồm những truyện ngắn lạ lùng của Trần thị Bông Giấy
tác giả bút ký Nước Chảy Qua Cầu
và những tạp ghi thơ mộng và bi tráng của Trần Nghi Hoàng

Thư từ ngân phiếu xin gửi :
VĂN UYỂN
P.O. BOX 1882
San Jose, CA 95109 - USA

Nhà xuất bản
tân thư

Đã phát hành:

CÓ YÊU EM KHÔNG?

KHÁNH TRƯỜNG

Giá 14 Mỹ kim

Thư từ ngân phiếu xin đề:

KHÁNH TRƯỜNG

P.O. Box 884 San Jose, CA 95106, USA

Thời Văn

Đã phát hành:

NHỨT BIẾT NHÌ QUEN

chuyện dài

Nguyễn Đức Lập

giá 12 mỹ kim

Thư từ bưu phiếu xin đề:

Cao Xuân Huy

P.O. Box 3192

Tustin, CA 92680 USA

Ánh Sáng

và

Bóng Tối

của Hoàng Liên

- Cuốn hồi kí tù dày gần 600 trang của một công chức cao cấp của Việt nam Cộng hòa bị bắt trong Tết Mậu Thân tại Huế.
- Đọc *Ánh Sáng và Bóng Tối* để theo bước chân người tù từ năm 68 đến 80 qua các trại tù ở dọc Trường Sơn, đường mòn Hồ Chí Minh, ra các tỉnh miền Bắc đến ranh giới Việt Hoa.
- Sách bày bán ở các nhà sách hoặc liên lạc nhà xuất bản.

Giá 23MK . Ngoài nước Mỹ 25MK

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527-5761

ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI

sự tích đức Phật

Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh

---

30 CHƯƠNG TRUYỆN về

- Thái tử Tất-đạt-đa
- Sa môn Gô-ta-ma
- Đức Phật Thích Ca

3 THỨ TIẾNG: Việt, Anh, Pháp

30 BỨC MINH HỌA cho 30 chương – Bìa màu rực rỡ

ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI là

- một tác phẩm văn/họa cực kỳ công phu
- một sự cúng dường lên đấng Đại giác. Tạ ơn quê hương và gia đình
- một món quà thanh nhã, hữu ích
- một lời giới thiệu đẹp đẽ về văn hóa và văn nghệ đất nước

Sách lớn 8"x10$^{3/4}$" – 100 trang giấy dầy đặc biệt – Xin hãy tìm ở các tiệm sách hay gởi mua tại: Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Điện thoại: (714) 527-5761

NHÀ XUẤT BẢN ***AN TIÊM*** *VỪA PHÁT HÀNH KHẮP NƠI*

BỘ TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT THỨ NHÌ CỦA NHÀ VĂN

NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

BỘ TIỂU THUYẾT ĐỒ SỘ DÀY GẦN 2000 TRANG VIẾT VỀ THỜI KỲ
LỊCH SỬ HÀO HÙNG VÀ BI ĐÁT NHẤT CỦA DÂN TỘC: THỜI TÂY SƠN
★ MỘT THIÊN ANH HÙNG CA VÀ MỘT THIÊN TÌNH SỬ ★

PHÁT HÀNH ĐỢT ĐẦU:

TẬP I : DÀY 414 TRANG, GIÁ 18 MK
TẬP 2: DÀY 500 TRANG, GIÁ 20 MK

SÁCH HIỆN CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH. BẠN ĐỌC Ở XA LIÊN LẠC :

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ:

P.O. BOX 2301 WESTMINSTER CA 92683
PHONE: **(714) 527-5761**

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(giá biểu kể từ 5 - 1987)

Họ và tên bạn đọc .....

Địa chỉ .....

Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số..... đến số .....

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng 15Mk

Một năm 30Mk

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng 21Mk

Một năm 42Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk

Một năm, gửi tàu thủy 42Mk

Sáu tháng, gửi máy bay 33Mk

Một năm, gửi máy bay 66Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk

Một năm, gửi tàu thủy 42Mk

Sáu tháng, gửi máy bay 40Mk

Một năm, gửi máy bay 80Mk

Đính kèm số tiền .....

(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên Văn Học)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....

Muốn mua: * Sáu tháng báo Văn Học .....

* Một năm báo Văn Học

Để tặng cho .....

Địa chỉ .....

.....

Đính kèm ngân chi phiếu ..... Mk

Mừng Giáng Sinh Đón Giáng Sinh
Hãy Cùng Nghe Cùng Hát

Tiếng Hát Thiên Thần

1. Adeste Fideles - nhạc ngoại quốc, lời Hoài Chiên
2. Mùa Đông Năm Ấy - nhạc và lời Hoài Đức
3. Tiếng Hát Thiên Thần - nhạc Pháp, lời Hoàng Điệp
4. Đêm Thánh Vô Cùng - nhạc Kranz Gruber, lời Hùng Lân
5. Có Một Vì Sao - nhạc và lời Lê Văn Khoa
6. Đêm Bình An - nhạc và lời Ngô Duy Linh
7. Hang Bê Lem - nhạc và lời Hải Linh, hòa âm vocal Lê Văn Khoa
8. Cao Cung Lên - nhạc Hoài Đức, lời Nguyễn Khắc Xuyên
9. Jingle Bells - nhạc ngoại quốc
10. Loài Người Ơi - nhạc và lời Van Thiện
11. Hội Nhạc Thiên Quốc - nhạc Thánh An Phong, lời Hoàng Điệp
12. Nguyện Cầu - nhạc Thành Tâm, cảm hứng Thánh Vịnh 136

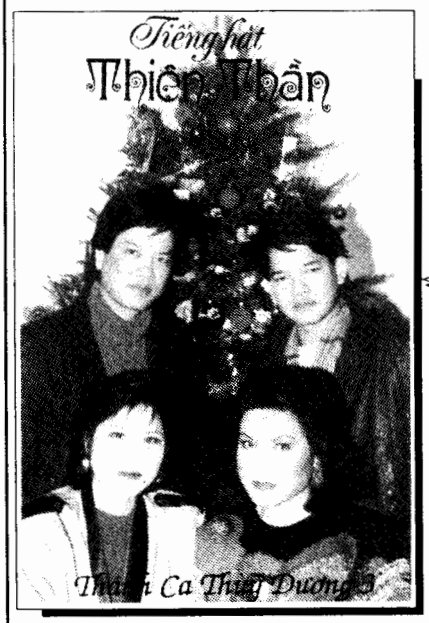

Ban Hợp Ca Thùy Dương

CUỐN BĂNG BÁN CHẠY NHẤT MỖI MÙA GIÁNG SINH

Money order hoặc
bưu phiếu gửi Thùy Dương
đề tên HÙNG TRẦN
Hoa kỳ: **$7.50.**
Ngoài Hoa kỳ thêm **$1.00**

TỔNG PHÁT HÀNH
THÙY DƯƠNG, 1801 Jacaranda Pl., Fullerton, CA 92633 • Tel (714) 870-0794
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI
Các nhà sách và trung tâm băng nhạc

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân. chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH 1990

- **HOA SEN TRÊN TUYẾT** — 7.00MK
  Nguyên Phong phóng tác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM**
  Biên khảo Tạ Chí Đại Trường
- **KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI** — 7.00MK
  Biên khảo Nguyễn văn Xuân
- **ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI** — 12.00MK
  Việt Anh Pháp Sự tích Đức Phật
  tranh và truyện Võ Đình
- **NGOÀI GIẤC NGỦ** — 11.00MK
  Thơ Thường Quán
- **ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI** — 23.00MK
  Hồi ký tù của Hoàng Liên
- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — 7.00MK
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC**
  Will Durant — Nguyễn Hiến Lê dịch
- **HỒI KÍ TẬP II**
  của Nguyễn Hiến Lê

TỔNG PHÁT HÀNH

- **ĐỊA NGỤC SÌNH LẦY** — 14.50MK
  Trần Nhu
- **SỢI CHỈ TRONG HỒN** — 13.00MK
  Truyện dài Nguyễn Ý Thuần
- **NHẤT BIẾT, NHÌ QUEN** — 12.00MK
  Truyện dài Nguyễn Đức Lập

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — 6.00MK
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — 6.00MK
  Le Petit Prince của Saint Exupéry
  Bùi Giáng dịch
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — 6.00MK
  Bùi Giáng dịch
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — 13.00MK
  của Hoàng Nguyên Nhuận
- **NHÀ KIỂO HẠNH VÀ GÃ LANG THANG** — 15.00MK
  Hermann Hesse — Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch
- **THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI** — 6.00MK
  Rainer Maria Rilke — Phạm Công Thiện dịch
- **SÔNG CÔN MÙA LŨ TẬP I** — 18.00MK
  Trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

Giá 3 Mỹ kim